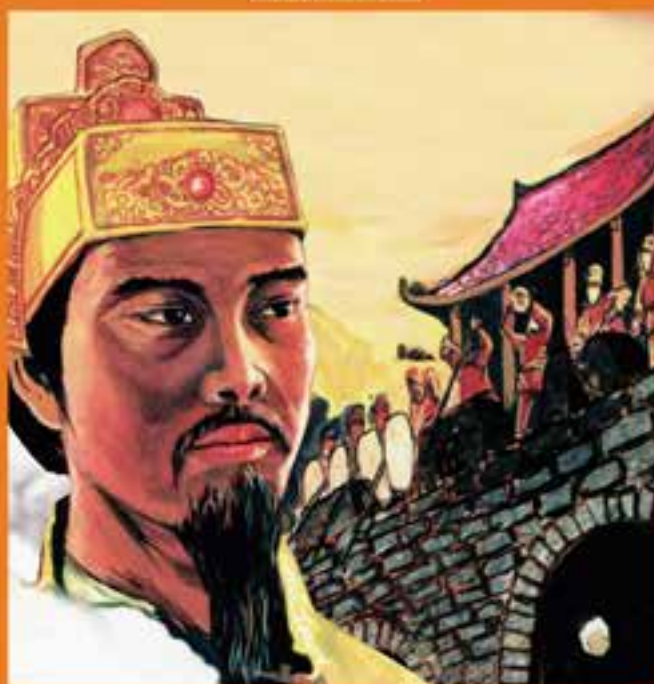


TRẦN BẠCH ĐĂNG chủ biên

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

BỘ DÀY



6

THỜI NHÀ HỒ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên

TRẦN BẠCH ĐẰNG

Biên soạn

LÊ VĂN NĂM

ĐINH VĂN LIÊN

NGUYỄN KHẮC THUẦN

Họa sĩ

NGUYỄN QUANG VINH

LÊ PHI HÙNG

LÊ TƯỜNG THANH

LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

BỘ DÀY



6

THỜI NHÀ HỒ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: NGUYỄN QUANG VINH - LÊ PHI HÙNG - LÊ TUỜNG THANH
Đồ họa vi tính: NGUYỄN VĂN TIẾN
Biên tập hình ảnh: NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN - LÊ PHI HÙNG

LỜI GIỚI THIỆU

Công trình *Lịch sử Việt Nam bằng tranh* ra đời nhằm mục đích giới thiệu lịch sử nước nhà một cách ngắn gọn, sinh động, có hệ thống, qua cách kể chuyện súc tích và tranh minh họa.

Bộ sách tranh nhiều tập này cố gắng phản ánh con người và đất nước Việt Nam theo đúng tiến trình lịch sử với không gian, văn hóa, y phục, tính cách phù hợp với từng thời kỳ, từng triều đại cụ thể.

Bộ *Lịch sử Việt Nam bằng tranh* dự kiến thực hiện xuyên suốt từ thời cổ của các thời đại đồ đá, đồ đồng đến thời Hùng Vương dựng nước; trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc đến thời kỳ tự chủ của các triều đại Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn và cuối cùng là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước vừa qua.

Bộ sách được chia làm nhiều tập, mỗi tập viết về một thời kỳ hay một nhân vật, một vấn đề tiêu biểu của thời kỳ đó. Mỗi tập có cấu trúc độc lập riêng nhưng hài hòa trong một tổng thể chung là Lịch sử Việt Nam. Trong quá trình biên soạn, các tác giả còn chú ý thể hiện các đặc điểm văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán tiêu biểu của từng thời kỳ lịch sử.

Công trình là nỗ lực chung của các họa sĩ, các cán bộ nghiên cứu của Viện Khoa học Xã hội tại TP Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Trẻ.

Đây là bộ lịch sử bằng tranh đầu tiên của nước ta được thực hiện với mục đích và yêu cầu như trên, nên trong quá trình biên soạn và thể hiện không tránh khỏi những sơ xuất. Ban biên soạn, họa sĩ và Nhà xuất bản Trẻ rất mong được sự góp ý của bạn đọc gần xa.

Thành phố Hồ Chí Minh
TRẦN BẠCH ĐĂNG

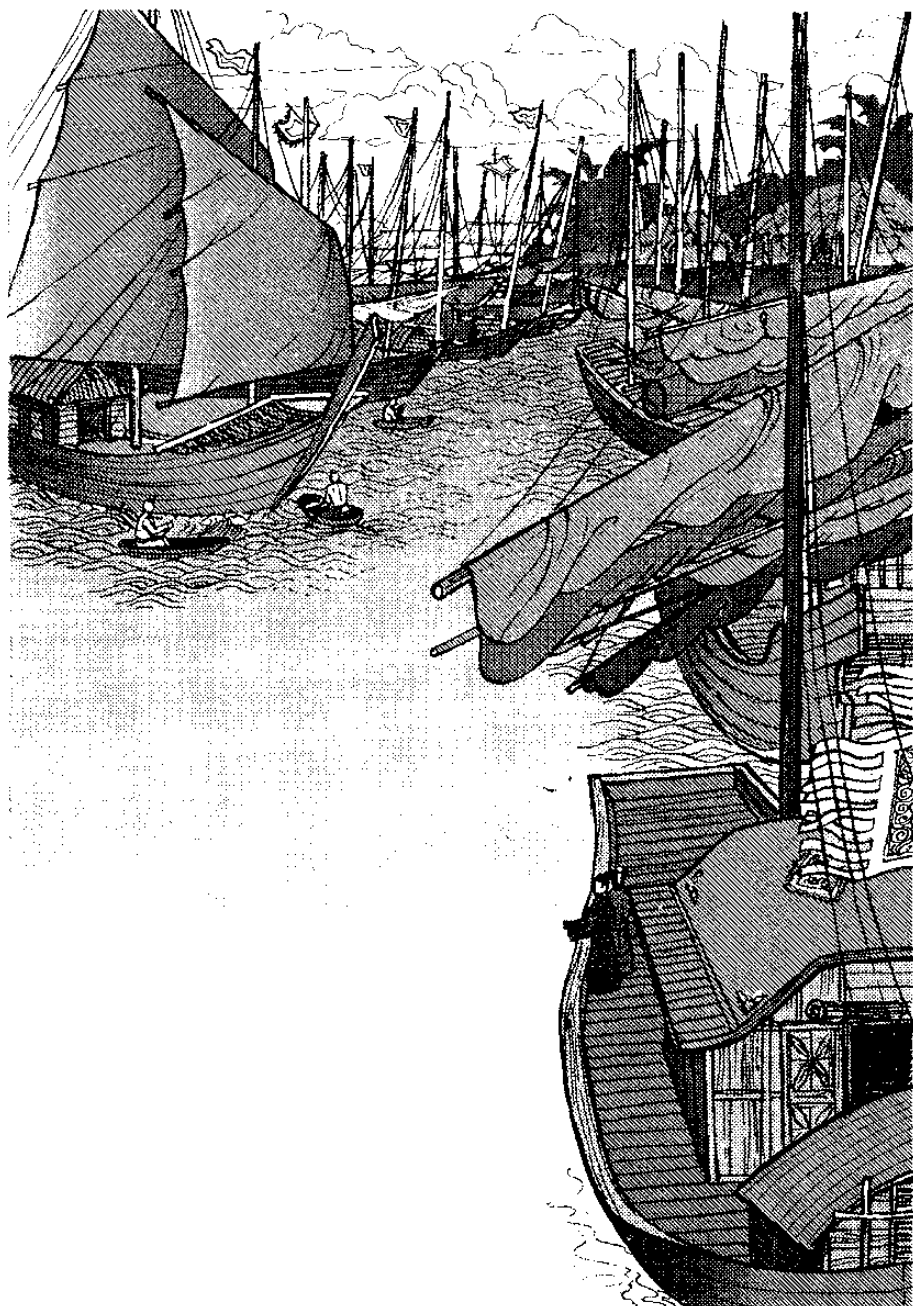
Tháng 3 năm Quý Tỵ (1293), vua Trần Khâm (Trần Nhân Tông) nhường ngôi cho con trưởng là Thái tử Trần Thuyên (Trần Nhân Tông), lên làm Thượng hoàng.



Sau chiến tranh, nước Đại Việt bị tàn phá nặng nề. Nhà Trần phải xây dựng lại đất nước. Chỉ trong thời gian ngắn, kinh tế đất nước phục hồi. Thăng Long và bến Vĩ Hoàng (Nam Định) lại trở thành trung tâm thương mại của đất nước.







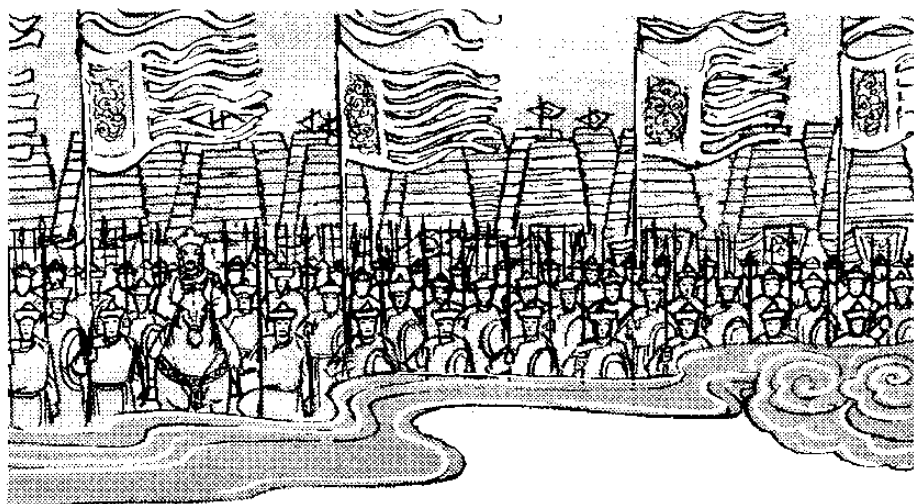
Đảo Vân Đồn (Quảng Ninh) vẫn là nơi thương gia các nước lui tới bán buôn. Ở phía nam, Thanh Hóa trở thành một thương cảng lớn lúc bấy giờ.



Chợ có ở mọi nơi, cứ năm dặm lại có một khu chợ lớn. Ở vùng nông thôn, cứ hai tháng có một phiên chợ bán buôn nhiều loại hàng hóa.



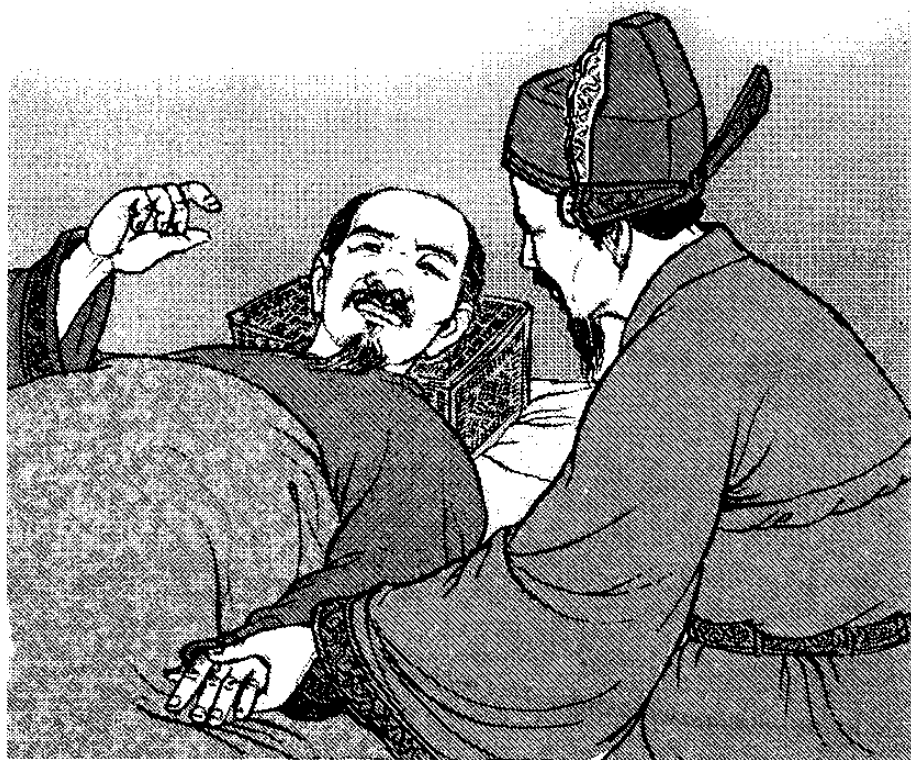
Sau khi đánh đuổi Thoát Hoan về nước, vua Trần Khâm lại sai sứ sang triều đình nhà Nguyên xin triều cống như xưa.



Dù vậy, Hốt Tất Liệt vẫn nuôi mộng đem quân xâm chiếm Đại Việt một lần nữa. Đầu năm 1294, Hốt Tất Liệt chết, kế hoạch xâm lược Đại Việt bị hủy bỏ.



Năm 1300, Hung Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn bệnh nặng. Trước khi mất, Trần Quốc Tuấn dặn vua Trần Thuyên rằng: “Khoan thư sức dân để làm kế sâu rĩ, bền gốc”.

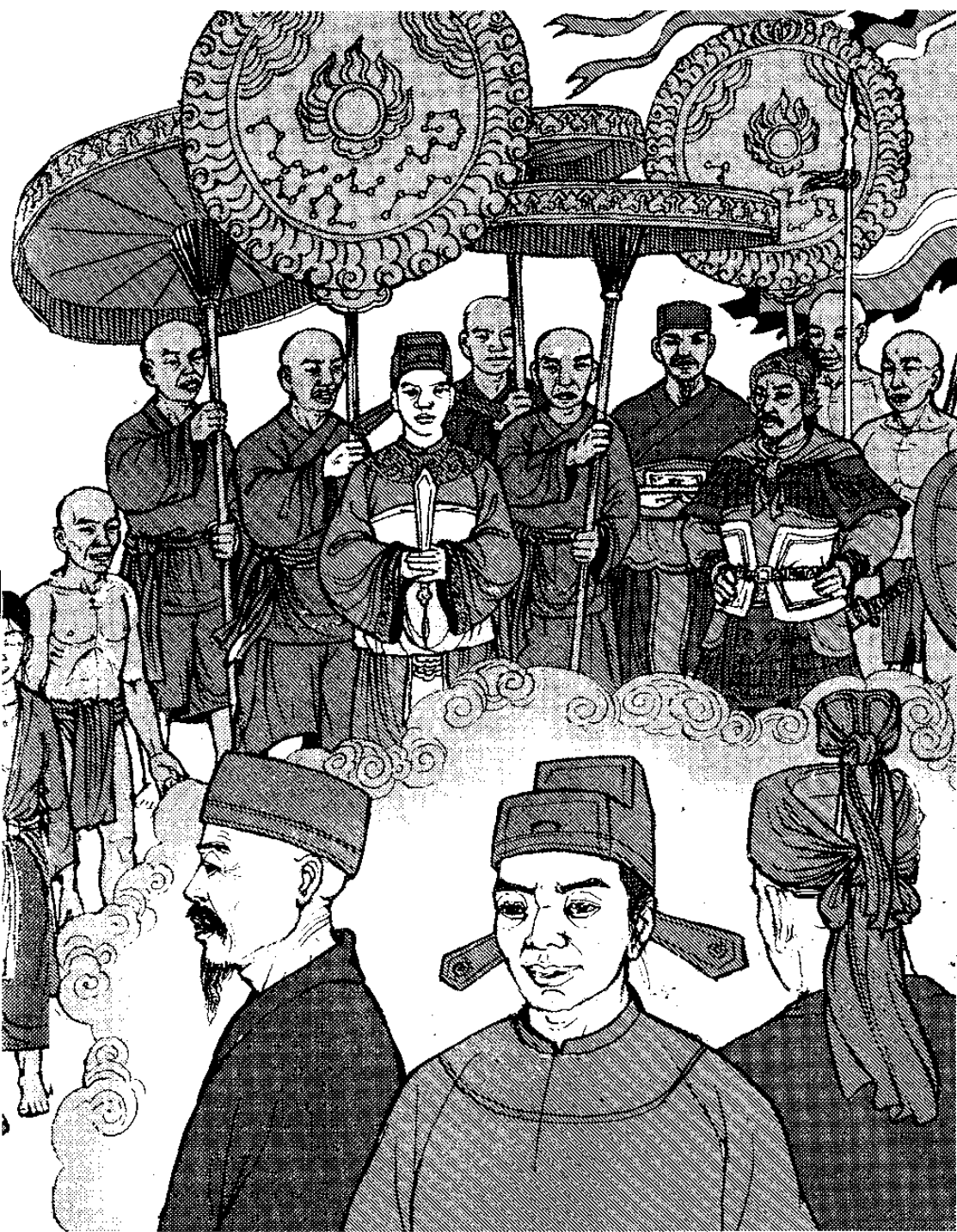


Dưới thời Trần Anh Tông, một số tập tục được thay đổi. Vua không xăm hình rồng lên người, Thượng hoàng Nhân Tông cũng không thể ép. Từ đó, các vua đời Trần không xăm hình rồng lên người nữa.



Vua Anh Tông còn quy định phẩm phục cho bá quan. Theo đó, các quan phải đội mũ chữ đinh và áo có tay rộng... Bậc vương hầu đội mũ triều thiên hoặc mũ bao.





Lâu nay, con cháu nhà Trần vẫn kết hôn với nhau để tránh việc bị họ khác cướp ngôi thông qua con đường hôn nhân. Dưới thời vua Anh Tông, việc này dần bỏ đi.





Trước đây, nhà Trần thường giao những chức vụ quan trọng cho người trong hoàng tộc. Vua Trần Thuyên thì tùy người mà giao việc. Những người có tài, dù không thuộc tôn thất vẫn được vua trọng dụng.

Ngày mới lên ngôi, vua Anh Tông hay uống rượu. Một lần, vua uống say đến nỗi không biết Thượng hoàng Nhân Tông về Thăng Long xem xét việc triều chính.



Khi biết vua say rượu nên không thiết triều, Thượng hoàng muốn truất ngôi Anh Tông. Thượng hoàng bắt bá quan phải về Thiên Trường* trình diện, ai vắng mặt sẽ xử tội.

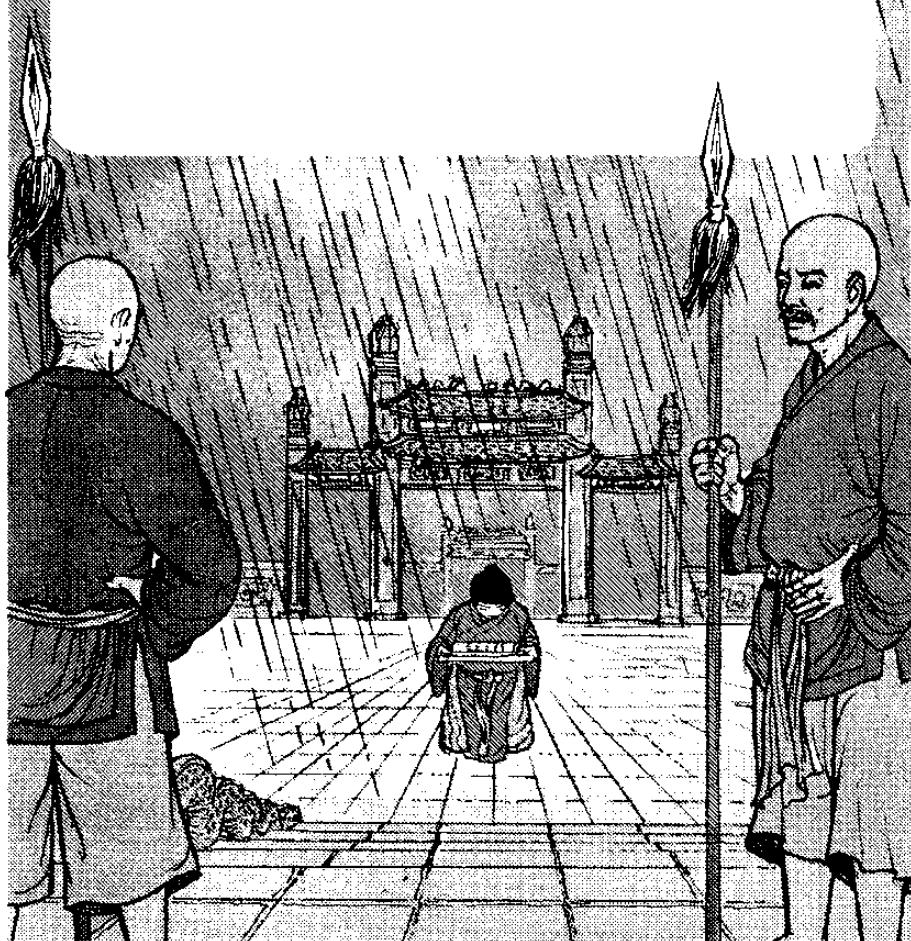
** Thiên Trường là quê hương của các vị vua nhà Trần, nay thuộc thành phố Nam Định.*





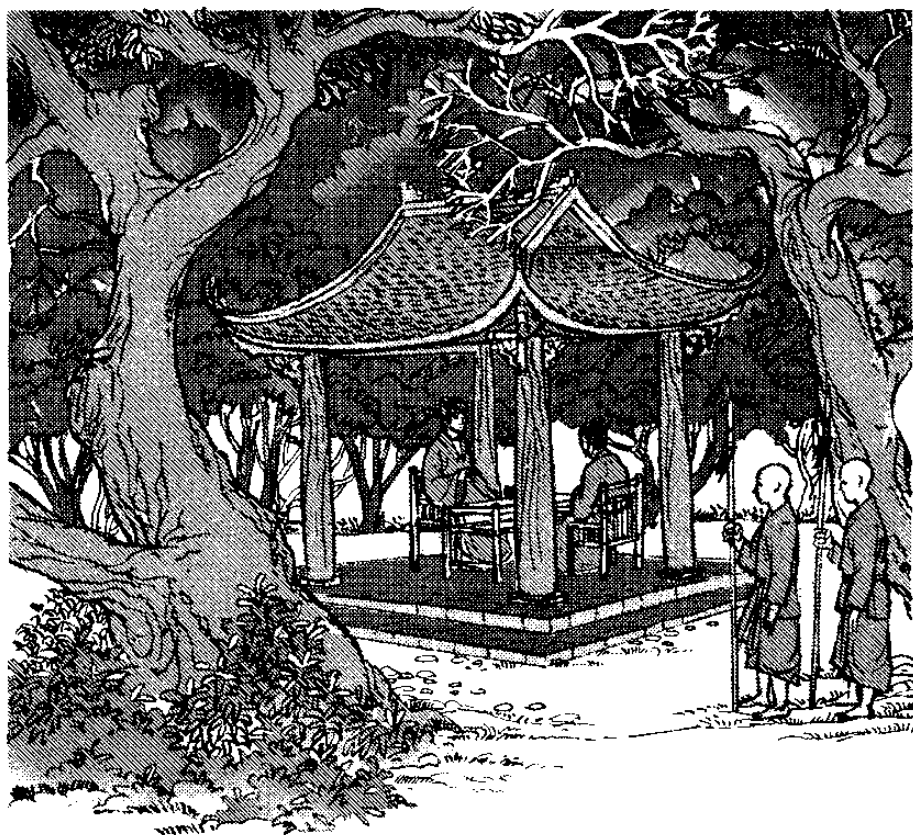
Tỉnh giấc, vua Anh Tông vội vàng xuống thuyền về Thiên Trường. Trên đường đi, vua gặp Đoàn Nhữ Hài. Vua sai Đoàn Nhữ Hài soạn một bài biểu tạ tội.

Đến Thiên Trường, Đoàn Nhữ Hài thay vua Anh Tông
quỳ dưới mưa dâng biểu tạ tội.



Thượng hoàng xem biểu, nguôi giận, gọi vua Anh Tông vào trách mắng nhưng vẫn cho làm vua.





Sau lần ấy, Đoàn Nhữ Hài được phong chức Ngự sử Trung tán. Vì trẻ tuổi, lại chưa đỗ đạt nên Nhữ Hài bị nhiều người ganh ghét. Dù vậy, ông vẫn được vua Anh Tông và Thượng hoàng Trần Nhân Tông tin dùng.

Năm 1303, Đoàn Nhữ Hài đi sứ Chiêm Thành. Về nước, ông được thăng chức Hành khiển - chức quan vốn chỉ dành cho người trong hoàng tộc.



Ngoài Đoàn Nhữ Hài, vua Trần Thuyên còn trọng dụng Trương Hán Siêu. Trương Hán Siêu quê ở làng Phúc Thành, huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên (nay là phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình). Ông vốn là môn khách của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn.



Trương Hán Siêu đã từng tham gia hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên vào năm 1285 và 1287. Ông có tài thơ phú, bài *Bạch Đằng giang phú* của ông là một áng văn bất hủ.



Năm 1308, vua Trần Thuyên đặc cách phong Trương Hán Siêu chức Hàn lâm viện Học sĩ, sau thăng lên chức Hành khiển. Dưới triều vua Trần Thuyên, nhiều người tài được bổ làm quan mà không phải qua con đường thi cử.



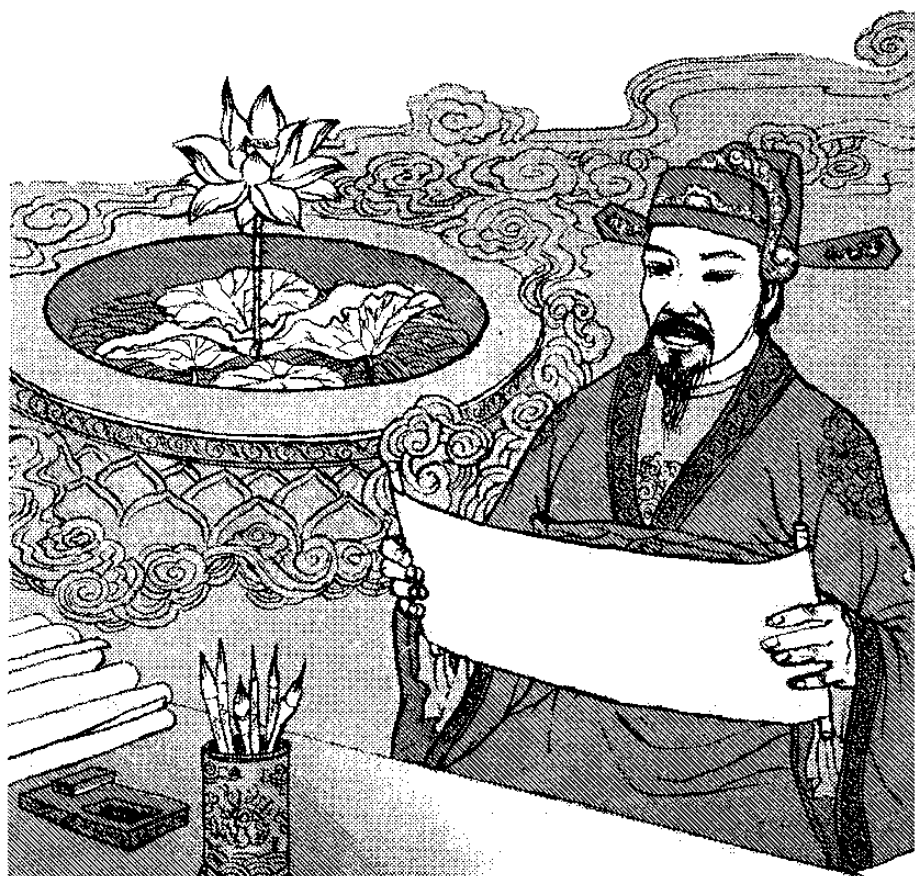
Năm 1299, vua Trần Thuyên xuống chiếu khuyến học trò trong nước ôn luyện kinh sách, chuẩn bị ra ứng thí. Năm 1304, nhà Trần mở khoa thi Thái học sinh, chấm đỗ bốn mươi bốn người.



Trạng nguyên khoa này là Mạc Đĩnh Chi, người làng Lan Khê, huyện Bàng Hà, lộ Lạng Giang (nay là xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương). Tuy học giỏi nhưng tướng mạo ông lại rất xấu xí.



Thấy Đinh Chi xấu xí, vua Trần Thuyên không muốn cho đỗ đầu. Biết ý, Đinh Chi làm bài *Ngọc tỉnh liên phú* (bài phú *Hoa sen trong giếng ngọc*) dâng lên. Vua Trần Thuyên xem, biết là người tài, bèn chọn ông đỗ Trạng nguyên.

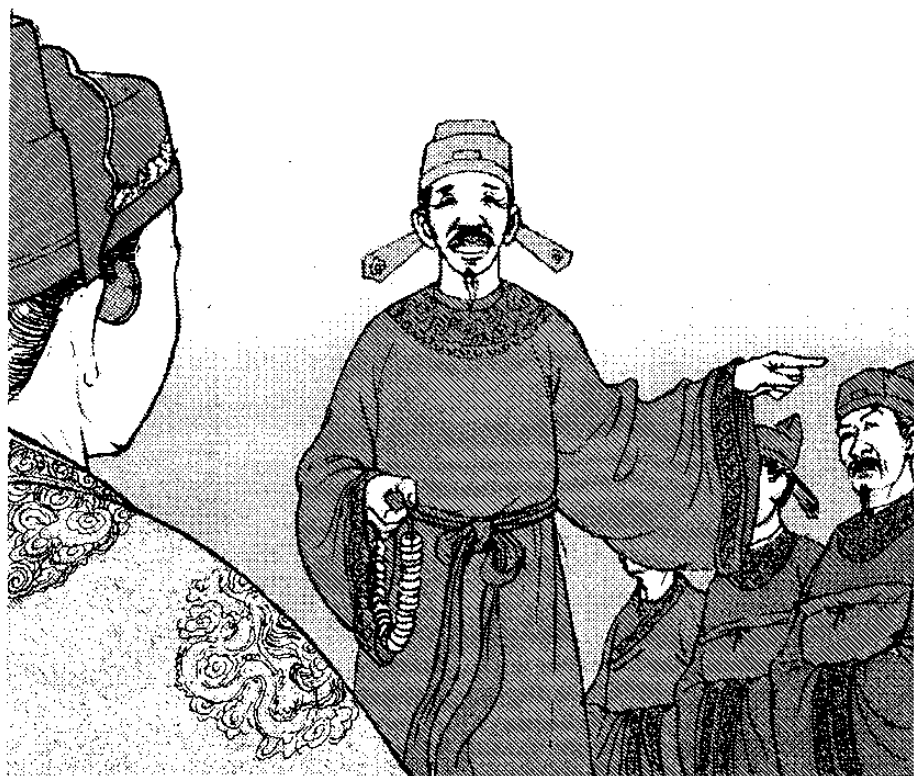




Trong hai lần được cử đi sứ, Mạc Đĩnh Chi đã khiến vua quan nhà Nguyên nể phục. Vua Nguyên còn phong ông là Lương quốc Trạng nguyên (Trạng nguyên hai nước). Nhiều giai thoại trong hai chuyến đi sứ của ông được dân gian truyền tụng.

Dưới đời vua Trần Vương* (Trần Hiến Tông), Mạc Đĩnh Chi giữ chức Thượng thư tả bộc xạ. Ông làm quan liêm khiết, được triều đình quý trọng. Khi về hưu, ông mở trường dạy học tại Thăng Long.

* Vua Trần Vương là con vua Trần Mạnh (Trần Minh Tông), cháu nội vua Trần Thuyên (Trần Anh Tông).



Khoa thi Thái học sinh năm 1304, ngoài Tam khôi*, vua Trần Thuyên còn lấy người đỗ thứ tư làm Hoàng giáp. Hoàng giáp là Nguyễn Trung Ngạn, mười sáu tuổi, quê ở làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, lộ Khoái Châu (huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên ngày nay).

* Tam khôi: Trạng nguyên, Thám hoa, Bảng nhãn.

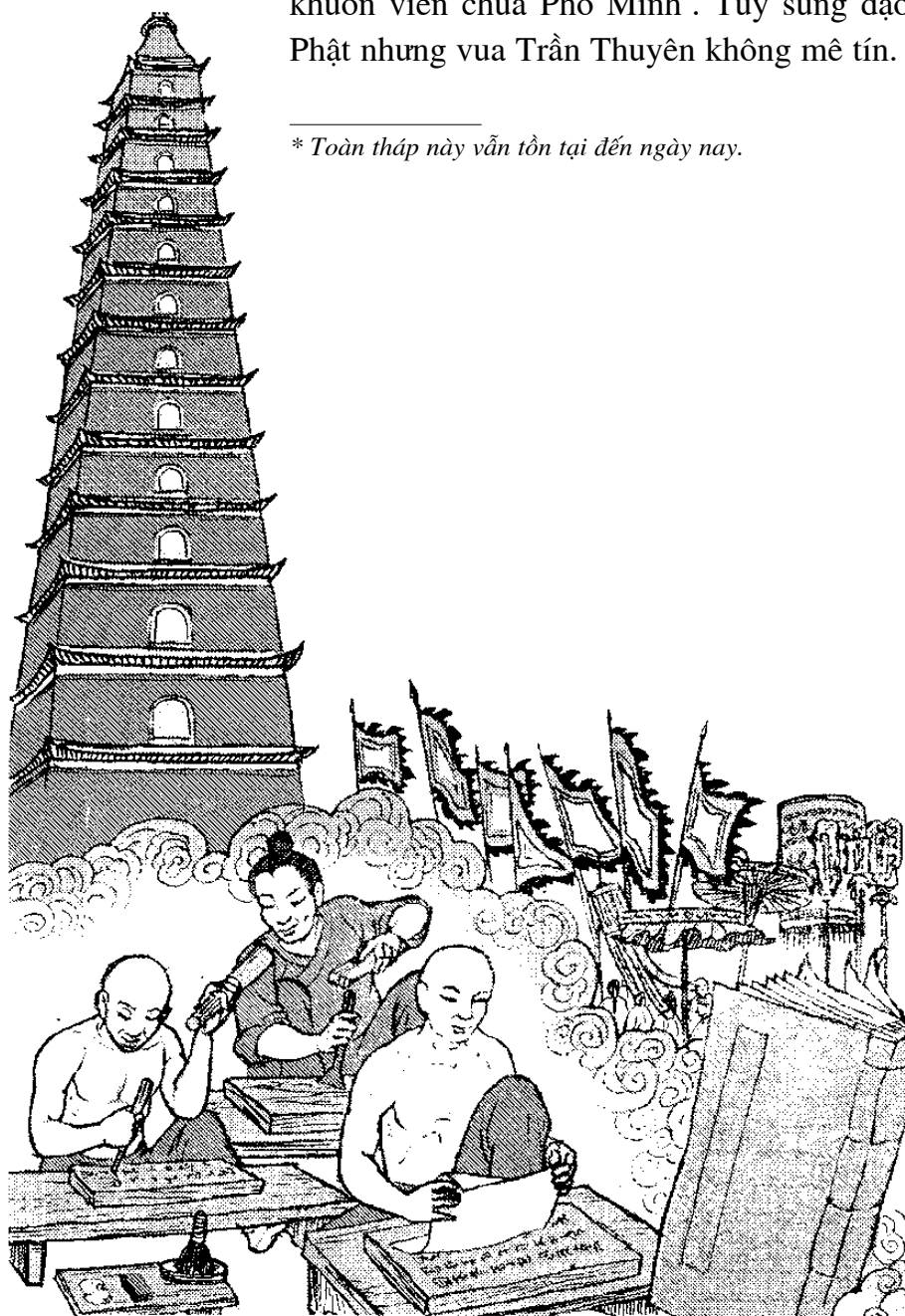


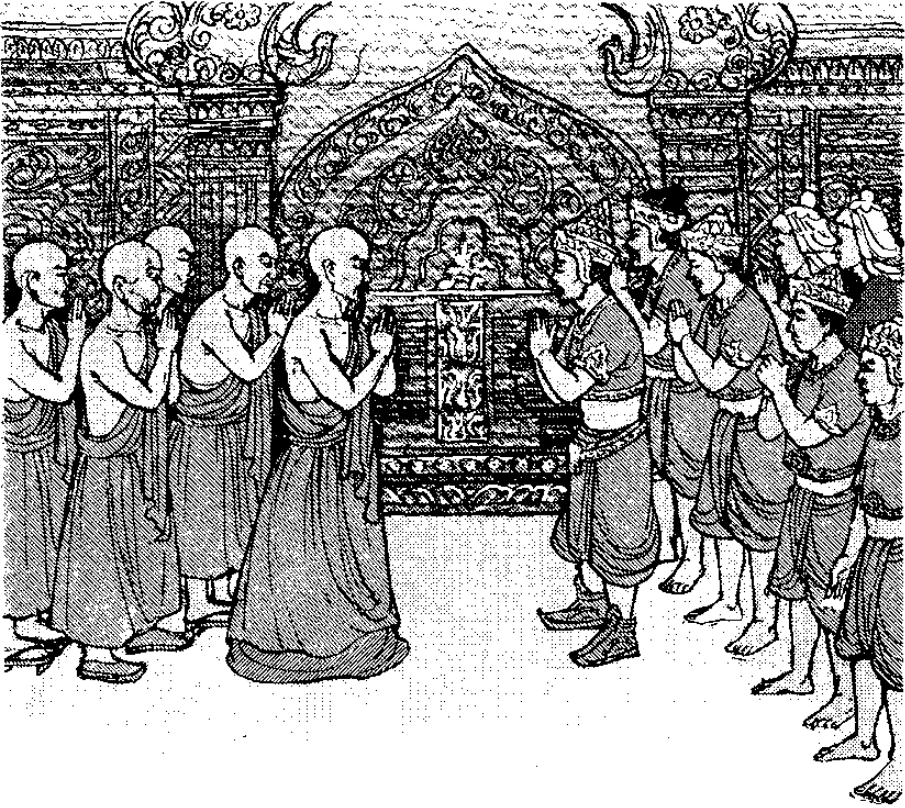
Khi giữ chức An phủ sứ Thanh Hóa, Nguyễn Trung Ngạn lập kho Tào thương để thu mua thóc lúc được mùa và khi mất mùa thì lấy thóc đó phát chẩn cho dân. Vua Trần Thuyên lệnh cho các địa phương khác làm theo.



Dưới thời vua Trần Thuyên, Nho giáo tuy đã lớn mạnh nhưng Phật giáo vẫn giữ vai trò là quốc giáo. Năm 1310, vua Trần Thuyên cho xây tòa tháp cao mười bốn tầng trong khuôn viên chùa Phổ Minh*. Tuy sùng đạo Phật nhưng vua Trần Thuyên không mê tín.

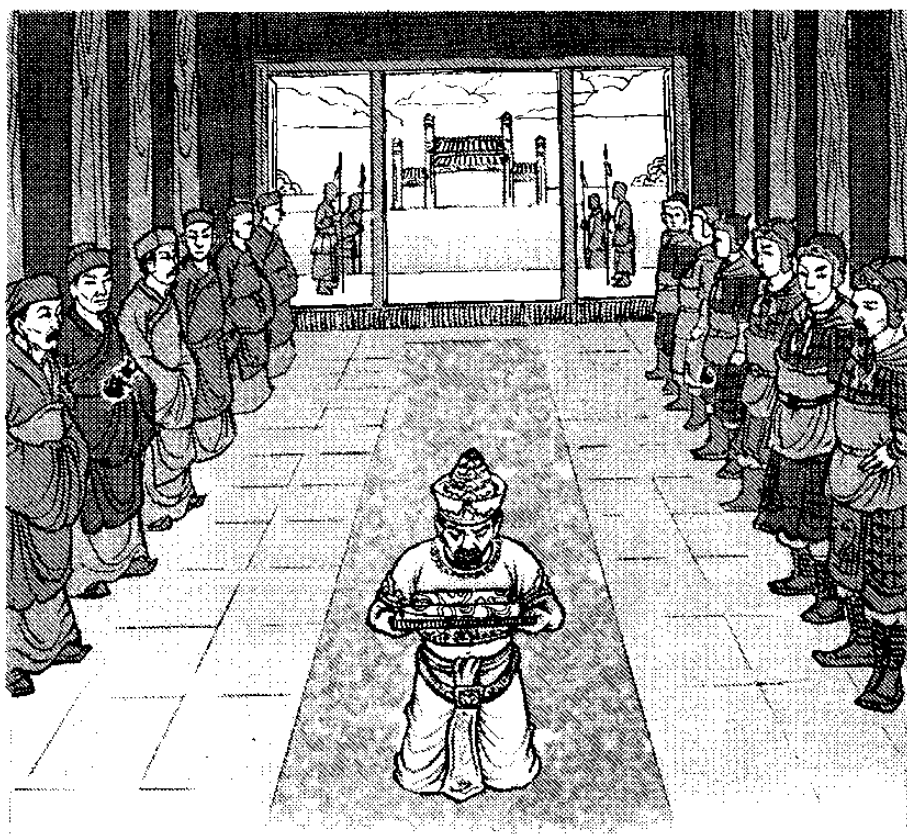
* Toàn tháp này vẫn tồn tại đến ngày nay.





Năm 1303, sau khi xuất gia, Thượng hoàng Trần Nhân Tông sang thăm Chiêm Thành và được vua Chế Mân tiếp đón nồng hậu. Thượng hoàng Nhân Tông hứa gả công chúa Huyền Trân - em gái vua Trần Thuyên - cho vua Chăm.

Tháng sáu năm Bính Ngọ (1306), Chiêm Thành dâng hai châu Ô, Lý (vùng đất kéo dài từ phía Nam tỉnh Quảng Bình đến phía bắc đèo Hải Vân ngày nay) làm sinh lễ, hỏi cưới công chúa Huyền Trân.



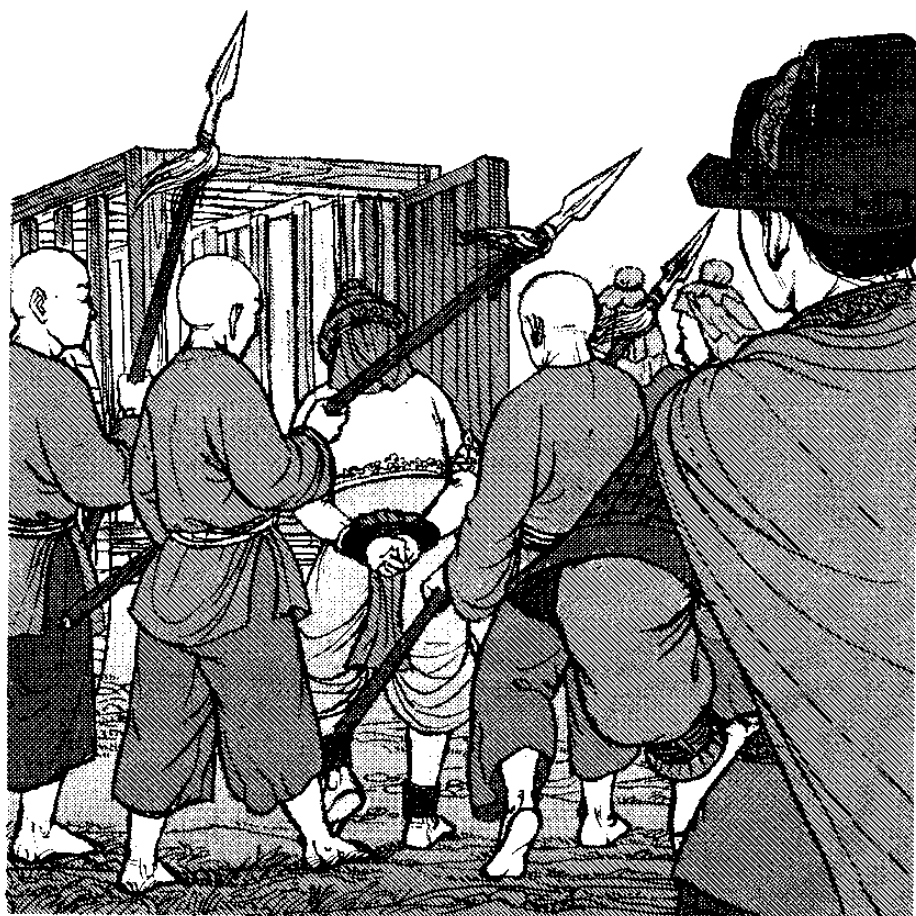
Vua Trần Thuyên đổi tên hai châu Ô, Rí thành châu Thuận và châu Hóa, lại sai Đoàn Nhữ Hài đi chiêu an dân chúng, bổ nhiệm quan lại. Triều đình còn miễn thuế ba năm cho người dân ở vùng đất mới.



Một năm sau, Chế Mân đột ngột từ trần. Theo tục lệ Chiêm Thành, vua chết thì hoàng hậu phải chết theo. Vua Trần Thuyên sai Trần Khắc Chung sang Chiêm Thành viếng Chế Mân rồi tìm cách đưa Huyền Trân về nước.



Năm 1311, Chiêm Thành nhiều lần gây hấn. Vua Anh Tông đích thân cầm quân đi đánh dẹp, bắt vua Chiêm là Chế Chí. Năm 1318, nhà Trần lại đánh Chiêm Thành lần nữa, vua Chiêm phải chạy sang nước Trảo Oa (tức Java, thuộc Indonesia ngày nay).



Làm vua được 21 năm, vua Anh Tông nhường ngôi cho con là Trần Mạnh (Trần Minh Tông), mười bốn tuổi, rồi lui về phủ Thiên Trường làm Thượng hoàng.



Năm 1314, vua Minh Tông cử Nguyễn Trung Ngạn làm Chánh sứ cùng Phạm Tông Mai sang triều đình nhà Nguyên. Trong chuyến đi này, Nguyễn Trung Ngạn đã sáng tác nhiều bài thơ được in thành quyển *Giới Hiên thi tập*. Đó là những bài thơ đi sứ sớm nhất của nước ta mà ngày nay còn giữ được.



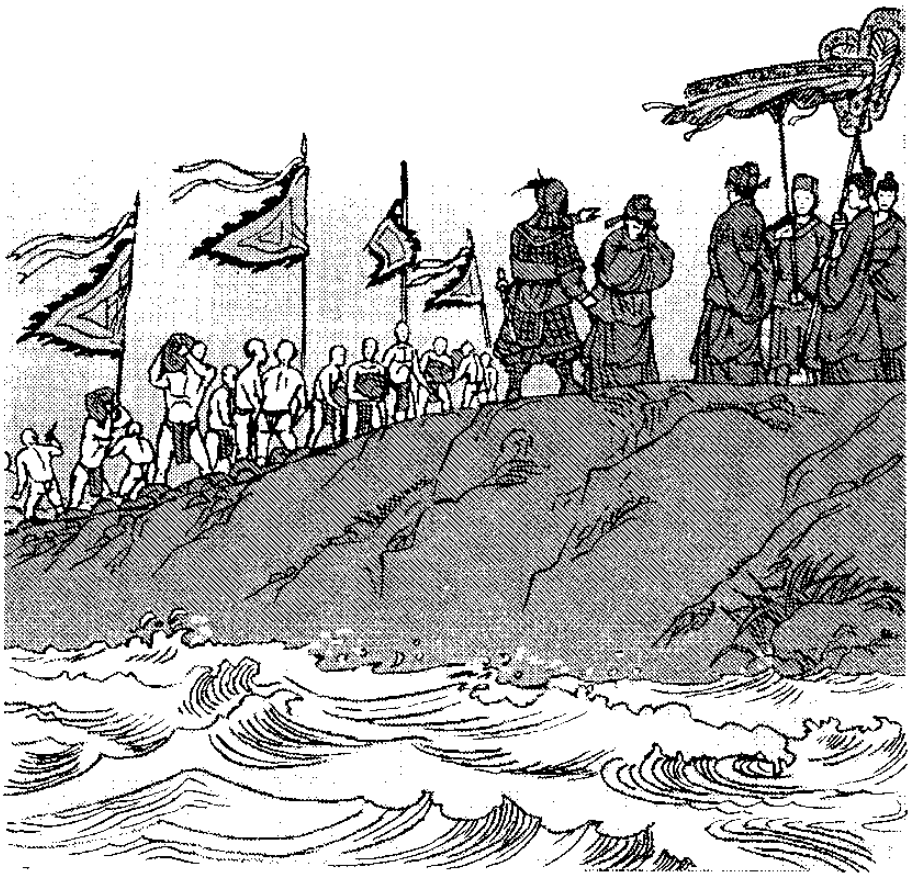
Năm 1315, nước sông Hồng dâng cao, Trần Minh Tông muốn đích thân xem đắp đê, quan Ngự sử can:

- Bệ hạ nên chăm sửa đức chính, xem làm gì việc sửa đê nhỏ nhặt.

Quan Hành khiển (Tể tướng) Trần Khắc Chung đáp lại:

- Khi dân bị nạn lụt, người làm vua phải cứu giúp tai nạn khẩn cấp, sửa đức chính không gì lớn hơn việc đó.

Nhà vua cho thế là phải.



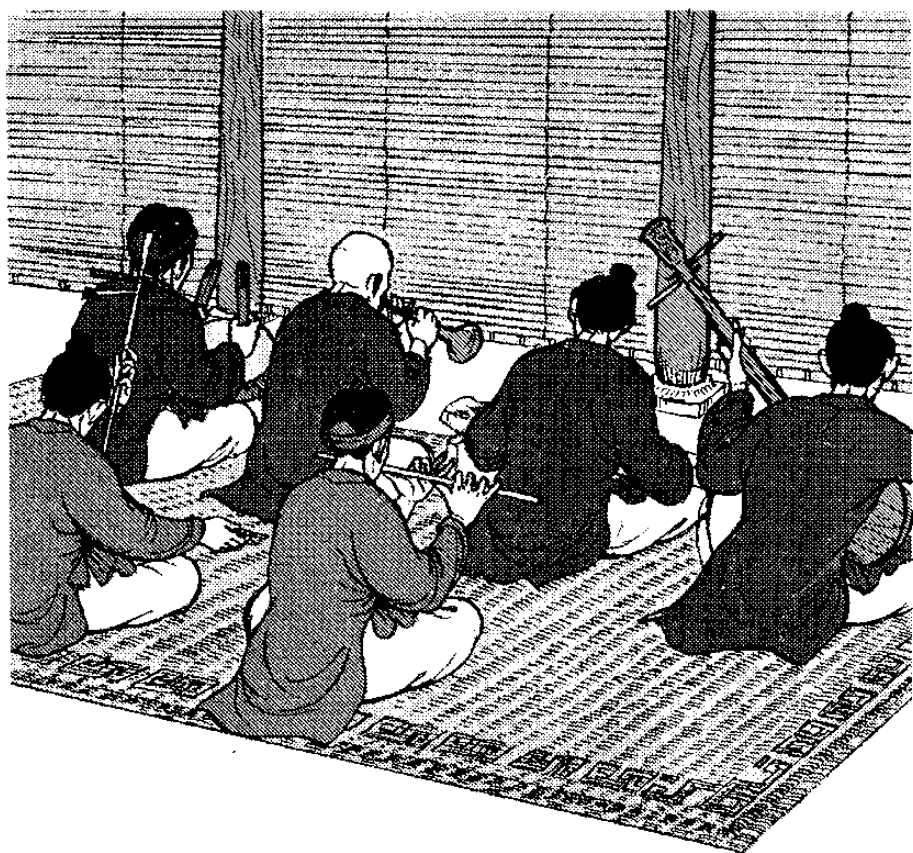
Năm 1324, ở Trung Quốc, vua Nguyên Thái Định đế lên ngôi, sai Mã Hợp Ngưu sang nước ta báo tin. Vua Trần Mạnh sai Nguyễn Trung Ngạn ra tiếp đón.



Năm 1326, do sơ suất trong công việc ghi chép quan phục của quan lại, Nguyễn Trung Ngạn bị chuyển ra làm An phủ sứ* Thanh Hóa. Điều đó chứng tỏ việc thực hiện các điển lệ thời này vẫn còn rất nghiêm ngặt.

* Ở cấp lộ, An phủ sứ lo việc hành chính, việc quân cơ do Kinh lược sứ lo liệu.





Thời vua Trần Mạnh, trong các buổi tiệc cung đình thường có hát xướng. Phường nhạc phải ngồi khuất ở phía sau thềm điện. Mỗi lần rót rượu, quan hầu rượu sẽ hô to lên và phường nhạc sẽ tấu những khúc nhạc ngắn.

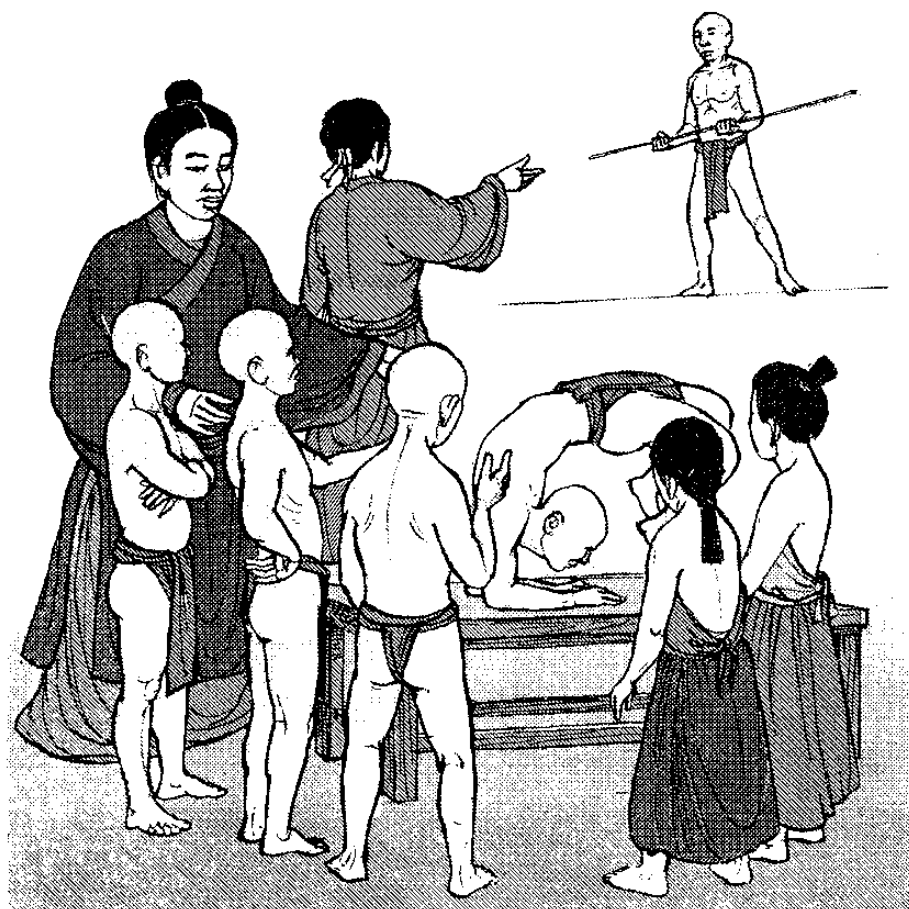
Thềm điện là nơi các nữ vũ công múa chân không. Các nữ vũ công phải bôi đỏ mười móng chân. Lại có mười nam vũ công cỡi trần, nắm tay nhau đứng hát xung quanh.



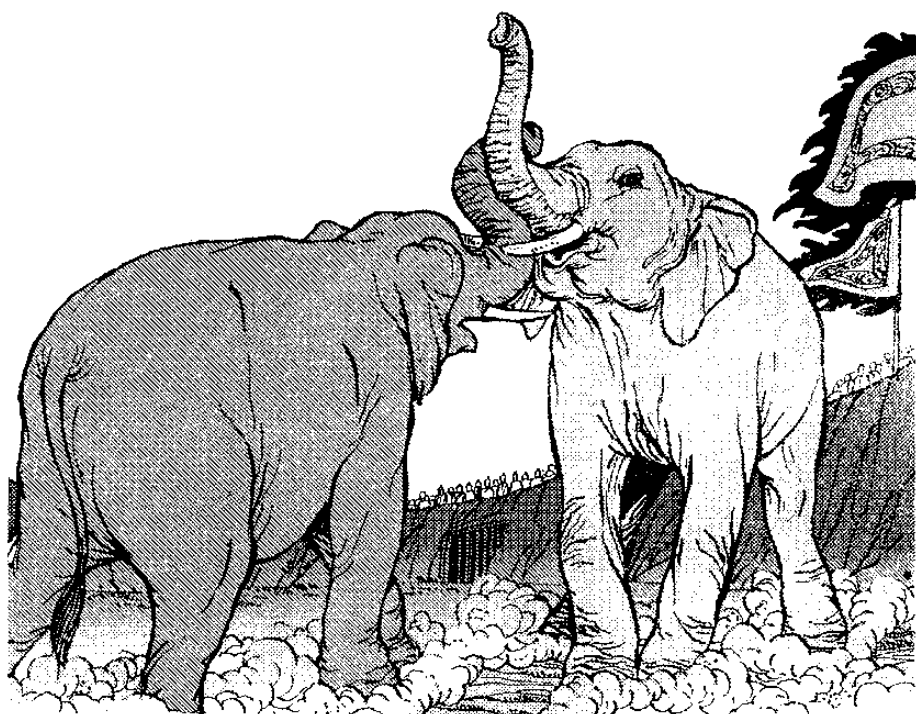
Năm 1285, khi đánh giặc Nguyên, nhà Trần bắt được một kép hát là Lý Nguyên Cát. Lý Nguyên Cát đã dạy các phường hát Đại Việt nghệ thuật hát tuồng.

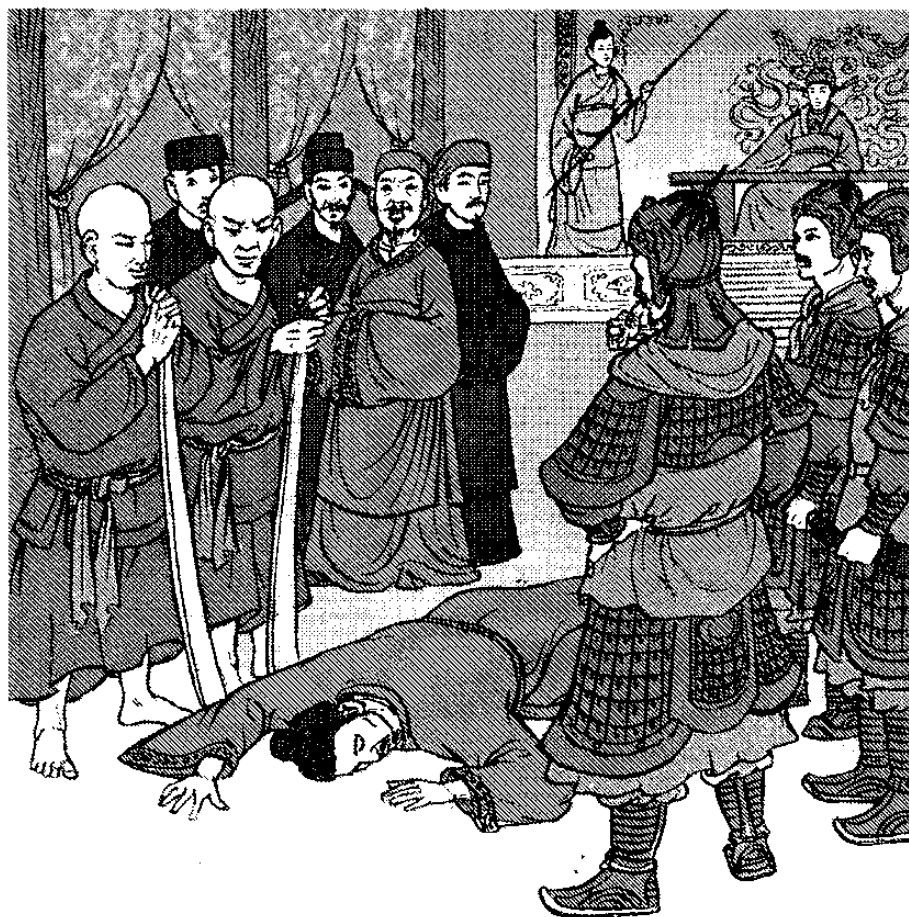


Năm 1350, Đinh Bảng Đức - một người Hoa di cư sang Đại Việt - đã truyền dạy nghề diễn trò cho dân chúng. Đây là nền tảng của nghệ thuật xiếc sau này.



Thượng hoàng Trần Nhân Tông rất thích xem đấu voi hoặc xem voi đọ sức với hổ. Các vị vua Trần đời sau thường ngự ở điện Thiên An xem đấu voi.



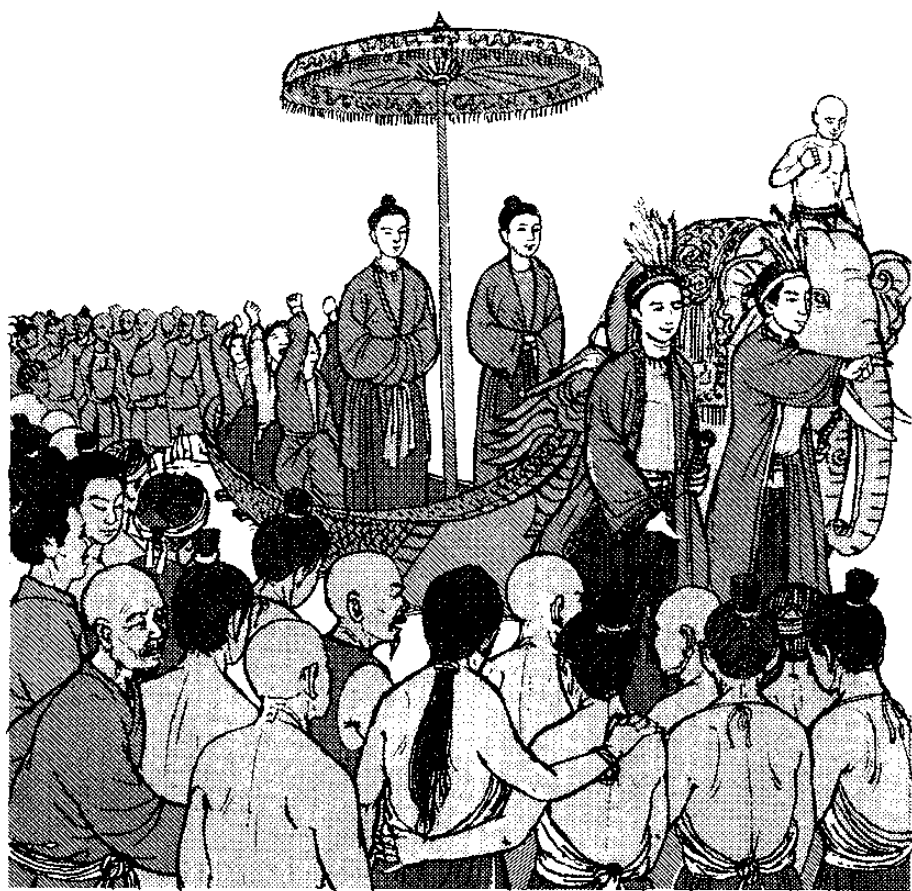


Nhà Trần nghiêm cấm dân chúng đánh bạc. Năm 1296, vua Trần Thuyên đã sai đánh quan Thượng phẩm Nguyễn Hưng đến chết vì tội đánh bạc.

Hàng năm, vào mùa xuân, dân chúng khắp nơi mở lễ hội. Đầu tiên là phần lễ, dân làng dâng lễ vật lên thần linh cầu xin một năm mới bình an. Sau đó là phần hội với những trò chơi dân gian được nhiều người ưa thích.

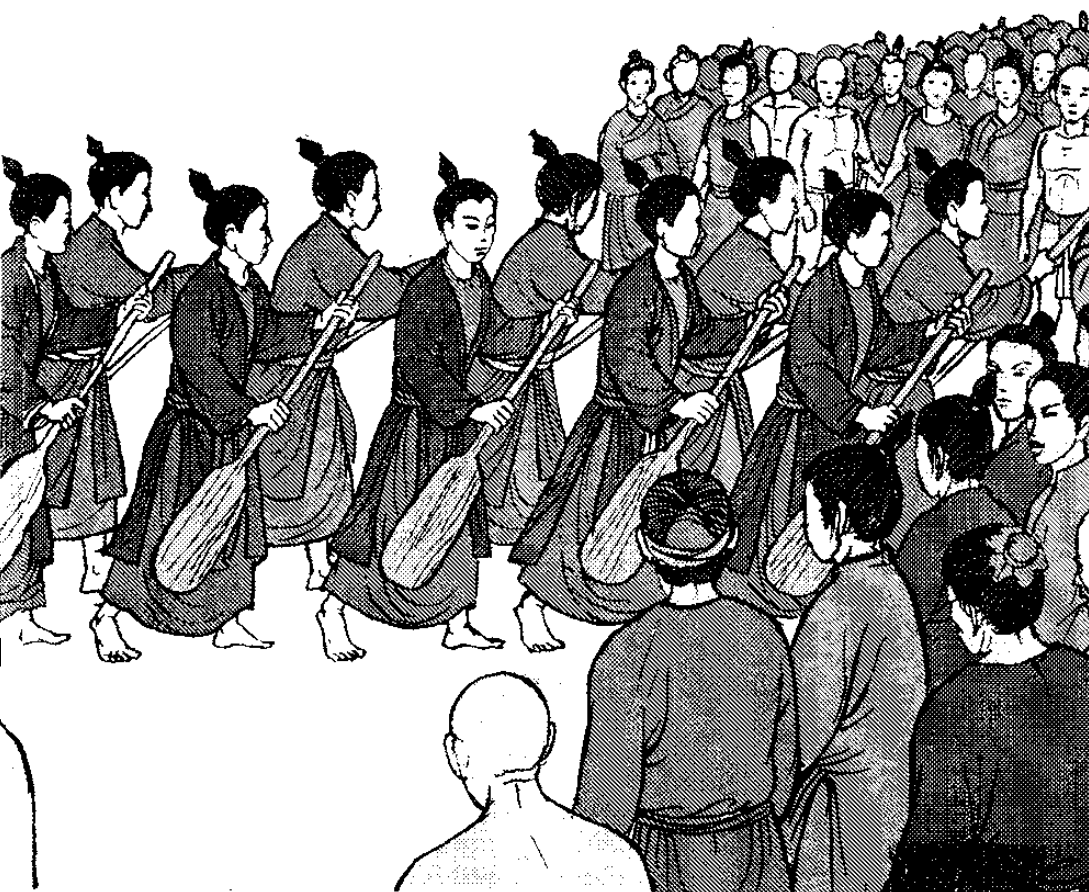


Trong lễ hội, các tiết mục diễn xướng rất được dân chúng ưa thích. Những sự tích, truyền thuyết về các vị thần, về các anh hùng dân tộc được lưu truyền từ đời này sang đời khác thông qua lễ hội.





Trong phần hội, thanh niên trai gái cùng nhau hát múa. Nhiều điệu múa còn được truyền đến ngày nay như điệu múa *Lý Liên*. Đây là điệu múa do bốn, tám hoặc mười sáu nam nữ thanh niên biểu diễn. Họ vừa bước theo tiếng nhạc, vừa múa những động tác như bơi chài, chèo thuyền...



Thời Trần, các ngành thiên văn, lịch pháp, y học rất phát triển. Năm 1339, một viên quan ở tòa Khâm thiên giám là Đặng Lộ đã dâng lên vua Trần Vương một loại kính thiên văn, gọi là *Lung linh nghi*, và bộ lịch *Hiệu Kỷ*.



Cuối đời vua Minh Tông, triều đình nhà Trần bắt đầu phân hóa. Việc tranh giành ngôi thái tử đã khiến nhiều người bị giết oan như Huệ Vũ vương Trần Quốc Chẩn.



Năm 1329, vua Trần Minh Tông nhường ngôi cho con là Trần Vượng (Trần Hiến Tông). Vì vua Trần Vượng mới mười tuổi nên mọi việc vẫn do Thượng hoàng Minh Tông quyết định. Năm 1341, Hiến Tông băng. Hoàng tử Trần Hạo (Trần Dụ Tông) - mới sáu tuổi - được Thượng hoàng Minh Tông đưa lên ngôi, tức Dụ Tông.



Năm 1334, Thượng hoàng Minh Tông đem quân đi đánh Ai Lao ở biên giới phía Tây Nam. Quân Ai Lao sợ hãi bỏ chạy. Thượng hoàng sai Nguyễn Trung Ngạn ghi lại chiến công lên núi đá.



Năm 1341, Thượng hoàng Minh Tông giao cho Nguyễn Trung Ngạn và Trương Hán Siêu biên soạn bộ *Hoàng triều đại điển* và bộ *Hình thư* (bộ luật Hình sự).



Đầu năm Đinh Dậu (1357), Thượng hoàng Minh Tông bệnh nặng. Vua Dụ Tông và triều đình muốn lập đàn cầu thọ cho Thượng hoàng nhưng người bác đi. Tháng hai năm ấy, Thượng hoàng Minh Tông băng hà tại phủ Thiên Trường.



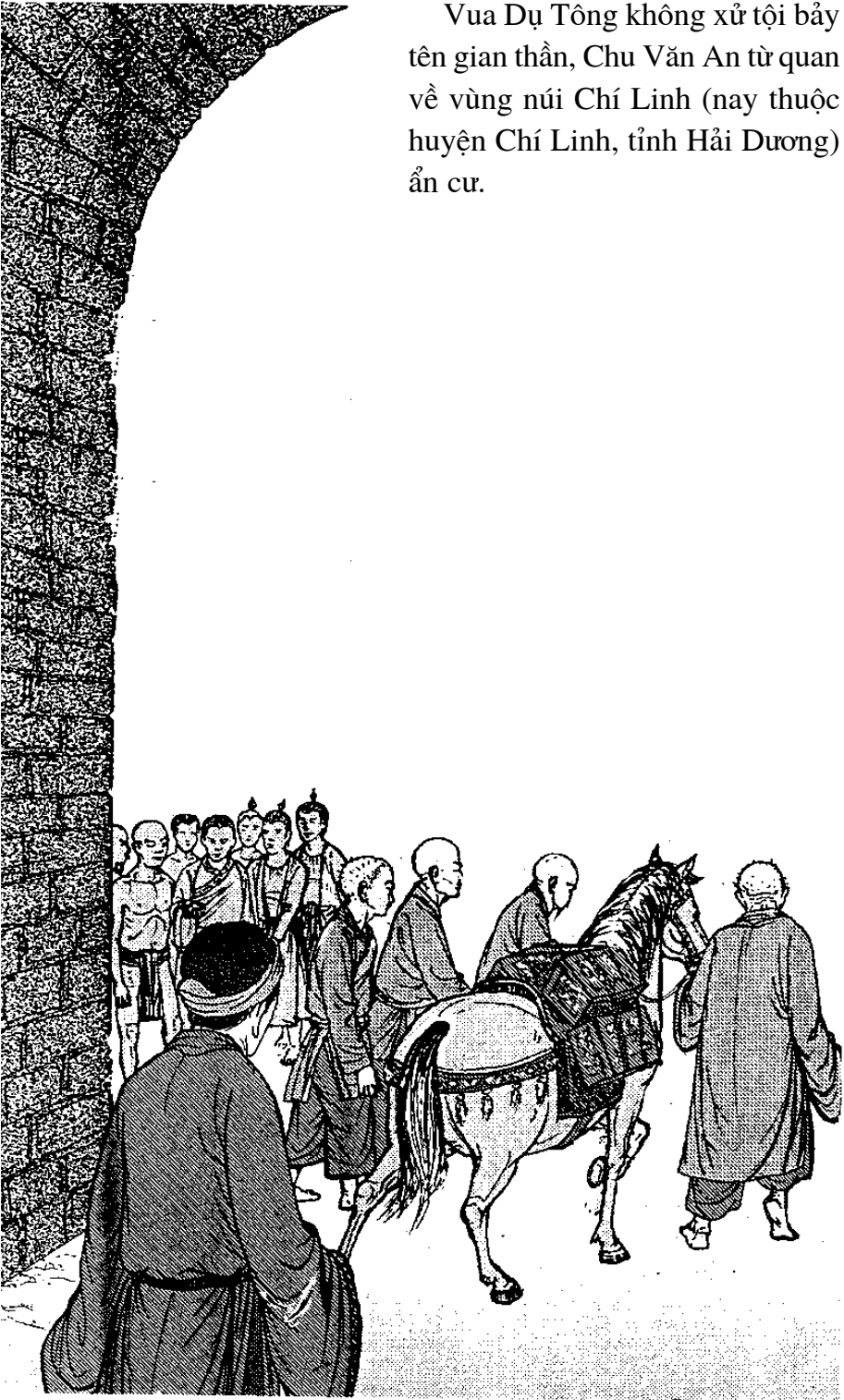
Sau khi Thượng hoàng Minh Tông băng hà, vua Dụ Tông ham chơi, không lo việc nước. Trong triều, gian thần ngày càng đông và nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng. Kỷ cương phép nước bị xem nhẹ.



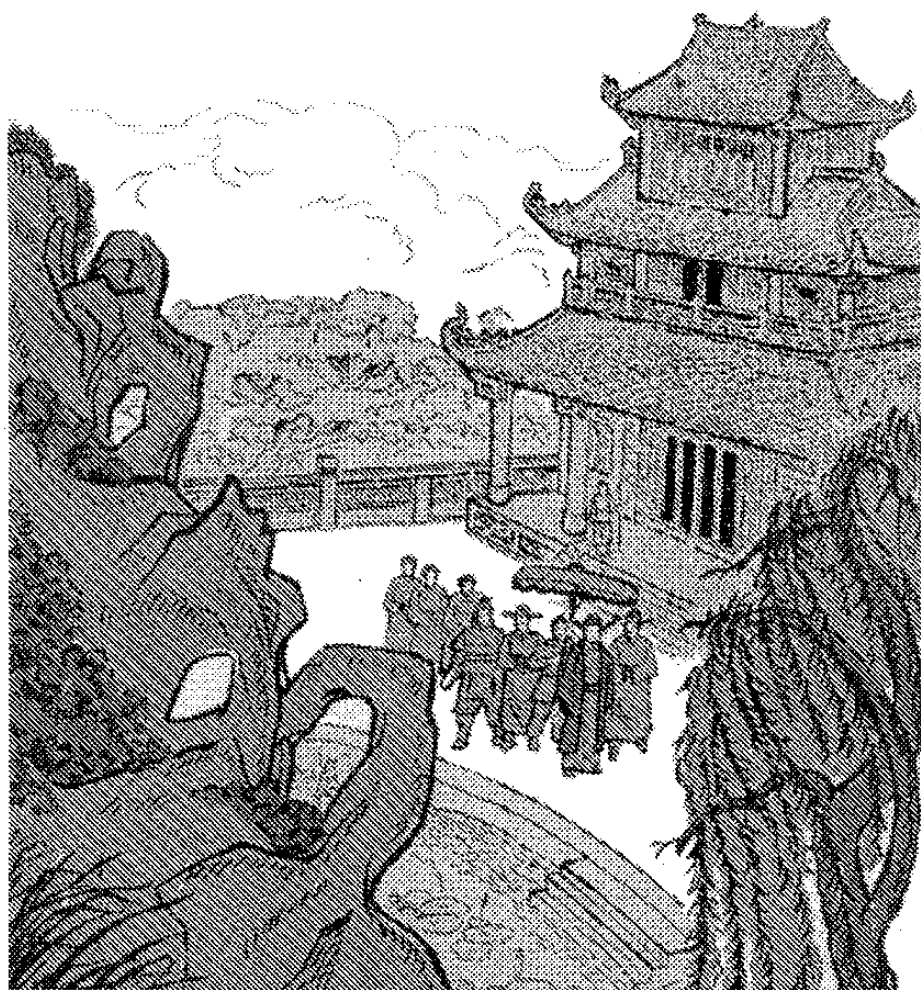


Bấy giờ, giữ chức Tu nghiệp Quốc tử giám là Chu Văn An, quê ở làng Văn Thôn, xã Quảng Thanh Liệt (nay thuộc xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội). Chu Văn An là thầy của vua Trần Hiến Tông. Thấy vua Dụ Tông để gian thần lộng hành, Chu Văn An dâng *Thất trảm sớ* xin chém bảy tên gian thần.

Vua Dụ Tông không xử tội bảy tên gian thần, Chu Văn An từ quan về vùng núi Chí Linh (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương) ẩn cư.



Mùa đông năm 1363, Dụ Tông cho mở rộng vườn ngự uyển, dựng nhiều cung điện làm nơi ăn chơi, hưởng lạc.





Vua Dụ Tông lại thường vi hành đến nhà quan lại thân cận để vui chơi. Có lần, vua bị bọn cướp chặn đường, lấy mất cả ấn báu và guơm báu.

Năm 1369, trước khi mất, vua Trần Hạo truyền ngôi cho Nhật Lễ. Nhật Lễ là con của Cung Túc vương Trần Dục với vợ một kép hát tên là Dương Khương. Khi Trần Dục cướp vợ của Dương Khương thì nàng đang mang thai Nhật Lễ.

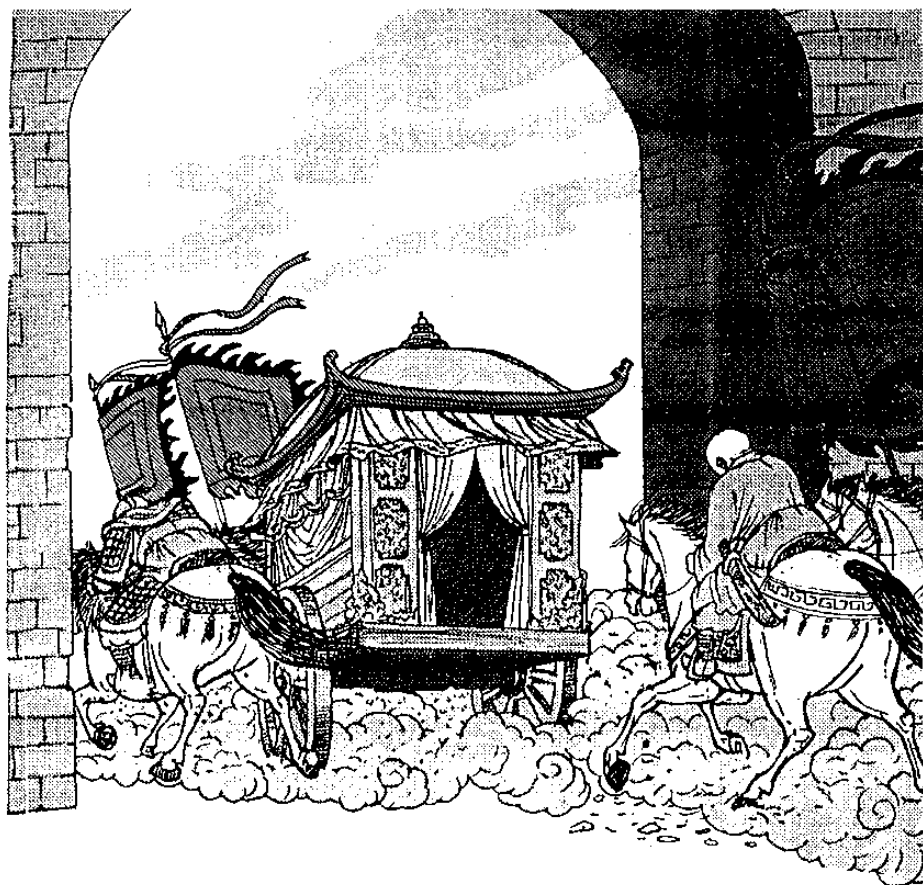


Vua Trần Nhật Lễ chỉ lo việc ăn chơi khiến nhiều người thất vọng. Thái hậu Hiến Từ là bà nội của Nhật Lễ tỏ ra hối tiếc vì đã giúp Nhật Lễ lên ngôi. Biết việc, Nhật Lễ ngầm sai người bỏ thuốc độc giết Hiến Từ Thái hậu.



Năm 1370, Nhật Lễ còn định bỏ họ Trần để theo họ Dương. Một số người trong tôn thất bất bình, tìm cách giết Nhật Lễ. Việc không thành, mười tám người này bị Nhật Lễ giết hại.



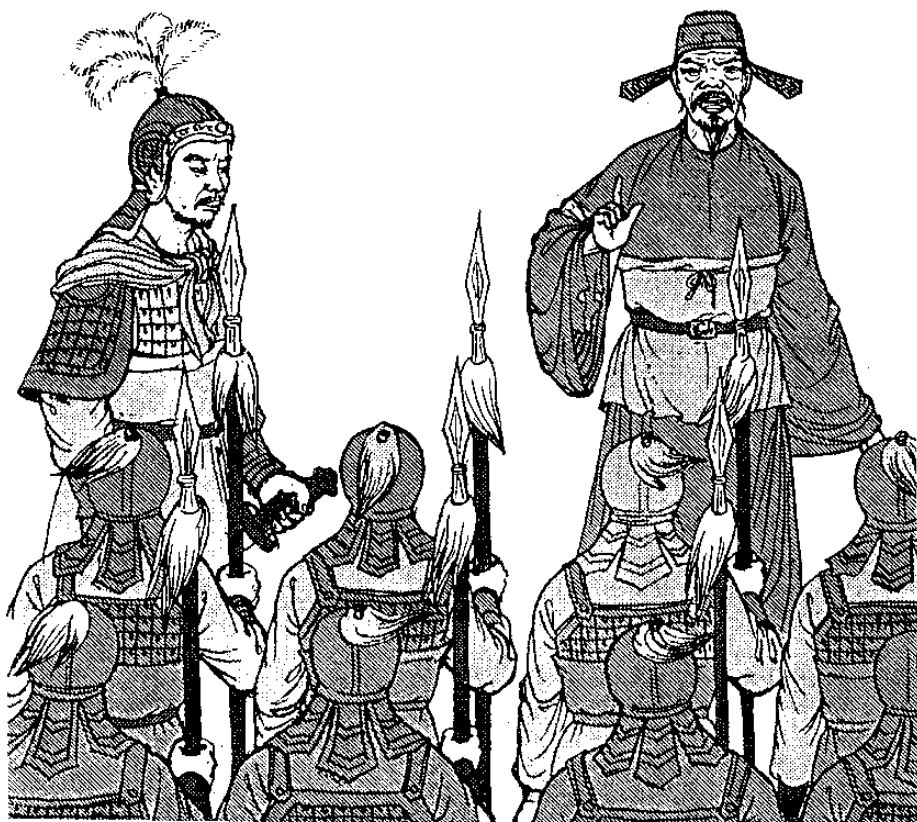


Trong số mười tám người bị Nhật Lễ giết hại có hai người con của công chúa Thiên Ninh. Trần Phủ - là anh của công chúa Thiên Ninh - sợ bị vạ lây nên đem gia quyến lánh ra trấn Đà Giang.

Tháng 10 mùa đông năm Canh Tuất (1370), sau khi công chúa Thiên Ninh ra sức thuyết phục, Trần Phủ cùng Cung Túc vương Trần Kính, Chương Túc hầu Trần Nguyên Đán và công chúa Thiên Ninh khởi binh chống Nhật Lễ ở Thanh Hóa.

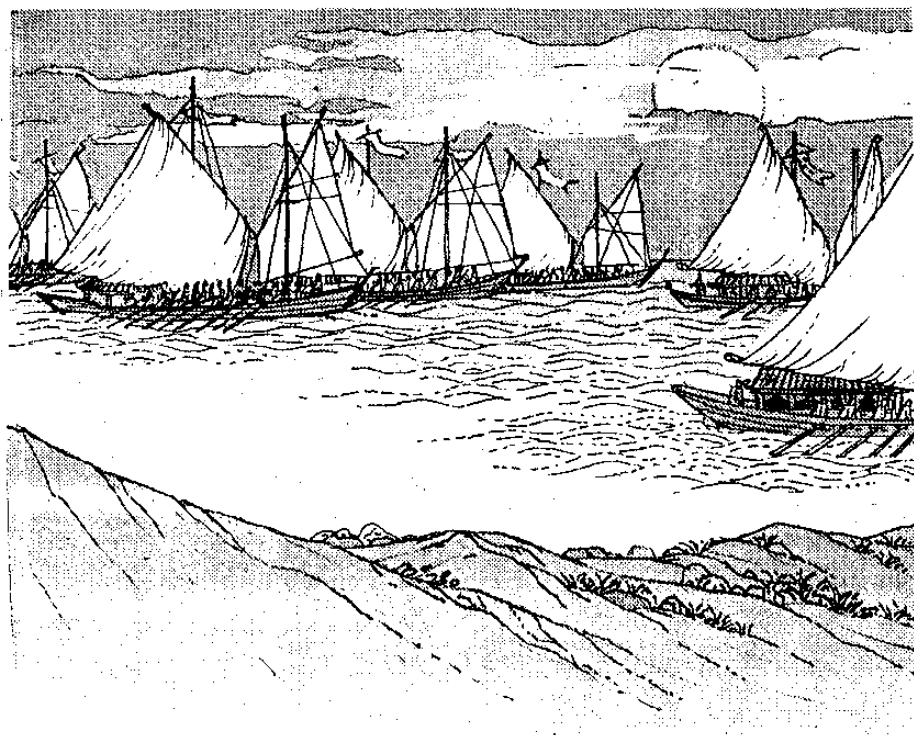


Bấy giờ Nhật Lễ rất tin dùng Thiếu úy Trần Ngô Lang mà không biết Ngô Lang là người của Trần Phủ. Mỗi khi Nhật Lễ sai quân đi đánh Trần Phủ thì Ngô Lang lại bí mật khuyên họ đầu hàng Trần Phủ.



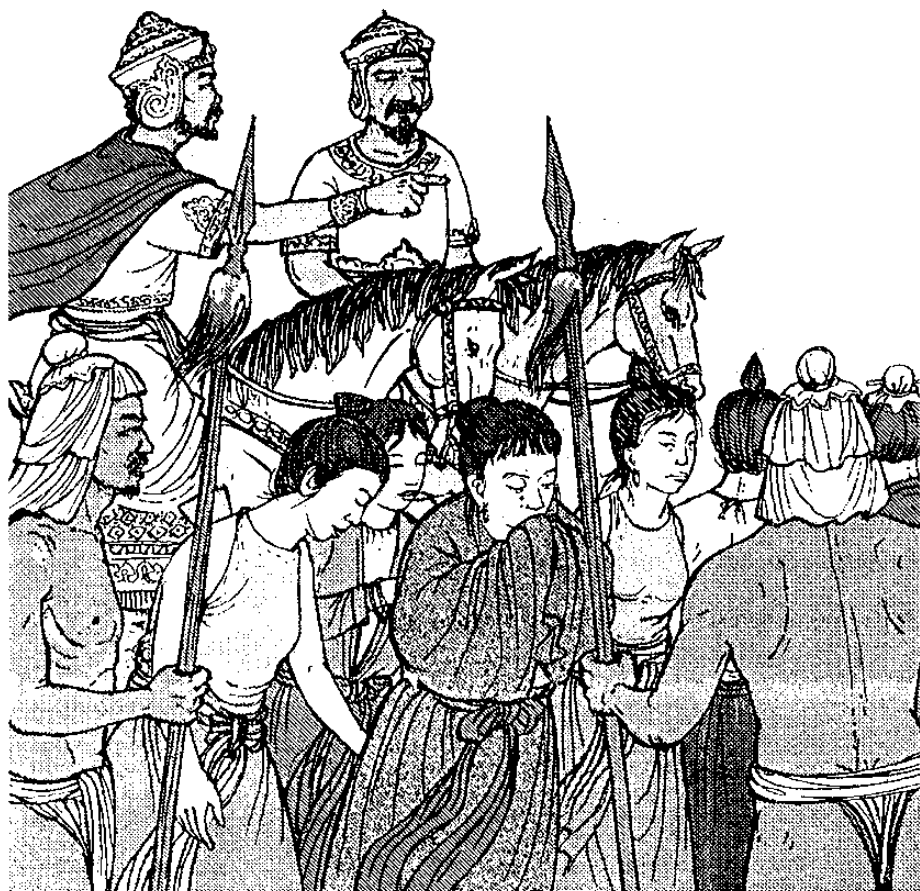
Một tháng sau, Trần Phủ kéo quân về kinh đô, bắt giam Nhật Lễ rồi lên làm vua, tức vua Trần Nghệ Tông. Mẹ của Nhật Lễ trốn sang Chiêm Thành lánh nạn.





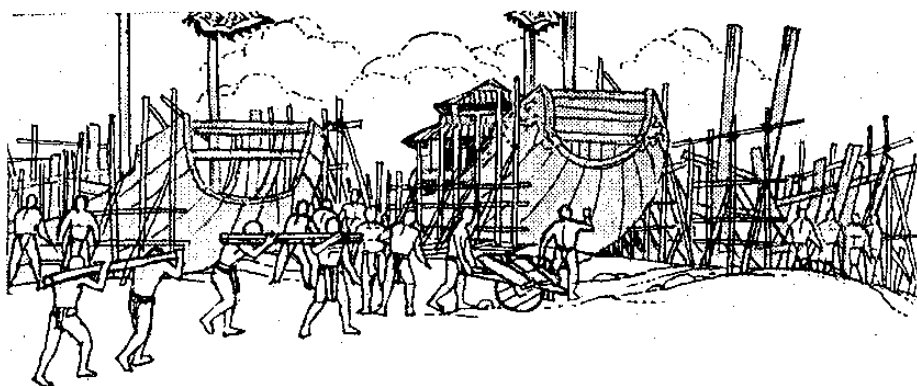
Mẹ của Nhật Lễ xui vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga đem quân đánh Đại Việt. Năm 1371, Chế Bồng Nga mang quân vượt biển tiến vào nước ta. Quân Chiêm đánh bại quân Trần ở cửa Đại An (Nam Định) rồi đánh thẳng vào kinh đô Thăng Long.

Vua tôi nhà Trần bỏ kinh đô chạy sang Đông Ngàn (Bắc Ninh).
Chế Bồng Nga cho quân đốt cung điện, cướp của cải, bắt phụ nữ
đem về Chiêm Thành.

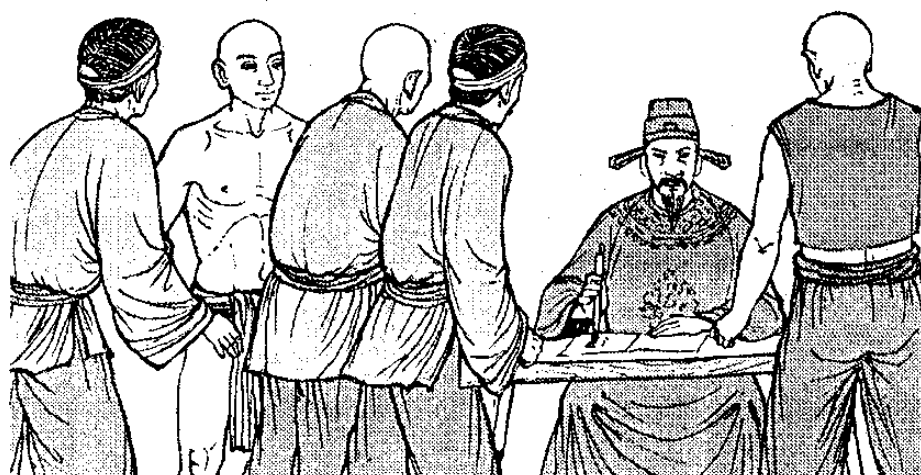


Em vua Trần Nghệ Tông là Cung Tuyên vương Trần Kính tập hợp quân lính chiếm lại kinh đô rồi rước vua hồi triều. Năm 1372, vua Nghệ Tông lập Trần Kính làm Thái tử và nhường ngôi cho Trần Kính (Trần Duệ Tông), lên làm Thượng hoàng.





Vua Duệ Tông ra sức chuẩn bị lương thực, chiến thuyền để đánh Chiêm Thành. Triều đình liên tục bắt dân đi lính khiến người dân vô cùng cực khổ.



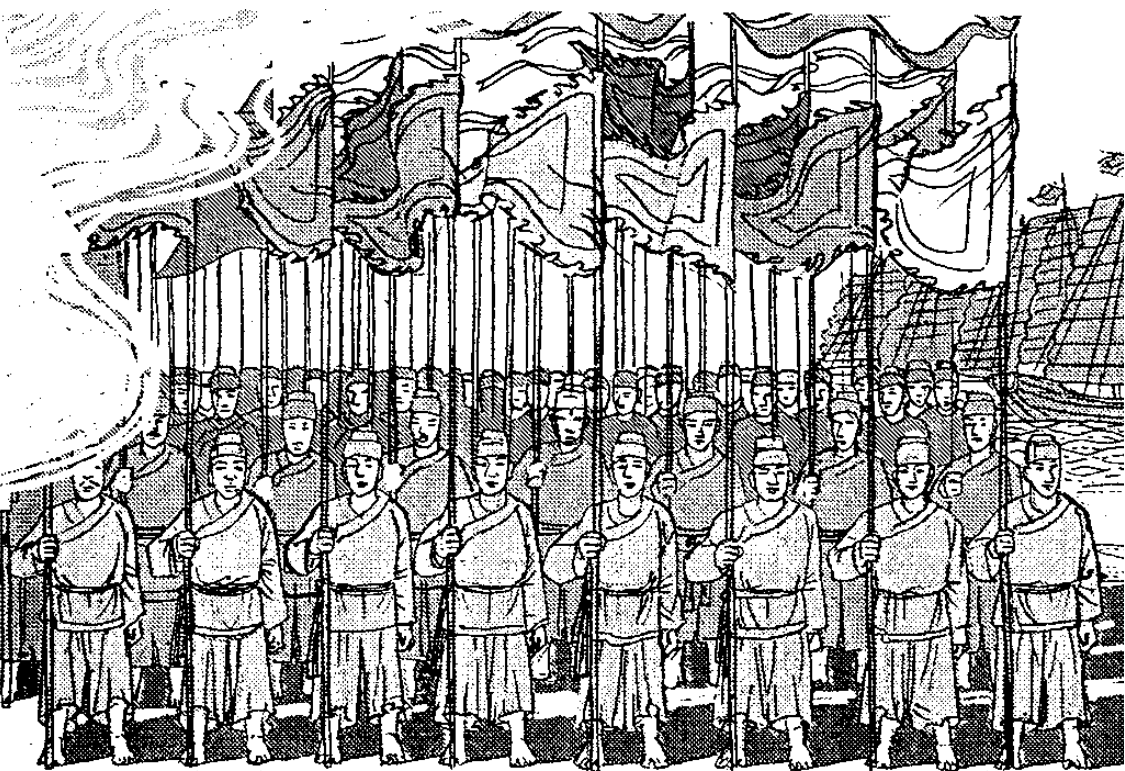
Từ phi Bích Châu khuyên chồng tập trung xây dựng đất nước chứ không nên đánh Chiêm Thành nhưng vua Duệ Tông không nghe mọi lời khuyên nhủ. Ngự sử Đại phu Trương Đỗ cũng đã ba lần dâng sớ can ngăn nhưng không được nên đành treo ấn từ quan.



Nghe tin nhà Trần chuẩn bị động binh, Chế Bồng Nga dâng mười mâm vàng, tỏ ý quy phục. Quan trấn thủ châu Hóa là Đỗ Tử Bình giấu mười mâm vàng làm của riêng rồi tâu rằng Chế Bồng Nga không quy thuận, cần phải cất quân đánh dẹp.

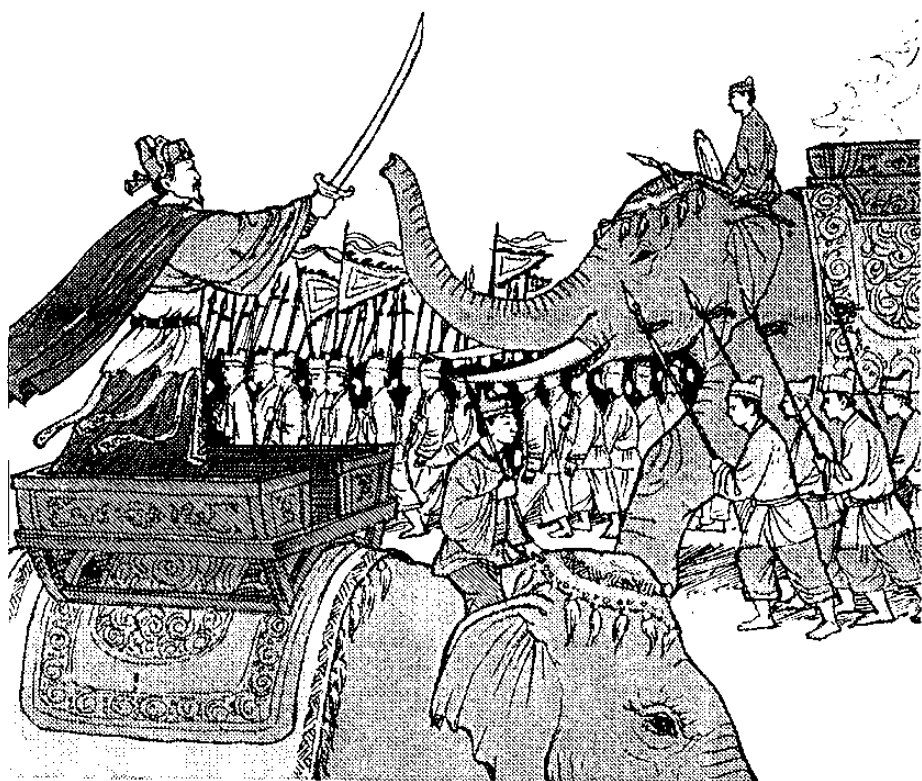






Tháng chạp năm Bính Thìn (1376), vua Duệ Tông đem mười hai vạn quân đi đánh Chế Bồng Nga. Hồ Quý Ly được thăng chức Tham mưu quân sự, lo việc tiếp tế lương thực. Đỗ Tử Bình chỉ huy Hậu quân.

Thủy quân Đại Việt tiến đến cửa Nhật Lệ (Đồng Hới, Quảng Bình) thì đóng ở đây hơn một tháng để hội quân với bộ binh.



Ngày hai mươi ba tháng giêng năm Đinh Tỵ (1377), quân Trần đến cửa Thị Nại (Quy Nhơn, Bình Định ngày nay). Chiêm Thành cho người trá hàng, nói rằng Chế Bồng Nga vì sợ hãi nên đã trốn khỏi thành Đồ Bàn.

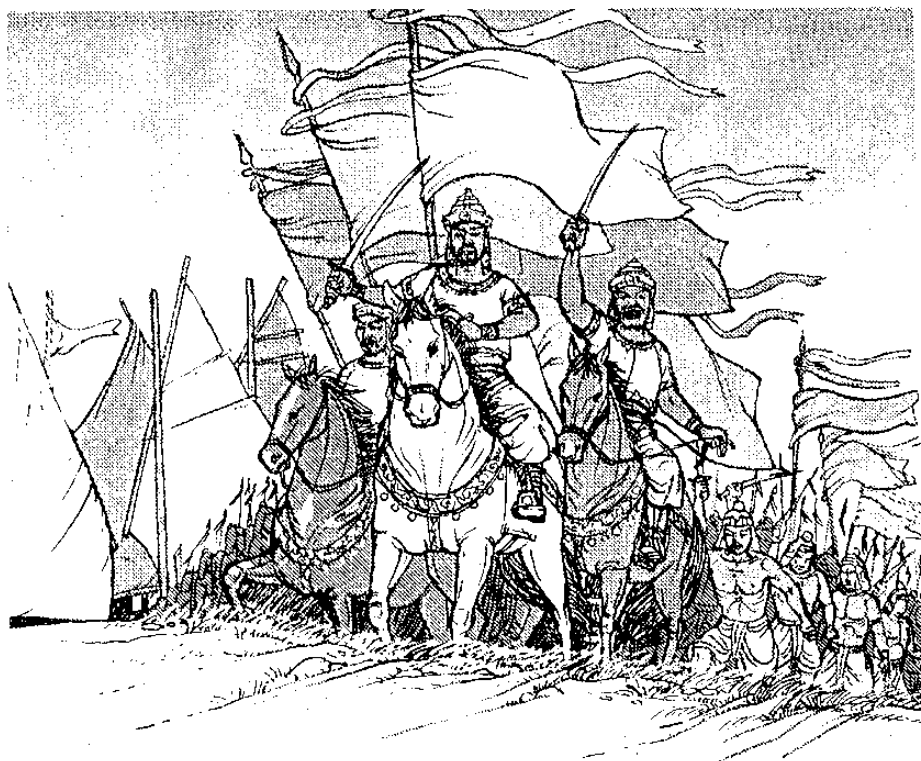


Vua Duệ Tông đem quân chiếm thành Đồ Bàn. Đợi khi quân Đại Việt vào thành, phục binh Chiêm Thành đổ ra bao vây bốn phía. Thấy vua bị phục kích, Đỗ Tử Bình vội dẫn Hậu quân rút chạy. Trận ấy, vua Trần bị giết tại trận, Ngự Câu vương Trần Húc đầu hàng, nhiều đại tướng nhà Trần bị giết.



Vua Duệ Tông tử trận, Thượng hoàng Nghệ Tông lập Trần Hiện, con trưởng của Trần Kính, lên ngôi vua. Tuy Trần Hiện làm vua nhưng quyền hành vẫn nằm trong tay Thượng hoàng Nghệ Tông.





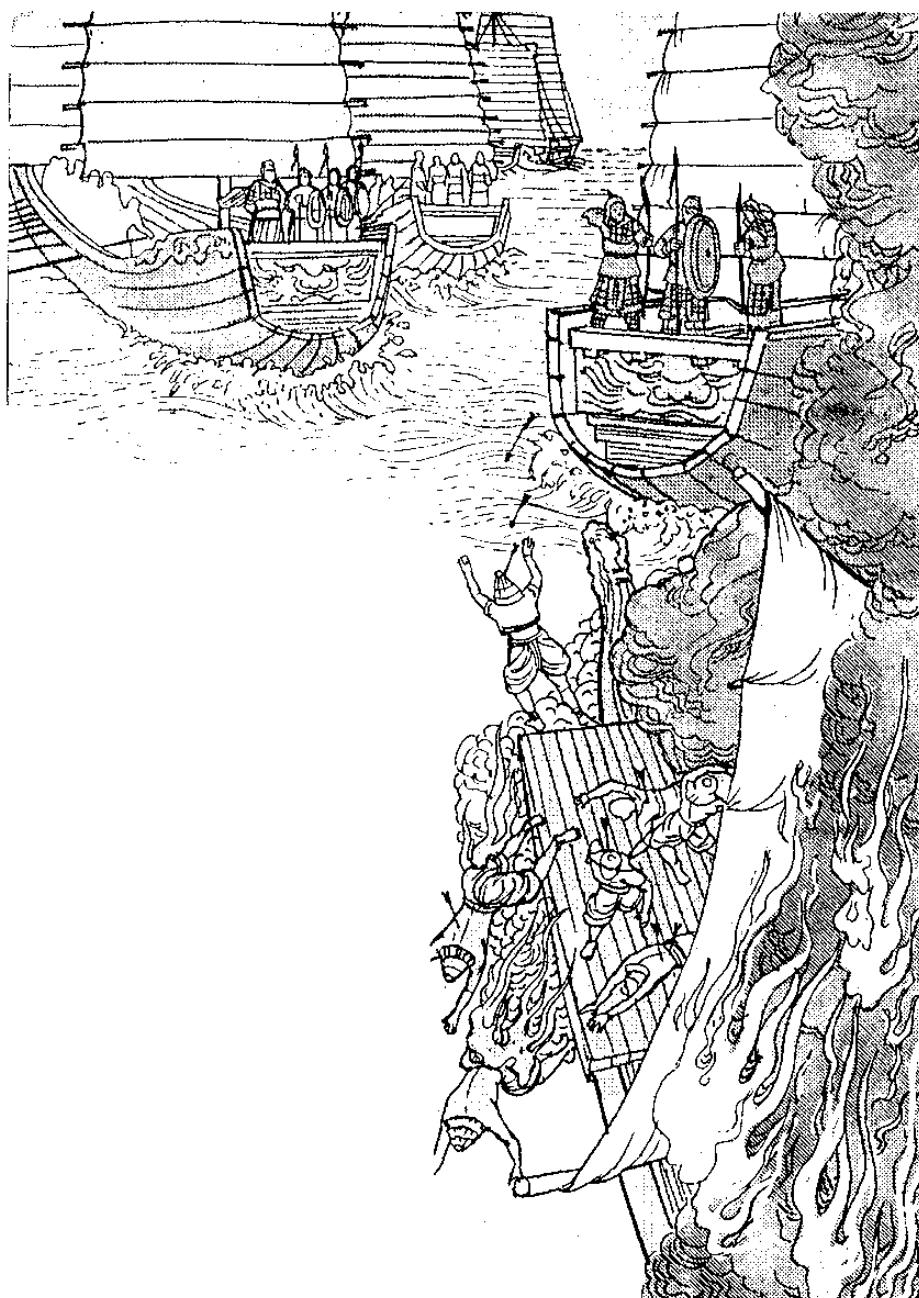
Tháng sáu năm Đinh Tỵ (1377), Chế Bồng Nga đem quân cướp phá kinh đô Thăng Long. Nhà Trần thua trận, phải bỏ kinh thành mà chạy. Quân Chiêm Thành mặc sức đốt phá, cướp bóc.

Tháng năm năm Mậu Ngọ (1378), Chiêm Thành lại tấn công Đại Việt. Lần này, Chế Bồng Nga đem theo Ngự Câu vương Trần Húc. Chiếm được phủ Nghệ An, Chế Bồng Nga giao cho Trần Húc cai trị. Trần Húc tự xưng là vua Đại Việt, đứng ra chiêu dụ dân chúng.



Sau đó, Chế Bồng Nga đem quân đánh ra phía bắc. Đỗ Tử Bình được giao cầm quân chặn giặc. Đỗ Tử Bình thua trận, Chế Bồng Nga lại cho quân cướp phá kinh đô Thăng Long.

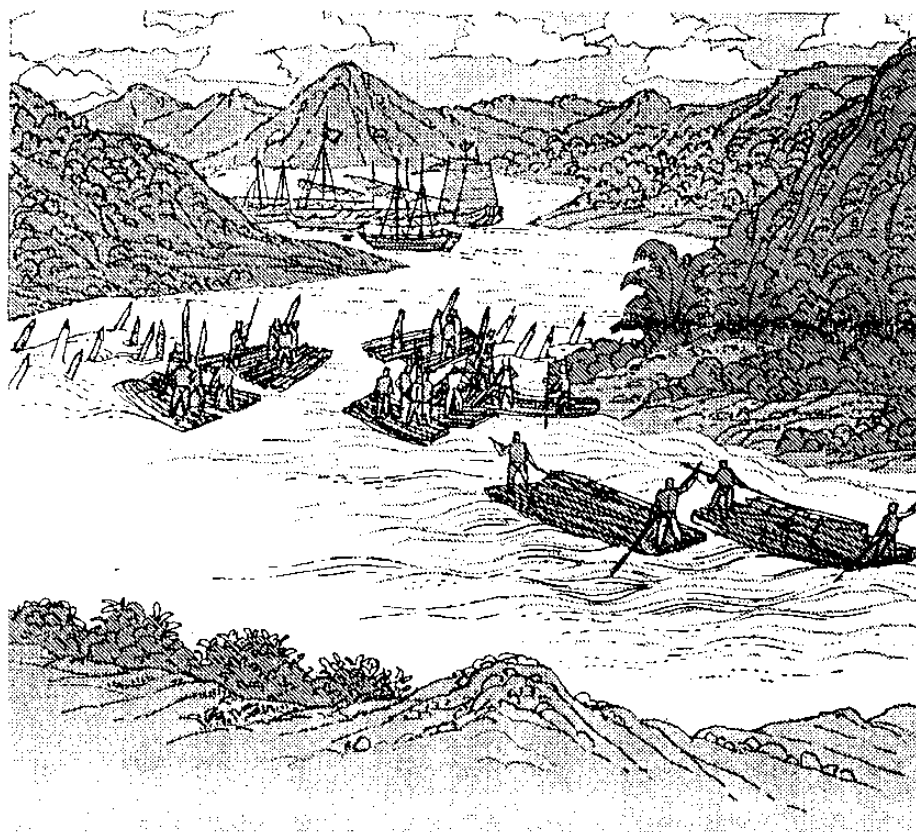




Năm 1380, Chiêm Thành cướp phá vùng Nghệ An, Thanh Hóa. Vua Trần Hiện sai Hồ Quý Ly và Đỗ Tử Bình cầm quân chống giặc. Đỗ Tử Bình cáo ốm không đi. Trận này, Hồ Quý Ly chiến thắng, được phong chức Hải Tây Đô thống chế, Nguyên nhung hành.

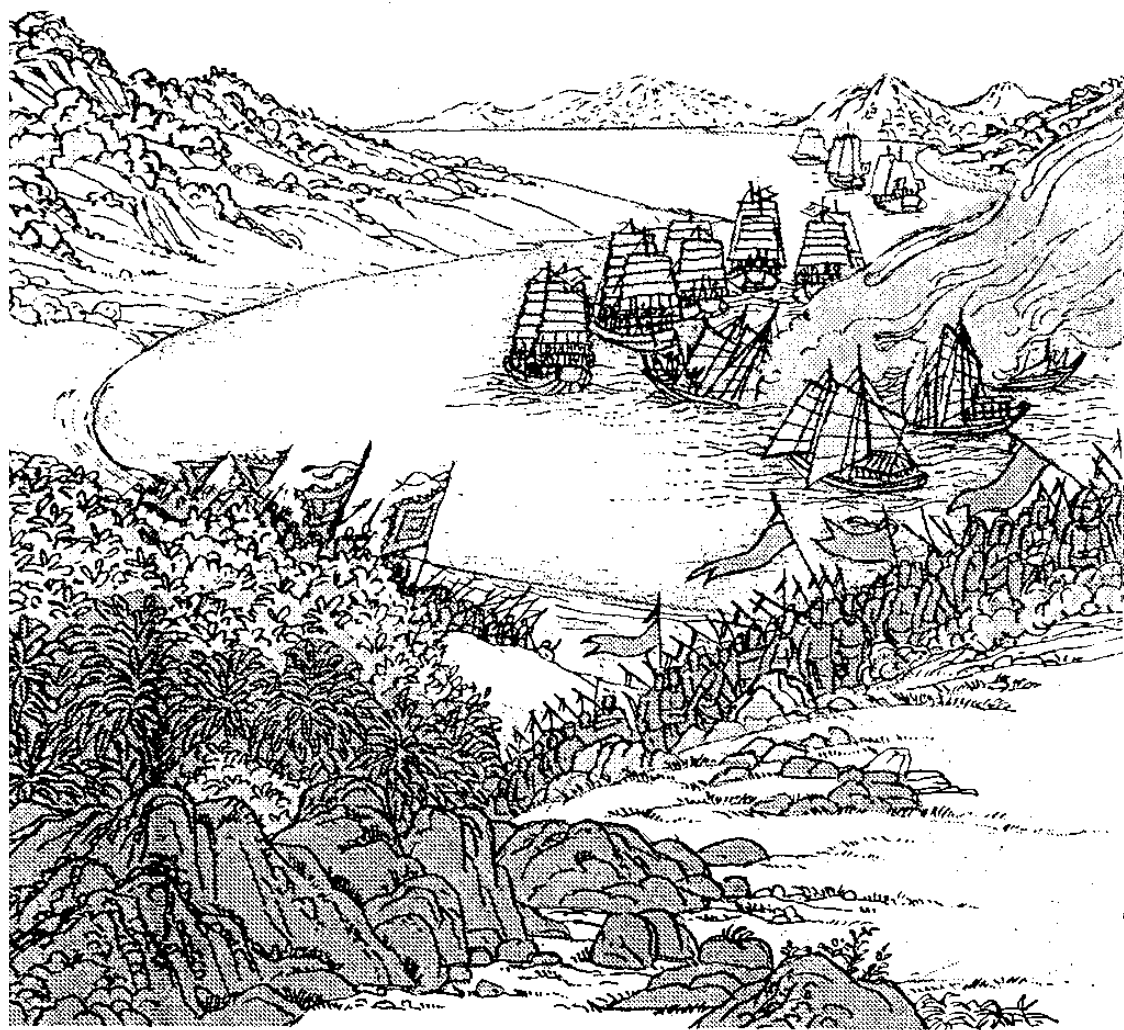


Sợ Chiêm Thành cướp phá kinh đô Thăng Long, Thượng hoàng Nghệ Tông cho người đem quốc khố và tượng thờ các vị tiên đế đi giấu ở vùng Quảng Yên (Quảng Ninh ngày nay).



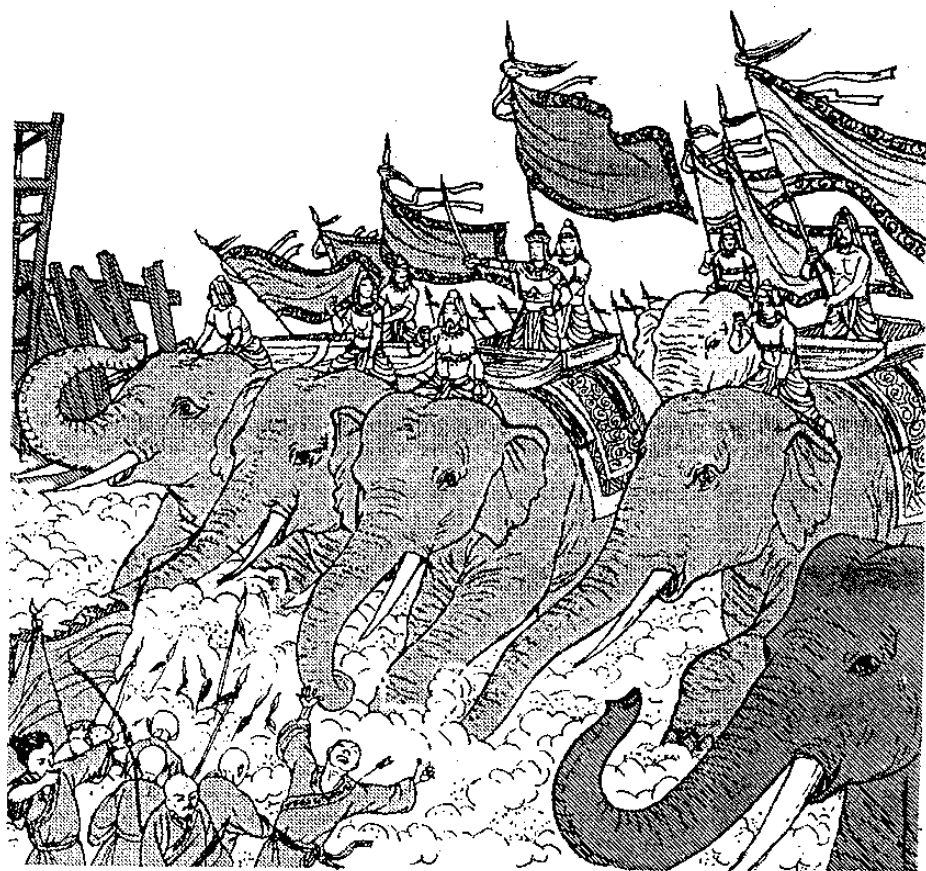
Năm 1382, Chiêm Thành lại đem quân cướp phá đất Thanh Hóa. Hồ Quý Ly và Nguyễn Đa Phương chặn giặc ở cửa Thần Phù, cho người đóng cọc gỗ ngang sông để ngăn thuyền địch.

Chế Bồng Nga dẫn quân đánh cửa Thần Phù. Nguyễn Đa Phương sai quân gỡ cọc ngang sông rồi dẫn chiến thuyền tấn công thủy quân Chiêm Thành. Trận ấy, thủy quân Chiêm Thành đại bại, Chế Bồng Nga phải lui quân.





Năm sau, Chế Bồng Nga lại dẫn quân theo đường núi tiến đánh Thăng Long. Thượng hoàng Nghệ Tông sai Lê Mật Ôn cầm quân chặn địch. Chế Bồng Nga lừa voi ra đánh. Quân Trần bại trận, Mật Ôn bị bắt sống.





Ở Thăng Long, Nguyễn Đa Phương sai quân sĩ khẩn trương đào hào, dựng lũy phòng thủ. Thượng hoàng Nghệ Tông bỏ kinh đô chạy lên Đông Ngàn. Sáu tháng sau, Chế Bồng Nga rút quân về Chiêm Thành, Thượng hoàng Nghệ Tông mới quay về kinh đô.

Nhà Trần không chỉ bị Chiêm Thành đánh phá mà còn bị nhà Minh ở Trung Quốc sách nhiễu, bắt phải cống nộp đủ thứ.



Lúc này, vì Thượng hoàng Nghệ Tông tin dùng Hồ Quý Ly nên mọi việc đều do Hồ Quý Ly quyết định. Vua Trần Hiện tìm cách trừ Quý Ly. Năm 1388, Quý Ly xui Thượng hoàng Nghệ Tông giết Trần Hiện, lập con út của Thượng hoàng là Định vương Trần Ngung (Trần Thuận Tông) lên ngôi.





Cuối thời Trần, quốc khố trống rỗng. Năm Mậu Ngọ (1378), Hành khiển Đỗ Tử Bình dâng sớ xin triều đình cho thu thế thân. Theo đó, đàn ông trên mười tám tuổi, mỗi người phải đóng ba quan tiền thuế một năm.

Cuối thời Trần, những cuộc nổi dậy liên tiếp nổ ra. Năm 1344, Ngô Bệ và dân chúng vùng An Phụ (Hải Dương) nổi dậy chống lại triều đình. Đến năm 1360, nhà Trần mới dập tắt được cuộc khởi nghĩa này.



Lớn nhất là cuộc khởi nghĩa của Phạm Sư Ôn ở Quốc Oai (Hà Nội ngày nay). Phạm Sư Ôn cùng nghĩa quân chiếm giữ kinh đô Thăng Long suốt ba ngày. Triều đình phải chạy trốn lên Bắc Giang. Đầu năm 1390, cuộc khởi nghĩa của Phạm Sư Ôn mới bị dập tắt.



Tháng 10 năm Kỷ Ty (1389), Chế Bồng Nga đem một trăm thuyền chiến đến đánh Thăng Long. Thượng hoàng Nghệ Tông sai Trần Khát Chân đem quân chặn giặc.





Trần Khát Chân đóng quân ở sông Hải Triều (nằm giữa hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình ngày nay). Khi quân Chế Bồng Nga tiến đánh, Trần Khát Chân cho quân tập trung bắn vào soái thuyền của Chế Bồng Nga. Chế Bồng Nga tử trận, quân Chiêm Thành bại trận.

Tướng Chiêm Thành là La Khải thu thập tàn quân, kéo về nước cướp ngôi của con Chế Bồng Nga. Từ đó, Chiêm Thành suy yếu, không tiến đánh Đại Việt như trước nữa.



Tháng mười hai năm Giáp Tuất (1394), Thượng hoàng Nghệ Tông băng hà. Tháng ba năm Mậu Dần (1398), Hồ Quý Ly ép vua Thuận Tông nhường ngôi cho Thái tử An (Trần Thiếu Đế) lúc đó mới có 2 tuổi lên làm vua. 1399, Hồ Quý Ly sai người giết chết Thuận Tông. Tháng hai năm Canh Thìn (1400), Quý Ly phế vua Trần An, lập lên nhà Hồ. Như vậy, nhà Trần chấm dứt sau 175 năm trị vì với 13 đời vua.



Hồ Quý Ly sinh năm 1336 tại làng Bào Đột (xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An). Quê gốc của Hồ Quý Ly ở Chiết Giang (Trung Quốc). Ông nội Hồ Quý Ly là Hồ Liêm làm con nuôi của quan Tuyên úy Lê Huấn ở làng Đại Lại (xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa) nên Hồ Quý Ly còn mang họ Lê.





Hồ Quý Ly có hai người cô ruột đều là hoàng phi của vua Trần Minh Tông. Một bà là Minh Từ Hoàng phi sinh ra vua Hiến Tông và Nghệ Tông. Một bà là Đôn Từ Hoàng phi sinh ra vua Duệ Tông.

Năm 1370, Hồ Quý Ly được vua Trần Hạo phong chức Trưởng cục Chi hậu. Năm 1371, vua Trần Phủ phong cho Hồ Quý Ly chức Khu mật viện đại sứ và gả em gái là công chúa Huy Ninh cho. Năm 1372, vua Trần Phủ lại ban cho Hồ Quý Ly chức Thái úy, đứng đầu võ ban, có quyền chỉ huy quân đội cả nước.





Cuối năm 1376, vua Trần Kính đi đánh Chiêm Thành. Hồ Quý Ly lo việc tiếp ứng lương thảo. Trúng kế phục binh, vua Trần Kính tử trận, Hồ Quý Ly bỏ mặc quân sĩ mà quay về triều. Tháng giêng Kỷ Mùi (1379), vua Trần Hiện cho Hồ Quý Ly làm Tiểu tư không, Hàn Á khu mật đại sứ. Năm 1380, Hồ Quý Ly được thăng chức Nguyên nhung hành, Hải Tây Đô thống chế.



Tháng ba năm Đinh Mão (1387), Thượng hoàng Nghệ Tông phong cho Hồ Quý Ly chức Đồng bình chương sự, lại ban cho một thanh gươm và một lá cờ ghi tám chữ “Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức”. Từ đây, Hồ Quý Ly bắt đầu chi phối triều đình.

Thấy Hồ Quý Ly lộng quyền, vua Trần Hiến muốn tìm cách giết đi. Vua Trần Hiến nhờ Thái úy Trần Ngạc giúp sức. Biết tin, Hồ Quý Ly bí mật tâu với Thượng hoàng Nghệ Tông: “Người ta nói bán cháu nuôi con chứ chưa thấy ai bán con nuôi cháu”. Nghệ Tông nghe lời, giáng vua Trần Hiến và bắt thất cổ chết.



Tháng chạp năm Mậu Thìn (1389), con út của Thượng hoàng Trần Nghệ Tông là Trần Ngung lên ngôi. Vua Trần Ngung mới mười một tuổi nên việc nước vẫn do Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và Hồ Quý Ly lo liệu. Năm sau, Hồ Quý Ly đưa con gái lớn là Thánh Ngâu vào cung làm hoàng hậu.





Thấy Hồ Quý Ly phong cho người thân những chức vụ quan trọng, Thượng hoàng Nghệ Tông bèn ban cho bốn bức tranh “tứ phụ”^{*} với ý nhắc nhở Hồ Quý Ly nên hết lòng giúp vua Trần Hiện trị nước.

^{*} Bốn bức tranh vẽ chân dung bốn đại thần hết lòng giúp vua trẻ tuổi giữ nước. Đó là Chu Công, Hoắc Quang, Gia Cát Lượng và Tô Hiến Thành.

Cuối đời, Thượng hoàng Trần Nghệ Tông gọi Hồ Quý Ly vào cung, nói Hồ Quý Ly giúp được vua Trần Ngung trị nước thì giúp, nếu không thì cứ phế vua mà tự mình lên ngôi. Hồ Quý Ly sụp lạy, khóc mà thề rằng sẽ hết lòng giúp đỡ vua Trần Ngung chứ không nghĩ đến chuyện tiếm ngôi.



Tháng chạp năm Giáp Tuất (1394), Thượng hoàng Nghệ Tông băng hà. Hồ Quý Ly tự xưng Phụ chính Cai giáo hoàng đế. Lúc bấy giờ, mọi việc trong triều đều do Hồ Quý Ly quyết định.



Hồ Quý Ly là người có nhiều cải cách lớn. Ông đề cao giá trị của chữ Nôm. Tháng tư năm Ất Hợi (1395), Quý Ly dịch thiên “Vô Dật” trong Kinh Thư ra chữ Nôm để dạy vua học. Tháng mười một năm Bính Tý (1396), ông cho làm sách “Quốc ngữ thi nghĩa” (giải thích Kinh thi bằng chữ Nôm).





Lúc này, ở phương bắc, nhà Minh liên tục đòi Đại Việt phải cống nộp binh lương... Ở phương nam, quân Chiêm Thành không ngừng quấy phá. Trong nước, dù đã nhiều lần tăng thuế nhưng quốc khố nhà Trần vẫn trống rỗng.



Tháng tư năm Bính Tý (1396), Hồ Quý Ly phát hành tiền giấy, gọi là tiền Thông bảo Hội sao. Tờ 10 đồng vẽ hình rồng, 30 đồng vẽ sóng, 1 tiền vẽ mây, 2 tiền vẽ rùa, 3 tiền vẽ lân, 5 tiền vẽ phượng, 1 quan vẽ rồng. Đây là lần đầu tiên tiền giấy có mặt ở nước ta.



Mùa hạ năm Bính Tý (1396), triều đình ra lệnh cho mọi người đem tiền đồng đến đổi. Cứ một quan tiền đồng đổi lấy hai quan tiền giấy. Tiền đồng thu được đem về kho Ngao Trì ở Thăng Long để cất giữ. Lại ra quy định kẻ làm tiền giả sẽ bị tội chết, gia sản bị tịch thu.



Tháng giêng năm Đinh Sửu (1397), Hồ Quý Ly sai Lại bộ thượng thư Đỗ Tịnh xây một tòa thành mới ở động An Tôn thuộc phủ Thanh Hóa. Đến tháng tư cùng năm thì thành xây xong. Hồ Quý Ly cho dời đô từ Thăng Long về thành An Tôn.





Tháng tư năm Đinh Sửu (1397), Quý Ly ban lệnh hạn chế việc sở hữu ruộng đất tư. Theo đó, ngoài đại vương và trưởng công chúa thì không ai được sở hữu quá mười mẫu ruộng.

Năm sau, Hồ Quý Ly ra lệnh cho người dân phải viết tên lên bảng rồi cắm bảng đó trên ruộng của mình. Lại sức cho quan lại đến đo đạc, lập thành sổ sách, cấp giấy chứng nhận. Ruộng nào không có giấy chứng nhận sẽ bị nhà nước tịch thu. Phải mất đến năm năm, việc này mới hoàn tất.





Tháng tư năm Kỷ Mão (1399), Quý Ly ép Trần Ngung đi tu tiên. Vua Trần Ngung buộc phải nhường ngôi cho Thái tử Trần An và dọn ra Ly cung ở. Một thời gian sau, Hồ Quý Ly sai người bức hại vua Trần Ngung.

Thái tử Trần An lên ngôi, Hồ Quý Ly tự xưng là Quốc tổ Chương Hoàng vì cho rằng mình là ông ngoại của vua. Hồ Quý Ly còn mặc áo bồ hoàng, ở cung Nhân Thọ, đi đâu cũng dùng mười hai chiếc lọng vàng của bậc thiên tử nhưng mới chỉ xưng là “đư” chứ chưa xưng là “trẫm”.



Những việc làm của Quý Ly khiến giới hoàng tộc nhà Trần rất bất bình. Tháng bảy năm Kỷ Mão (1399), Nguyễn Dụ Phủ, người châu Cổ Đằng* phủ Thanh Hóa dâng thư hạch hỏi. Quý Ly tức giận, cho người bắt giam Dụ Phủ nhưng mấy hôm sau lại thả ra.

* Vùng đất thuộc huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa ngày nay.



Tháng tư năm Kỷ Mão (1399), tại hội thề Đồng Cổ trên núi Đốn Sơn*, Trần Khát Chân và nhiều quan lại nhà Trần lập mưu sát hại Hồ Quý Ly. Việc không thành, Trần Khát Chân và 370 người khác bị xử trảm.

* Ngọn núi ở xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc (Thanh Hóa). Khi kinh đô dời về An Tôn thì hội thề Đồng Cổ cũng dời về đây.





Cùng năm, Nguyễn Nhữ Cái ở vùng Sơn Tây đứng ra chiêu mộ binh sĩ được hơn vạn người, đánh chiếm vùng đất ven sông Đà. Tháng mười hai năm ấy, Hồ Quý Ly phải sai An phủ sứ Đông lộ Nguyễn Bằng Cử - người huyện Đông Ngàn (nay là xã Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) - đi dẹp mới yên.

Tháng hai năm Canh Thìn (1400), Hồ Quý Ly truất ngôi của vua Trần An, tự mình làm vua. Hồ Quý Ly đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, quốc hiệu là Đại Ngu (chữ Ngu mang nghĩa yên vui, hòa bình).



Mười tháng sau khi lên ngôi, Hồ Quý Ly nhường ngôi cho con thứ là Hồ Hán Thương. Hồ Hán Thương là con của Hồ Quý Ly với công chúa Huy Ninh - con gái của vua Trần Minh Tông.



Trước khi nhường ngôi cho con Hồ Hán Thương, Quý Ly đã thử lòng con trưởng là Hồ Nguyên Trừng. Thấy Nguyên Trừng không có ý làm vua, Quý Ly mới nhường ngôi cho con thứ.



Hồ Quý Ly rất quan tâm đến khoa cử. Năm Bính Tuất (1396), dưới triều vua Trần Thuận Tông, Quý Ly đã cho sửa đổi quy chế thi cử. Theo đó, thí sinh phải trải qua bốn kỳ thi: kỳ thứ nhất thi Kinh nghĩa; kỳ thứ hai thi làm thơ, phú; kỳ thứ ba thi làm chiếu, chế, biểu; kỳ thứ tư thi văn sách...





Năm 1397, Quý Ly ra lệnh cho các phủ Sơn Nam (nay là tỉnh Nam Định), Kinh Bắc (nay là hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang), Hải Đông (nay là các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng) phải đặt ra chức Học quan. Học quan lo việc dạy bảo học trò và tiến cử người có tài cho triều đình.



Tháng tám năm Canh Thìn (1400), nhà Hồ tổ chức kỳ thi Thái học sinh đầu tiên. Những người thi đỗ trong kỳ thi này là Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Võ Mộng Nguyên, Hoàng Hiến, Nguyễn Thành...



Nhà Hồ rất trọng dụng nhân tài. Mùa đông năm Tân Tỵ (1401), Hồ Hán Thương phong Nguyễn Phi Khanh làm Hàn lâm Học sĩ. Tháng sáu năm Nhâm Ngọ (1402), lại phong Đồng Thức làm Ngự sử Trung tán.



Năm Giáp Thân (1404), Hồ Quý Ly lại cải cách thể thức thi cử: tháng tám năm này thi Hương, người đỗ được miễn lao dịch. Tháng tám năm sau, những người đã đỗ thi Hương phải vào bộ Lễ thi lại, ai đỗ mới được bổ làm quan. Tháng tám năm sau nữa lại thi Hội, nếu đỗ thì phong là Thái học sinh. Tháng tám năm tiếp theo lại bắt đầu thi Hương... Ngoài ra, từ năm 1396, Hồ Quý Ly cho thi thêm môn toán pháp và thư pháp.

Hồ Quý Ly cho người đi xuống các lộ, các phủ bí mật thăm dò năng lực của các quan rồi quyết định thăng hay giáng chức họ. Việc làm này được duy trì trong một thời gian dài.





Năm Tân Ty (1401), Hồ Quý Ly ban lệnh hạn chế sở hữu gia nô. Theo đó, mỗi tầng lớp chỉ được sở hữu một lượng gia nô nhất định. Điều này đã cản trở giới quý tộc nhà Trần xây dựng những đạo quân dưới danh nghĩa gia nô.

Triều Hồ còn sai thích dấu lên trán các loại gia nô. Quan nô thì thích hình viên ngọc hỏa long châu; gia nô của công chúa thích hình cây dương; của vương hầu thích hai khuyên đỏ; của quan nhất phẩm thích một khuyên đen, của quan nhị phẩm trở xuống thích hai khuyên đen...





Tháng tư năm Tân Tỵ (1401), Hồ Quý Ly ra lệnh kiểm kê dân số cả nước. Theo đó, trẻ em trên hai tuổi đã phải ghi tên vào sổ hộ tịch. Người sống lang thang không được cấp hộ tịch.

Dựa trên kết quả kiểm tra dân số và đo đạc ruộng đất, triều đình ban ra chính sách thuế mới. Thuế của nhà Hồ nhẹ hơn và minh bạch hơn. Đặc biệt, những ai không có ruộng thì không phải nộp thuế. Đàn bà góa và trẻ mồ côi dù có ruộng cũng không phải nộp thuế.





Hồ Quý Ly cho căng dây xích ở các cửa sông. Những thương thuyền muốn vào buôn bán phải qua trạm nộp thuế. Nộp thuế xong, quân lính sẽ vén dây xích cho thuyền đi qua. Hồ Quý Ly chia thuyền buôn làm ba loại thượng, trung, hạ. Mỗi loại phải đóng một mức thuế riêng.

Triều Hồ còn lập ra kho Thương bình để khi được mùa, nhà nước mua thóc tích trữ, khi mất mùa thì lấy thóc đó bán rẻ cho dân. Hồ Quý Ly còn cho định giá tiền tệ để người dân tiện buôn bán.



Hồ Quý Ly cho sửa chữa đoạn đường từ Tây Đô đến biên giới phía nam. Dọc đường có đặt các trạm truyền tin và nhiều quán xá cho người đi đường nghỉ chân.



Về giao thông thủy, Hồ Quý Ly còn bắt các tù nhân đi khơi mương, vét kênh, làm sạch các lòng sông để thuyền bè qua lại được dễ dàng.



Về âm nhạc, Hồ Quý Ly đặt ra nhã nhạc. Lại bắt con cái các quan phải học nhã nhạc để giúp vui trong các buổi tiệc chốn cung đình.



Về quân sự, Hồ Quý Ly rất chú trọng đến việc tuyển mộ binh lính. Đến năm Thiệu Thành thứ hai (1402), nhà Hồ tổng duyệt quân ngũ, giao quyền chỉ huy quân đội cho người trong tôn thất.





Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, quân nhà Hồ “từ Nam đến Bắc chia thành mười hai vệ, từ Đông sang Tây chia thành tám vệ, mỗi vệ có mười tám đội, mỗi đội mười tám người. Đại quân có ba mươi đội, trung quân có hai mươi đội, mỗi doanh có mười lăm đội, mỗi đoàn có mười đội, do một đại tướng thống lĩnh”. Lại cho xây bốn kho quân khí, chọn người khéo tay vào làm việc.

Hồ Quý Ly nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương rồi cho người đi sứ nhà Minh giải thích rằng nhà Trần đã tuyệt tự, Hồ Hán Thương là cháu ngoại Trần Minh Tông tạm trông coi việc nước. Nhà Minh phong Hồ Hán Thương làm An Nam Quốc vương.





Cuối năm 1400, Hồ Quý Ly phong Đỗ Mãn làm Thủy quân đô tướng, Hồ Tùng làm Bộ binh đô tướng, sai đem mười lăm vạn quân tiến đánh Chiêm Thành.



Khi đến Chiêm Thành, Hồ Tùng cho quân bộ đi theo đường núi hiểm trở, cách xa quân thủy. Quân bộ bị kẹt trong núi, không có lương ăn, phải lui binh khiến thủy quân cũng phải lui theo. Về nước, Hồ Quý Ly đày Hồ Tùng xuống làm lính.

Năm 1402, Hồ Hán Thương đem quân đi đánh Chiêm Thành. Quân của Hồ Hán Thương đánh thắng mấy trận liên tiếp khiến Chiêm Thành sợ hãi.



Vua Chiêm Thành dâng đất Chiêm Động (Quảng Nam ngày nay) xin giảng hòa. Hồ Hán Thương bắt vua Chiêm Thành dâng cả đất Cổ Lũy mới lui quân. Vua Chiêm phải tuân theo.



Trấn Tân Ninh là tiền đồn quan trọng ở biên giới phía nam. Hồ Quý Ly giao cho Nguyễn Ngạn Quang trấn thủ nơi này.



Nhà Hồ chia hai châu Cổ Lũy và Chiêm Động thành bốn châu nhỏ là Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa. Hồ Quý Ly lại phong cho Chế Ma Đô Đà Nàn – con trai Chế Bồng Nga – làm Cổ Lũy huyện Thượng hầu, cho cai quản hai châu Tư, Nghĩa.



Mùa xuân năm 1403, Hồ Quý Ly đưa những người nghèo, người không có ruộng vào các châu Thăng, Hoa lập nghiệp. Lại lệnh cho quan lại các châu này chia đất cho họ cấy cấy. Những người nhận ruộng ở châu nào thì phải thịch tên châu ấy lên cánh tay.





Năm 1403, Hồ Hán Thương lại sai đóng thuyền lớn và chuẩn bị lương thảo, vũ khí để tiếp tục bình định phương Nam.

Hồ Hán Thương phong Phạm Nguyên Khôi làm Đại tướng, cùng Đỗ Nguyên Thác đem hai mươi vạn quân tiến đánh Chiêm Thành. Phạm Nguyên Khôi ra lệnh ai ra trận mà rút lui sẽ bị chém, gia sản bị tịch thu, vợ con bị sung làm gia nô. Vì thế, quân lính ra đi mà không nghĩ đến ngày về.



Quân Đại Ngu nhanh chóng tiến đến thành Đồ Bàn – kinh đô Chiêm Thành. Phạm Nguyên Khôi cho quân bao vây chín tháng mà không hạ được thành. Vua Chiêm Thành sai người sang nhà Minh cầu viện. Minh Thành Tổ sai chín chiến thuyền vượt biển ứng cứu Chiêm Thành.





Sau nhiều tháng vây thành, quân Đại Ngu cạn lương thảo, Đỗ Nguyên Thác ra lệnh lui binh. Trên đường rút lui, Phạm Nguyên Khôi gặp chiến thuyền nhà Minh. Tướng Minh bắt Nguyên Khôi phải mau chóng rút khỏi Chiêm Thành. Nguyên Khôi nghe theo. Về triều, Nguyên Thác và Nguyên Khôi bị Hồ Quý Ly quở trách, giáng xuống làm lính.



Năm 1404, nhà Minh cho sứ sang Đại Ngu, đòi đất Lộc châu vì Minh Thành Tổ tin rằng đất này vốn thuộc châu Tư Minh (Quảng Tây - Trung Quốc). Nhưng Hồ Quý Ly cho rằng Lộc châu vốn thuộc châu Lạng Sơn của Đại Ngu nên không trao trả.





Năm Ất Dậu (1405), Minh Thành Tổ lại cho người sang đòi đất. Hồ Quý Ly phong Hành khiển Hoàng Hối Khanh làm Cát địa sứ, sai đi đàm phán với nhà Minh. Hoàng Hối Khanh đem năm mươi chín thôn ở đất Cổ Lâu trả cho nhà Minh. Về triều, Hoàng Hối Khanh bị Hồ Quý Ly trách mắng nặng nề. Sau đó, Hồ Quý Ly sai người bí mật đầu độc các quan nhà Minh đến cai trị đất Cổ Lâu.

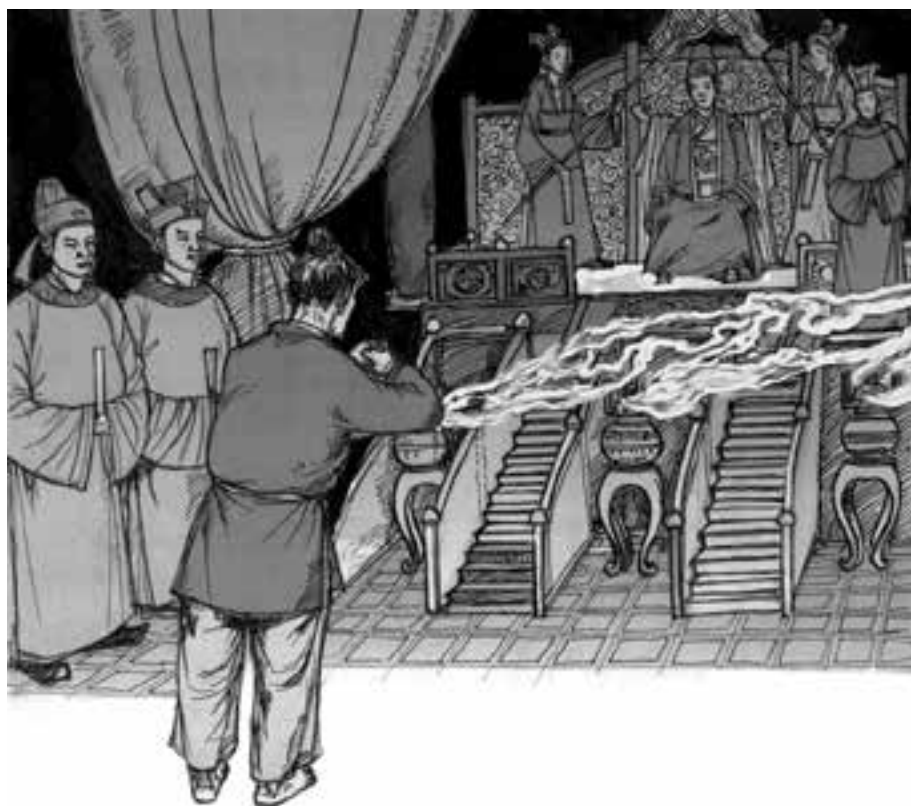




Năm Ất Dậu (1405), Hồ Quý Ly tổ chức lễ mừng thọ ở Tây Đô. dịp này, Quý Ly ban thưởng cho nhiều quan lại trong triều. Còn trong dân gian, ai đến tuổi bảy mươi cũng được triều đình ban thưởng.

Năm 1402, ở Trung Quốc, vua Minh Huệ Đế băng hà, Yên vương Chu Lệ lên ngôi. Vua Chu Lệ có tham vọng xâm lược nước Đại Ngu.





Năm Giáp Thân (1404), Trần Khang - một tôn thất nhà Trần - trốn sang Yên Kinh, tự xưng là Trần Thiên Bình - con vua Trần Nghệ Tông. Trần Khang xin vua Chu Lệ đem quân đánh Hồ Quý Lý, giúp nhà Trần giành lại ngôi báu.

Vua Chu Lệ bèn phái Ngự sử Lý Kỳ đi sứ nước ta. Lý Kỳ nấn ná ở lại dò xét tình hình nước Đại Ngu. Hồ Quý Ly muốn giết Lý Kỳ nhưng hắn đã trốn thoát.





Năm sau, vua Chu Lệ sai mấy viên hoạn quan gốc Việt là Nguyễn Toán, Từ Cá, Ngô Tín, Nguyễn Tông Đạo đi sứ nước ta. Về nước, chúng dặn họ hàng rằng nếu quân Minh sang đánh thì phải làm nội ứng.

Khi sứ nhà Minh về nước, Hồ Hán Thương sai người giết hết họ hàng của chúng. Sau đó Hồ Hán Thương sai Tả Hình bộ Lang trung Phạm Canh làm Chánh sứ, Lưu Đình Quang làm Phó sứ sang nhà Minh tìm cách hòa giải. Vua Minh bắt giam Chánh sứ, tha cho Phó sứ về nước.



Hòa giải không thành, nhà Hồ tổ chức phòng thủ đất nước. Hồ Quý Ly ra lệnh đóng cọc ở các cửa biển và cửa sông Bạch Hạc để ngăn thuyền giặc... Hồ Quý Ly lại sai Thái thú Đông lộ Hoàng Hối Khanh đắp thành Đa Bang ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây (nay là thị xã Sơn Tây, huyện Ba Vì, Hà Nội). Thành được xây kiên cố, có nhiều vọng gác.





Hồ Quý Ly còn lệnh cho dân các xứ Lạng châu, Vũ Ninh, Bắc Giang, Gia Lâm, Tam Đái phải phá bỏ nhà cửa vườn tược làm kế vườn không nhà trống. Dân chúng vào sống ở lán trại trong núi.





Cuối năm 1405, Hồ Quý Ly triệu tập bá quan bàn nên đánh hay hòa. Triều đình mỗi người một ý, người muốn đánh, kẻ muốn hòa.

Tả tướng quốc Hồ Nguyên Trùng nói:

- Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo thôi!

Hồ Quý Ly ban cho Nguyên Trùng hộp trầu bằng vàng và quyết định đánh.



Tháng tư năm Bính Tuất (1406), vua Chu Lê sai Chinh Nam tướng quân Hàn Quang và Tham tướng Hoàng Trung đem mười vạn quân tiến vào nước ta.



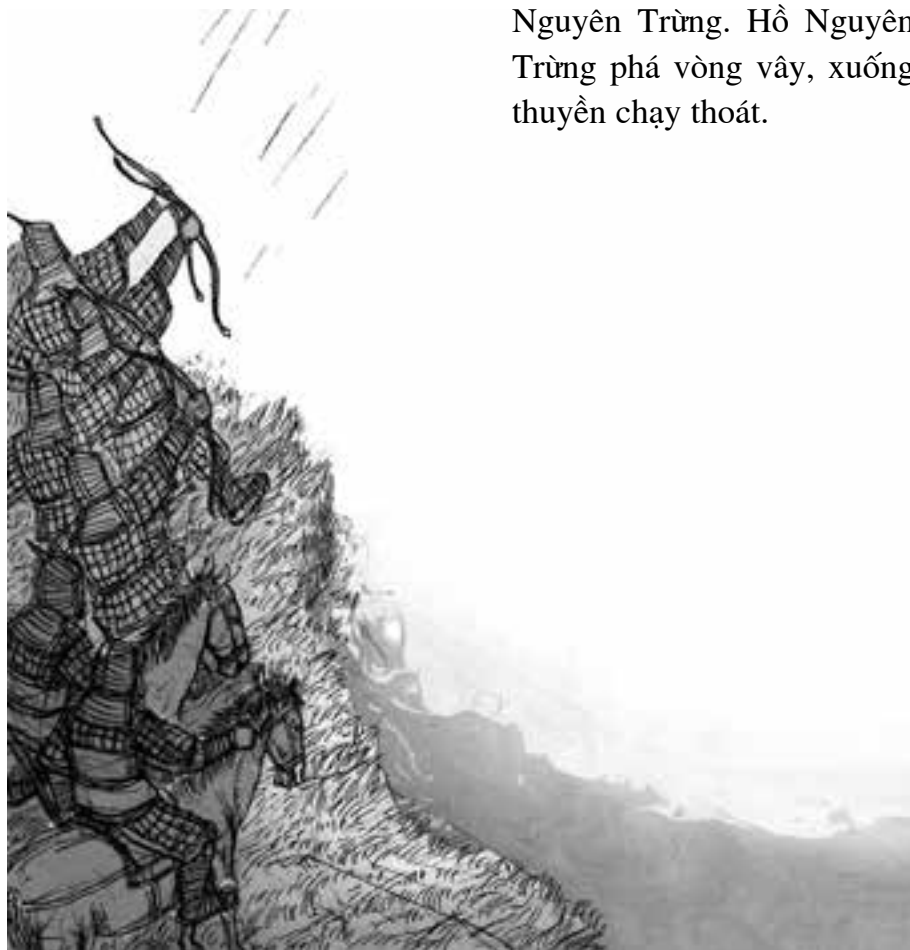


Khi giặc tiến vào Lãnh Kinh (huyện Đáp Cầu, tỉnh Bắc Ninh), quân nhà Hồ đổ ra đánh chặn. Thế giặc mạnh, quân nhà Hồ bại trận. Các tướng Chu Bình Trung, Phạm Nguyên Khôi, Trần Nguyên Huyên, Trần Thái Bộc hy sinh.





Hồ Nguyên Trùng nghe tin
vội đem quân đến tiếp ứng.
Quân Minh bao vây cả Hồ
Nguyên Trùng. Hồ Nguyên
Trùng phá vòng vây, xuống
thuyền chạy thoát.





Đúng lúc đó, Tả Thánh Dực đô thống Hồ Vấn dẫn quân từ Vũ Cao (Bắc Giang) tới tiếp ứng. Quân Đại Ngu quay lại dồn ép quân Minh.

Liệu thế không địch nổi, Hoàng Trung ra lệnh cho quân Minh chia thành từng đạo rút về biên giới.



Biết Hoàng Trung rút quân, tướng Hồ Xạ và Hữu Thánh Dục đô
thống Trần Đĩnh đem quân đi đường tắt chặn giặc ở ải Chi Lăng.



Bị chặn đường, Hoàng Trung sai Thái y Cao Cảnh Chiến và Trần Thiêm Bình sang doanh trại Đại Ngu xin hàng. Tướng Hồ Xạ bắt giữ Trần Thiêm Bình rồi tha cho quân Minh về nước.



Hán Thương giết Thiêm Bình rồi cho phép dân chúng trở về đất cũ. Hồ Quý Ly cho mở tiệc mừng chiến thắng.





Tuy thắng nhưng Hồ Quý Ly vẫn sai sứ sang nhà Minh cầu hòa.
Vua Minh bắt giam sứ giả và chuẩn bị đánh nước ta một lần nữa.



Để có quân chống giặc Minh, Hồ Quý Ly cho phép các công hầu được quyền tuyển mộ binh lính. Đồng thời, ông ra lệnh cho dân đóng cọc ở các cửa sông, cửa biển để ngăn đường tiến công của thủy quân giặc.





Tháng chín năm Bính Tuất (1406), vua Chu Lệ sai Thái tử Thái phó Chu Năng làm Đại tướng, Trương Phụ và Mộc Thạnh làm Tả Hữu Phó tướng, Lý Bân và Trần Thúc làm Tả Hữu Tham tướng đem tám mươi vạn quân đánh nước ta.

Chu Năng sai người viết hịch kể hai mươi hai tội lớn của Hồ Quý Ly rồi truyền vào Đại Ngu. Khi tiến quân đến Quảng Tây, Chu Năng bị bệnh mà chết. Trương Phụ lên làm Đại tướng.





Vua Chu Lệ sai Nội quan Dương Tiến Bảo, Lễ bộ thị lang Lý Kỳ và Hồng lô tư thừa Lữ Uyên vượt biển sang Chiêm Thành, khuyên nước này tiến đánh Đại Ngu.



Hồ Quý Ly sai Hồ Đồ chặn giặc ở ải Phú Lệnh (thị xã Hà Giang ngày nay) và vùng thượng lưu sông Lô (Hà Giang ngày nay). Hồ Xạ trấn giữ ngã ba Bạch Hạc (thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ngày nay). Hồ Nguyên Trừng trấn giữ thành Đông Đô (Hà Nội ngày nay). Cả ba chốt phòng thủ này đều nằm dọc sông Hồng.

Đầu tháng mười năm Bính Tuất (1406), Trương Phụ dẫn bốn mươi vạn quân tiến vào nước ta. Phụ cho người khắc bài hịch kể tội Hồ Quý Ly lên những bảng gỗ rồi thả trôi sông nhằm làm mất tinh thần quân Đại Ngu.

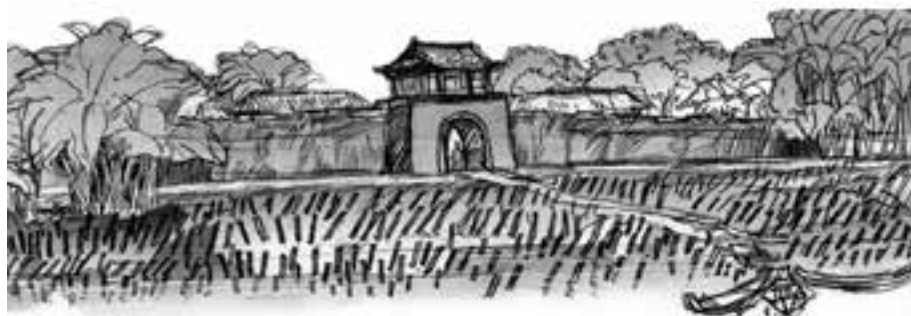


Trương Phụ sai Phiêu kỵ Tướng quân Chu Vinh dẫn quân đánh ải Pha Lũy (nay là Hữu Nghị quan, nằm ở km số 0 trên quốc lộ 1A, tỉnh Lạng Sơn). Trước đó, Hồ Quý Ly đã cử ba vạn quân trấn giữ ải này.



Quân Đại Ngu mai phục quanh ải, đợi khi Chu Vinh đến thì đổ ra đánh. Quân Minh chia làm hai toán. Một toán đánh ải Phá Lũy, một toán đánh quân mai phục. Nhà Hồ thua trận, mất ải Phá Lũy.





Vượt qua Phá Lũy, quân Minh chiếm Cần Trạm (thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang ngày nay) và Thị Cầu (phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh ngày nay). Trương Phụ sai Chu Vinh hạ trại ở Gia Lâm còn mình thì kéo đại quân về ngã ba Bạch Hạc.



Đạo quân thứ hai do Mộc Thạnh chỉ huy đánh ải Phú Lệnh. Tướng Hồ Đồ phải rút về vùng Phả Lại (thị xã Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương). Mộc Thạnh đánh chiếm các ải Hà Giang, Tuyên Quang. Đêm xuống, giặc khiêng thuyền lên bộ, theo đường tắt đến ngã ba Bạch Hạc.

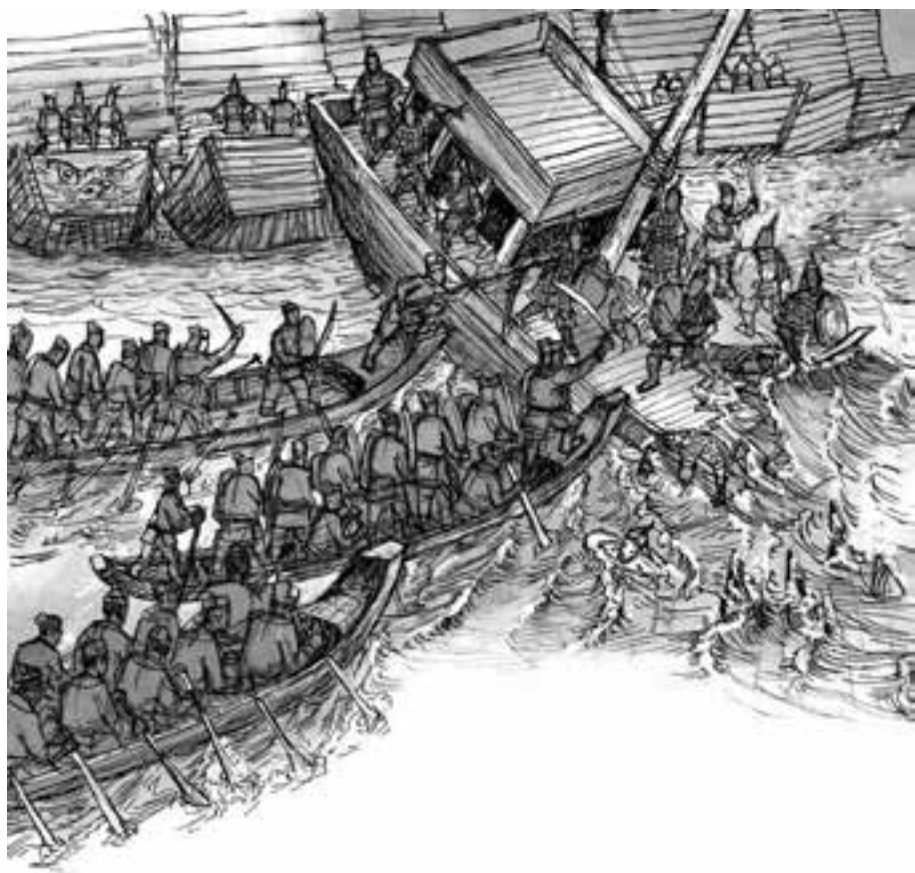




Đầu tháng chạp năm 1406, hai đạo quân Minh gặp nhau ở Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ). Gần tám mươi vạn quân Minh đóng trại trên bờ bắc ngã ba Bạch Hạc.

Thấy thế giặc mạnh, Mạc Địch, Mạc Thúy, Mạc Viễn, Nguyễn Huân dẫn quân ra hàng. Trương Phụ ban thưởng rất hậu cho những người này khiến quân sĩ nhà Hồ hoang mang.





Mùng hai tháng chạp, Trương Phụ, Mộc Thạnh đánh chiếm ngã ba Bạch Hạc. Tướng Hồ Xạ thua trận, phải rút về thành Đa Bang.



Đêm ngày bảy tháng chạp, quân Minh đánh úp doanh trại nhà Hồ bên dòng Thiên Mạc (đoạn sông Hồng chảy qua phía Bắc tỉnh Hưng Yên).



Nhờ canh gác cẩn thận, tướng nhà Hồ là Trần Đĩnh đã đẩy lui được quân Minh. Được tin, Hồ Nguyên Trừng rải quân dọc theo bờ sông, ngày đêm canh gác cẩn thận.

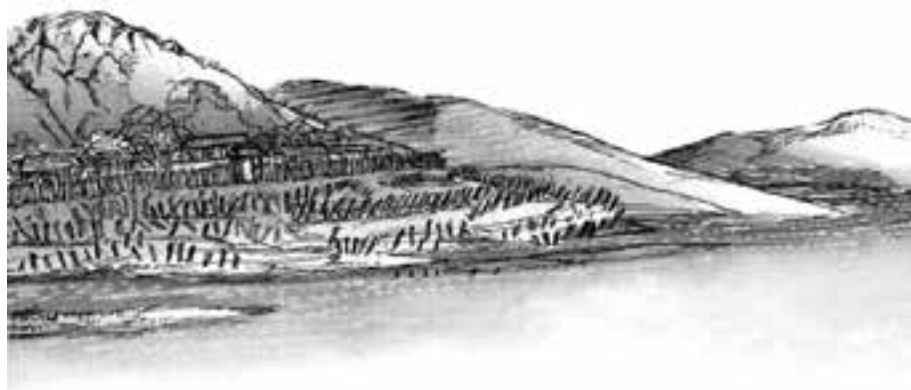




Hai ngày sau, Trương Phụ lại đánh úp bãi Mộc Hoàn (bãi nổi giữa sông thuộc huyện Ba Vi, Hà Nội). Tướng chỉ huy là Nguyễn Công Khôi vì mãi mê nữ sắc, không đề phòng nên bị giết. Quân nhà Hồ không kịp cứu ứng.

Mộc Thạnh bàn với Trương Phụ nên bắc cầu phao qua sông để hạ thành Đa Bang. Hạ được thành Đa Bang là phá vỡ được tuyến phòng thủ của nhà Hồ.





Trương Phụ sai quân làm cầu phao vượt sông, bao vây thành Đa Bang. Trương Phụ lại xuống lệnh ai phá được thành sẽ trọng thưởng. Ngay đêm ấy, quân Minh tấn công thành.

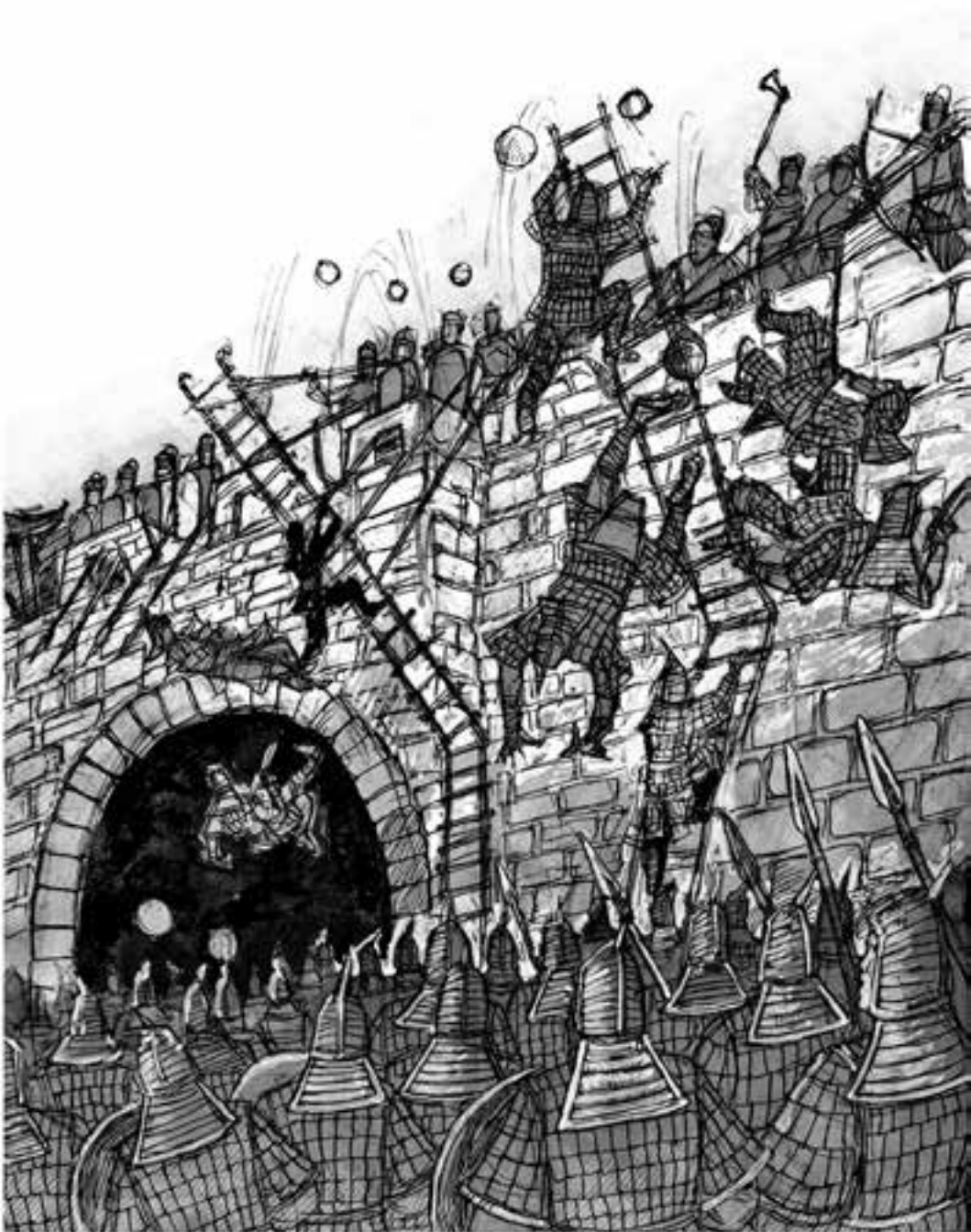


Trương Phụ cùng Hoàng Trung đánh mặt tây bắc; Mộc Thạnh và Trần Tuân đánh mặt đông nam thành Đa Bang.

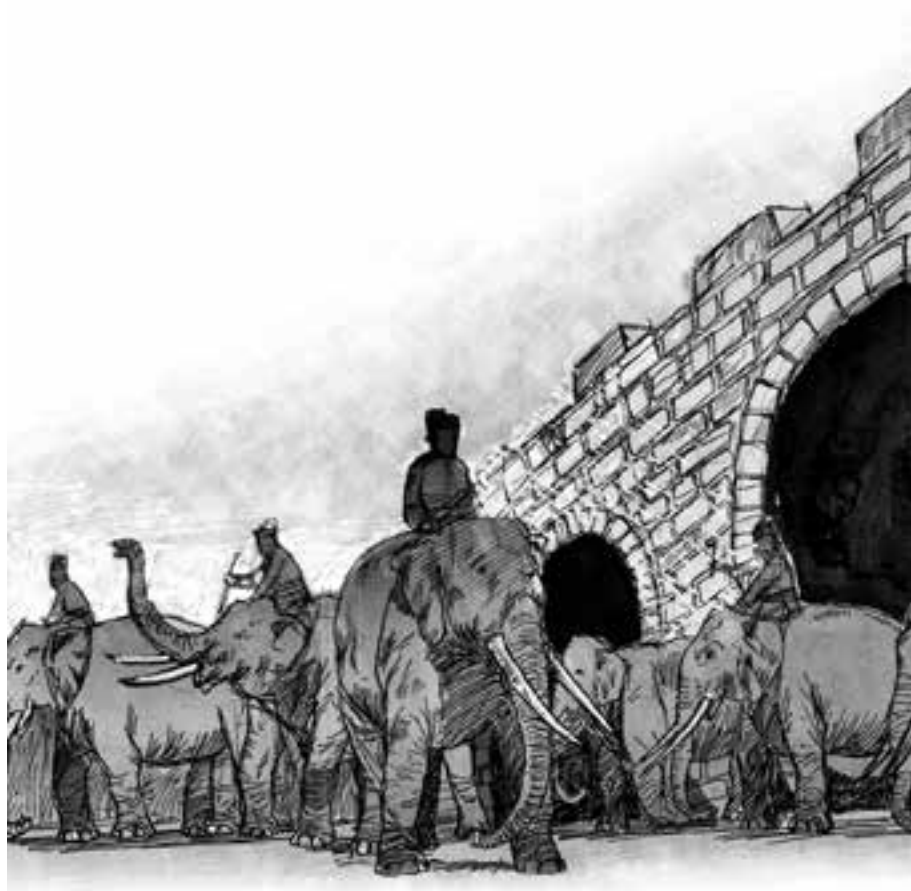


Quân Minh dùng thang mây để leo lên thành. Quân Hồ bắn tên, ném đá, cắt dây thang khiến quân Minh chết la liệt. Nhưng Trương Phụ, Mộc Thạnh cật quân đông, lớp này chết lại cho lớp khác leo lên...





Tướng nhà Hồ là Nguyễn Tông Đốn cho mở cửa thành để lừa voi chiến ra trận. Quân Minh dùng hỏa tiễn bắn voi khiến voi hoảng sợ chạy trở lui. Giặc theo sau voi tràn vào cướp thành.





Thừa thắng, quân Minh đánh xuống hạ lưu sông Phú Lương, đốt sạch các đồn trại quân Đại Ngu dọc hai bên sông và tiến về Đông Đô. Quân Đại Ngu chết nhiều vô kể.

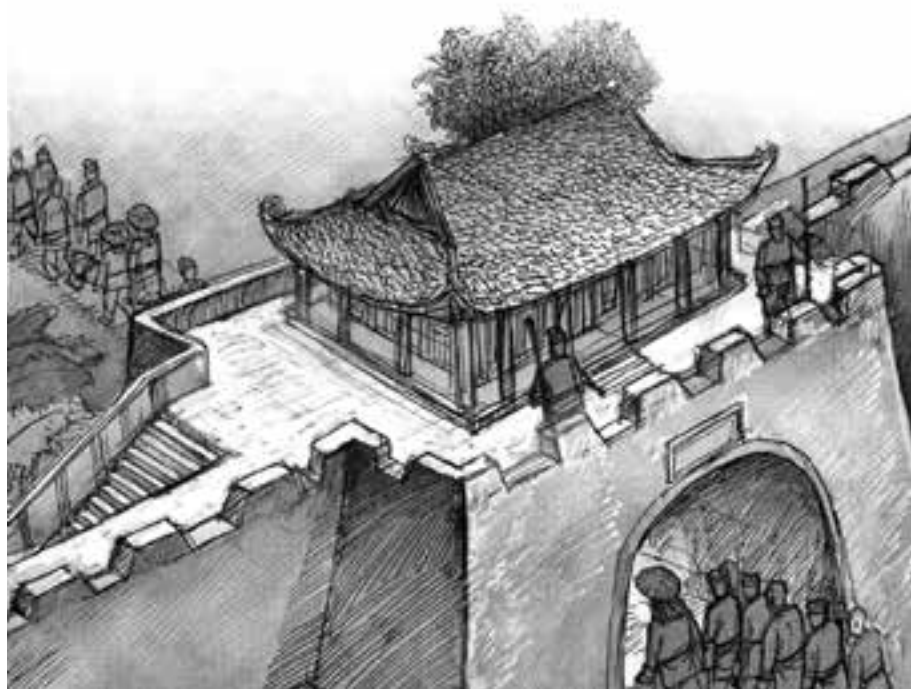
Quan Thị trung Trần Nguyên Chử cùng vợ là công chúa Thiên Huy đóng quân ở bờ Nam sông Hồng chạy thoát ra vùng biển Đồ Sơn (Hải Phòng).



Còn Trung thư lệnh Trần Sư Hiền cùng vợ là công chúa Thiên Gia ra hàng quân Minh.



Giữa tháng chạp, thành Đông Đô thất thủ. Quân Minh cướp nhiều của cải đem về Kim Lăng (Trung Quốc). Trương Phụ còn tích trữ quân lương, sắp đặt quan lại nhằm cai trị nước ta lâu dài.



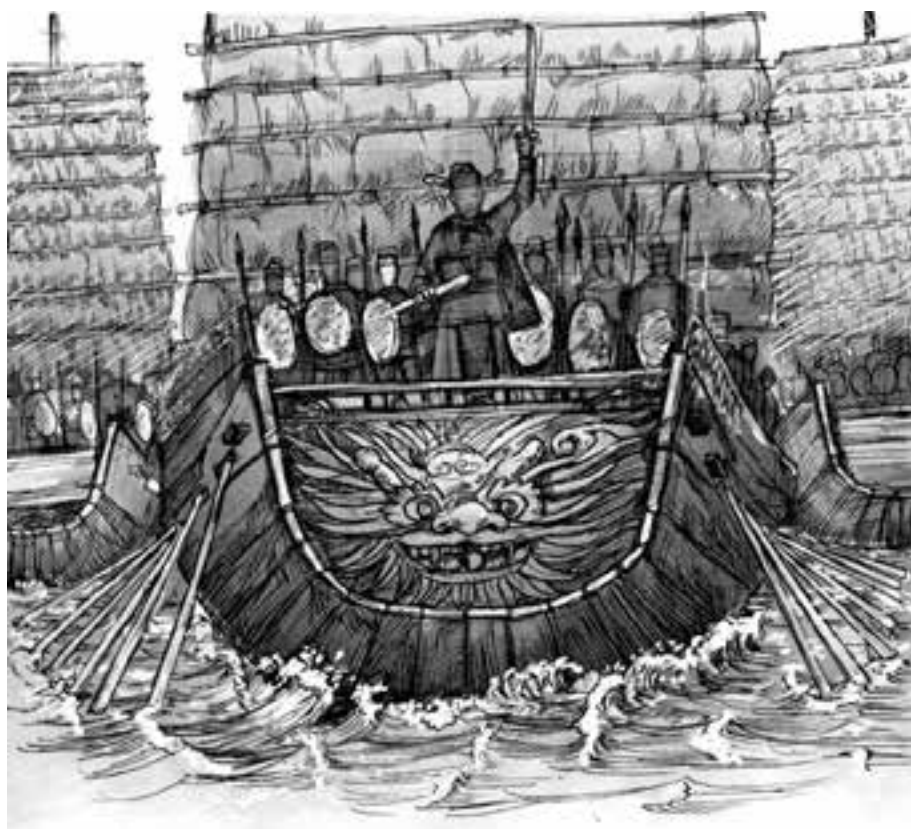
Dù thành Đa Bang và Đông Đô thất thủ nhưng quân chủ lực của Hồ Quý Ly vẫn còn mạnh. Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương và Hồ Nguyên Trừng đóng quân ở Hoàng Giang*, chặn lối vào Tây Đô (Thanh Hóa).

** Đoạn sông Hồng chảy qua huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam ngày nay.*



Trong khi đó, các tướng Hồ Đổ, Hồ Xạ ở các vùng Bình Than, Chí Linh, Vạn Kiếp, Phả Lại (Hải Dương) liên tục đem quân đột kích khiến Trương Phụ phải chia quân ra chống đỡ.

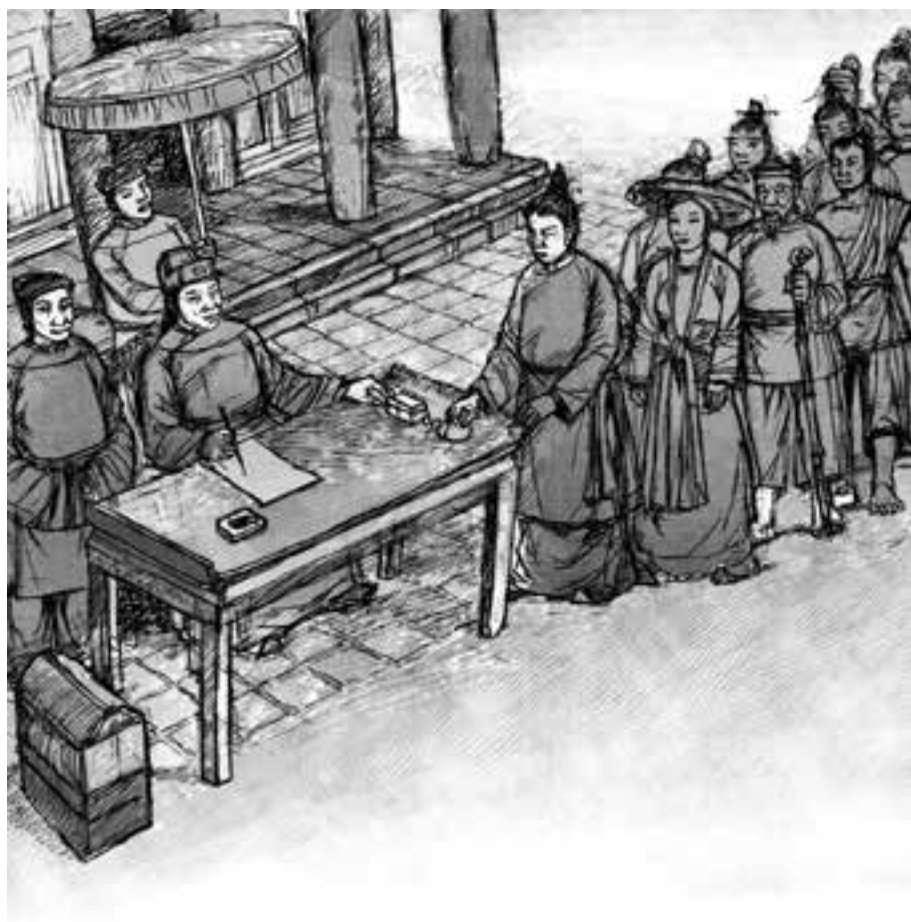




Tháng hai năm Đinh Hợi (1407), quân Minh kéo đến hữu ngạn sông Hoàng Giang. Hồ Nguyên Trừng đem 300 chiến thuyền ra nghênh chiến nhưng bị đánh bại, phải rút về Muộn Hải (huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định).

Hồ Quý Ly lệnh cho Hồ Nguyên Trừng trấn giữ Muộn Hải còn mình và Hán Thương rút về Thanh Hóa. Hồ Nguyên Trừng gấp rút cho quân đúc thêm hỏa khí, đóng thêm thuyền chiến.





Để có tiền đánh giặc, Hồ Quý Ly quyên góp của cải trong dân. Ai đóng góp nhiều tiền của thì được ban tước, thậm chí được lấy con gái tôn thất và được cấp ruộng.



Tại Thanh Hóa, Hồ Quý Ly cho đóng cọc, chằng dây xích ở các cửa sông. Lại cho quân canh giữ các con đường dẫn vào Tây Đô.



Giặc Minh tấn công Muộn Hải, quân Hồ rút về Đại An (huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình). Tướng nhà Hồ là Ngô Thành liêu chết dẫn một đội thủy quân đột kích bến Giao Thủy (ở gần Muộn Hải).

Bị tấn công bất ngờ, quân Minh phải rút lui. Trương Phụ, Mộc Thạnh vội đem quân đến tiếp viện, Ngô Thành bị giặc giết. Hồ Quý Ly truy tặng Ngô Thành làm Kiên vệ Tướng quân.



Chiếm được Muộn Hải nhưng Mộc Thạnh không đóng quân ở đây mà lui về Hàm Tử (xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên). Nơi này gần Đông Đô, thuận tiện cho việc tiếp ứng lương thảo.



Hồ Nguyên Trùng đem quân tái chiếm Muộn Hải, Hoàng Giang rồi mời Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương ra Hoàng Giang.





Bấy giờ, nhiều người vì oán hận giặc Minh mà tìm đến Hồ Quý Ly. Dân chúng các nơi hạ cây, lấy gỗ dựng kè hai bên sông. Giữa sông, thuyền chiến nối nhau san sát. Khí thế đánh giặc sôi nổi hơn hẳn lúc trước.

Giữa tháng ba năm Đinh Hợi (1407), Hồ Quý Ly quyết định tấn công Hàm Tử và Đông Đô. Lúc ấy, quân Đại Ngu có chừng bảy vạn nhưng nói phao lên là hai mươi mốt vạn. Hồ Quý Ly chia quân làm ba cánh. Hai cánh quân bộ tiến dọc hai bên bờ sông. Thủy quân đi giữa, tiến đánh Hàm Tử.



Cánh quân ở bờ bắc sông Hồng do Đỗ Nhân Giám, Trần Khắc Trung chỉ huy trúng bẫy phục binh. Quân Đại Ngu bị dồn xuống sông, chết rất nhiều.



Cánh quân ở bờ nam do Hồ Xạ và Trần Đĩnh chỉ huy. Hồ Xạ biết quân Minh sẽ mai phục nên cho quân dừng lại. Hồ Đổ thúc Hồ Xạ phải tiến quân. Hồ Xạ miễn cưỡng kéo quân đi. Được một đoạn, Hồ Xạ trúng bẫy mai phục.



Trận ấy, An Phủ sứ Bắc Giang Nguyễn Hy Chu sa vào tay giặc. Giặc dụ hàng nhưng ông không nghe, còn chửi mắng Trương Phụ. Tức giận, Trương Phụ chém ông giữa doanh trại.



Thủy quân Đại Ngu cũng chia làm hai đạo. Tướng Nguyễn Công Chứng dẫn một trăm chiến thuyền đi tiên phong. Các tướng Đỗ Mãn, Hồ Vấn đi sau tiếp ứng.



Khi thủy quân Đại Ngu đến cửa Hàm Tử thì chiến thuyền nhà Minh đổ ra đánh. Trên bờ, quân Minh lại bắn pháo, ném đá trợ oai.



Trận chiến đang diễn ra thì viện binh nhà Minh kéo đến. Giặc bắn tên, đạn tới tấp vào hai bên sườn thủy quân Đại Ngu. Quân Đại Ngu bại trận, nhiều chiến thuyền bị đắm, số còn lại bỏ chạy.



Thừa thắng, Trương Phụ, Mộc Thạnh đem quân truy đuổi. Giặc chiếm được các căn cứ Hoàng Giang, Lỗ Giang, Muộn Hải, Đại An... Cha con Hồ Quý Ly chạy về Thanh Hóa.



Tại Thanh Hóa, Hồ Quý Ly chọn Lỗi Giang (một nhánh của sông Mã ở huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa) làm căn cứ chống giặc. Lúc này, quân đội của Hồ Quý Ly đã suy yếu lắm rồi.



Cuối tháng tư năm Đinh Hợi (1407), quân Minh đánh vào Lôi Giang. Hồ Quý Ly bỏ chạy về phía nam Thanh Hóa. Đến Diêm Canh (huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa), Hồ Quý Ly bỏ thuyền chạy lên bờ.



Ngự sử trung tán Ngụy Thúc tần: “Nước mất, làm vua thì không nên để người ta bắt được, xin bệ hạ tự đốt đi thì hơn”. Quý Ly giết Ngụy Thúc rồi chạy vào Nghệ An.

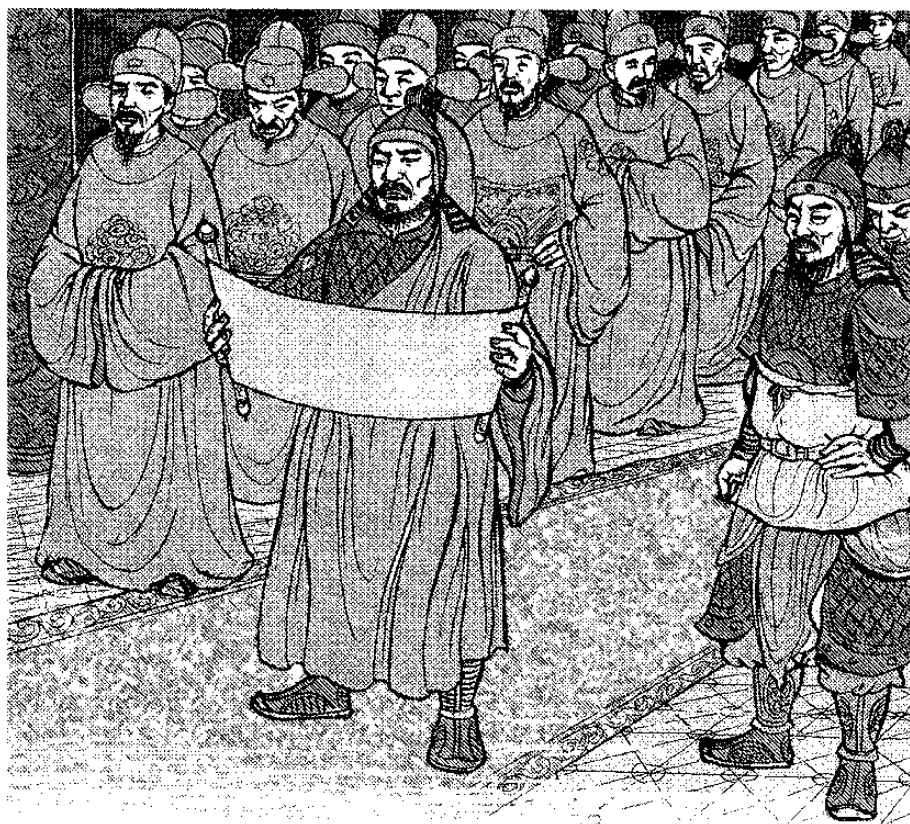


Biết tin Hồ Quý Ly chạy vào Nghệ An, giặc chia quân ra đuổi. Trương Phụ, Mộc Thạnh theo đường bộ; Hoàng Trung, Liễu Thăng theo đường biển, chặn ở cửa Kỳ La (huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh). Tháng năm năm Đinh Hợi (1407), cha con Hồ Quý Ly bị bắt ở núi Cao Vọng. Một tháng sau, Hồ Quý Ly bị giải về Kim Lăng (Trung Quốc) và chết ở đây.



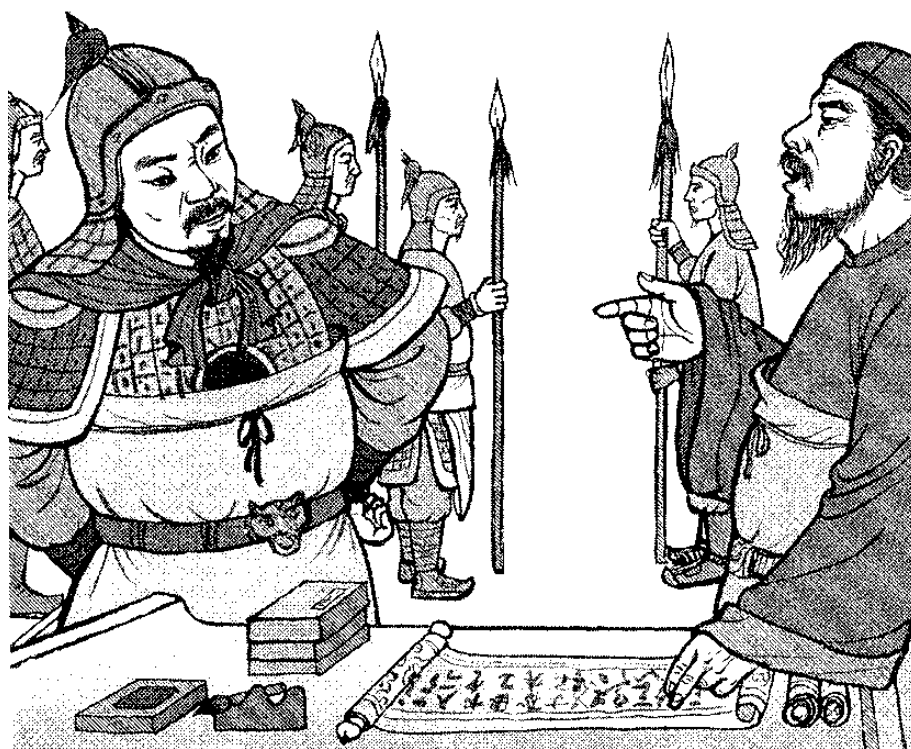
Sau khi diệt nhà Hồ, Trương Phụ mượn tay bọn Việt gian dâng thư lên vua Chu Lê xin cho Đại Ngu được trở thành quận huyện của nhà Minh.

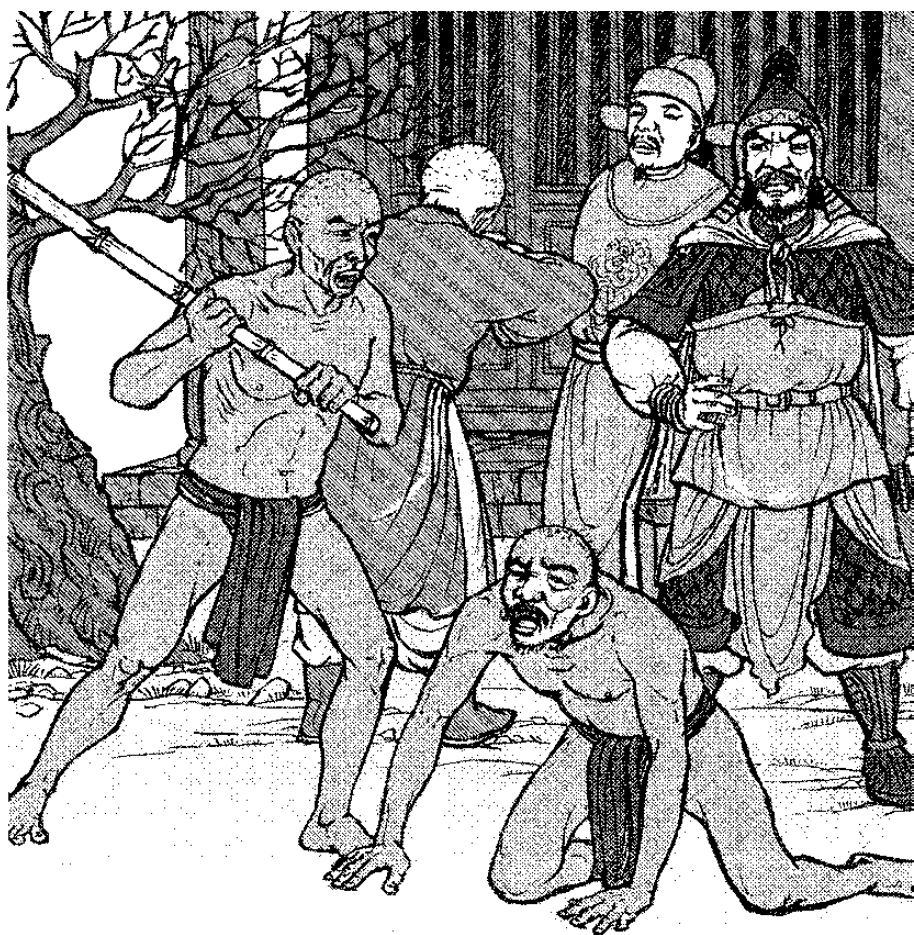




Tháng 6 năm Đinh Hợi (1407), vua Chu Lệ đổi tên nước Đại Ngu thành quận Giao Chỉ. Năm 1408, nhà Minh chia nước ta làm mười lăm phủ, bao gồm ba mươi sáu châu, một trăm chín mươi mốt huyện và năm châu tự trị.

Nhà Minh lập ra hai hệ thống chính quyền cai trị nước ta. Một là chính quyền quân sự do võ tướng nhà Minh nắm giữ. Một là chính quyền dân sự do văn quan nhà Minh đứng đầu.

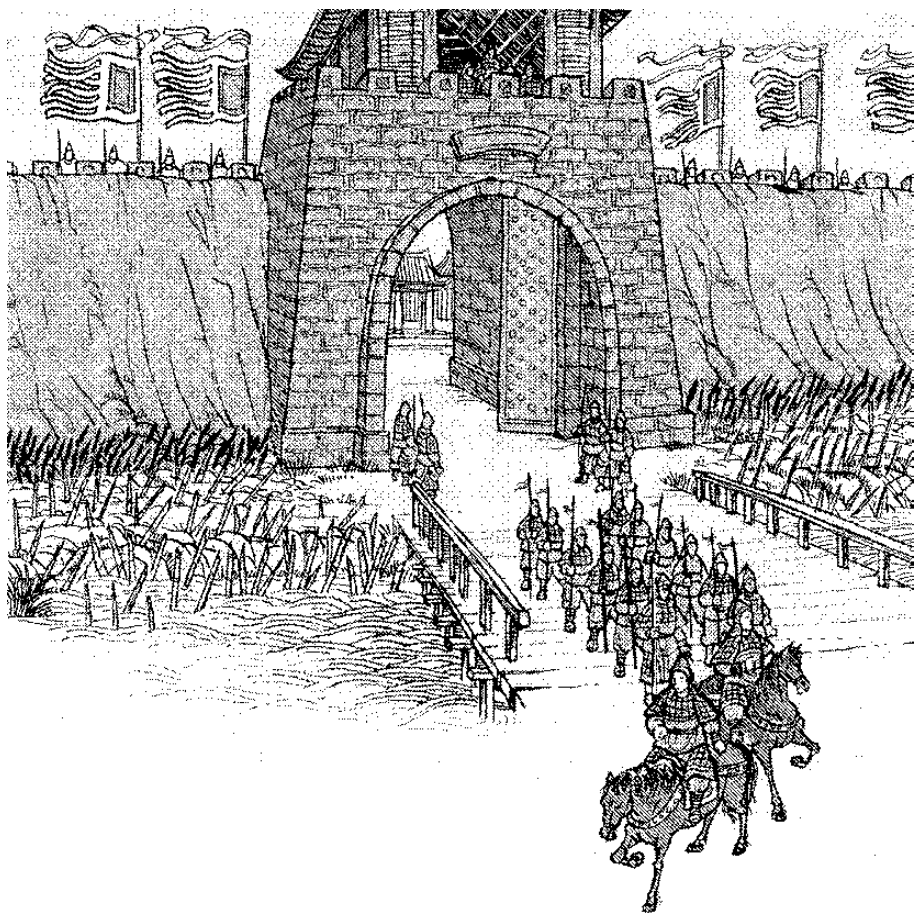




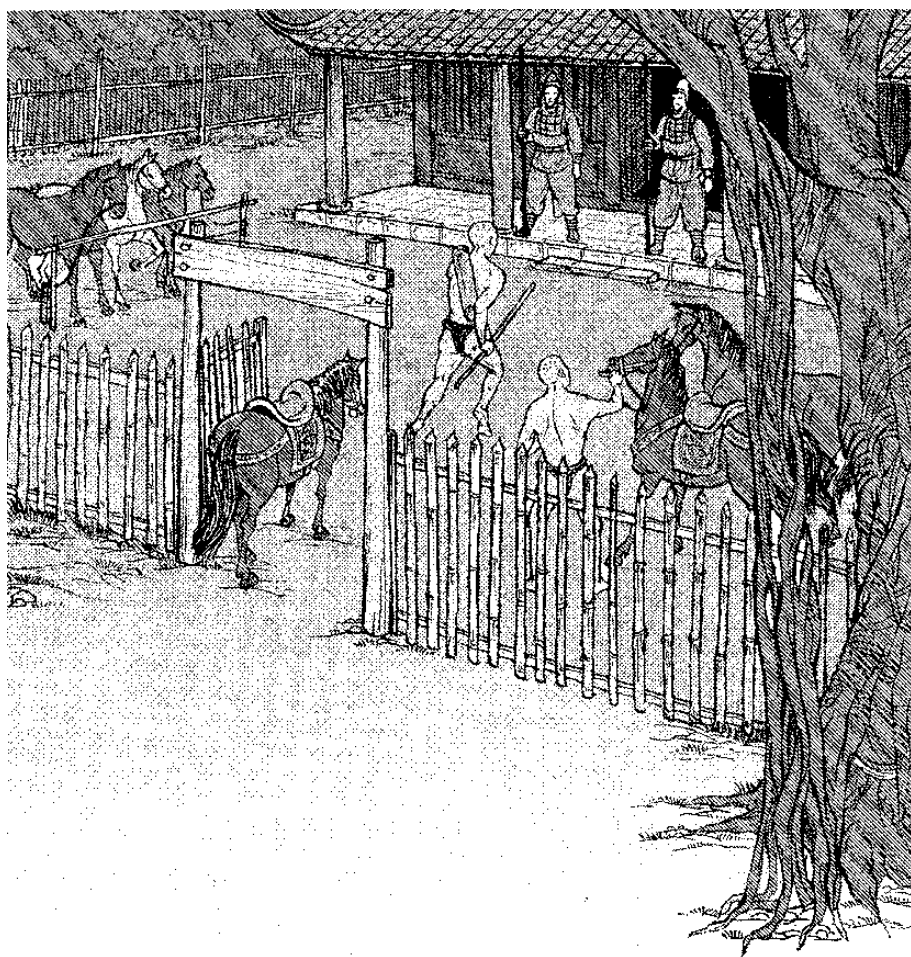
Giặc Minh còn phong chức cho một số người Việt để thực hiện âm mưu “dùng người Việt trị người Việt”. Một số người Việt làm quan với nhà Minh là Tả Tham nghị Mạc Thúy, Hữu Tham nghị Mạc Huân, Tả Tham chính Lương Nhữ Hốt, Tả Bố chính Nguyễn Huân.

Giặc Minh thắng tay đàn áp những người chống đối. Chúng sử dụng nhiều hình phạt dã man nhằm dập tắt ý phản kháng của dân ta.



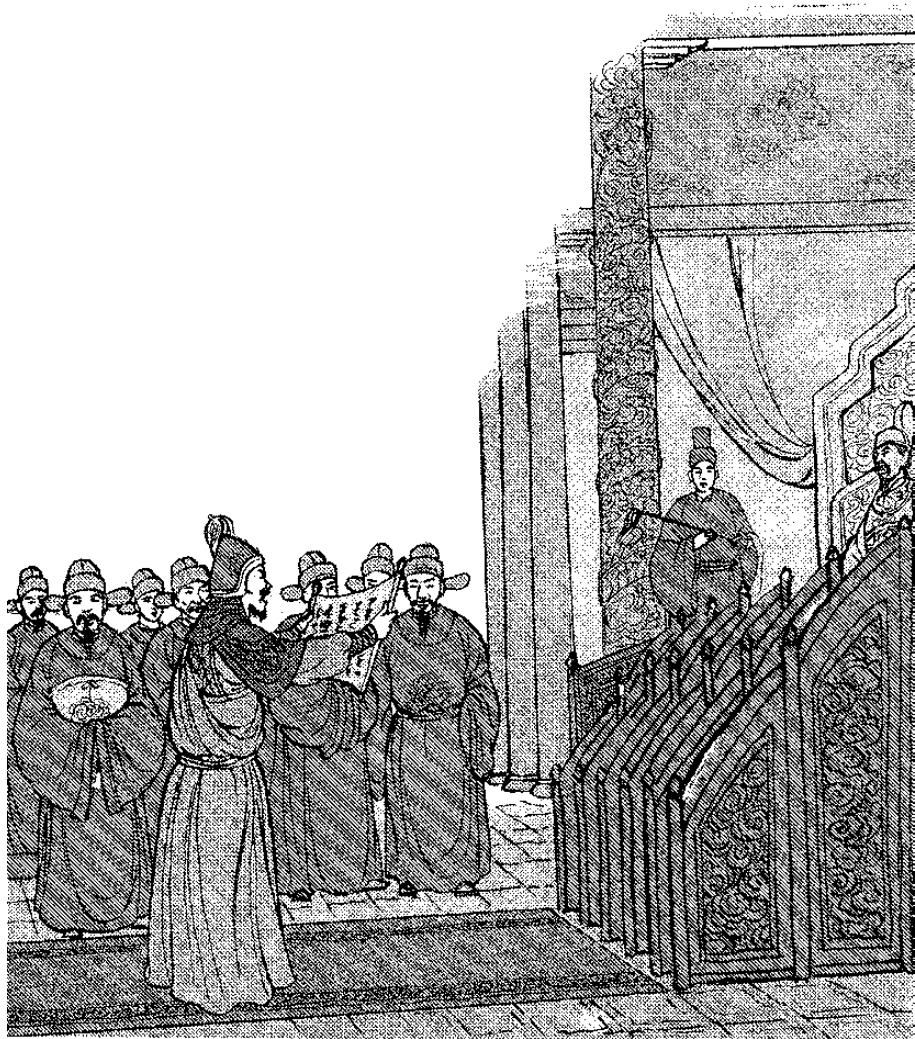


Giặc Minh bắt dân ta xây nhiều thành lũy làm nơi đóng quân. Theo sử cũ, giặc Minh đã xây dựng ở nước ta ba mươi chín tòa thành lớn. Nhiều tòa thành vẫn còn lưu dấu vết đến tận ngày nay như thành Cổ Lộng (Ý Yên, Nam Định), thành Nghệ An (huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An), thành Điêu Diêu (huyện Gia Lâm, Hà Nội).

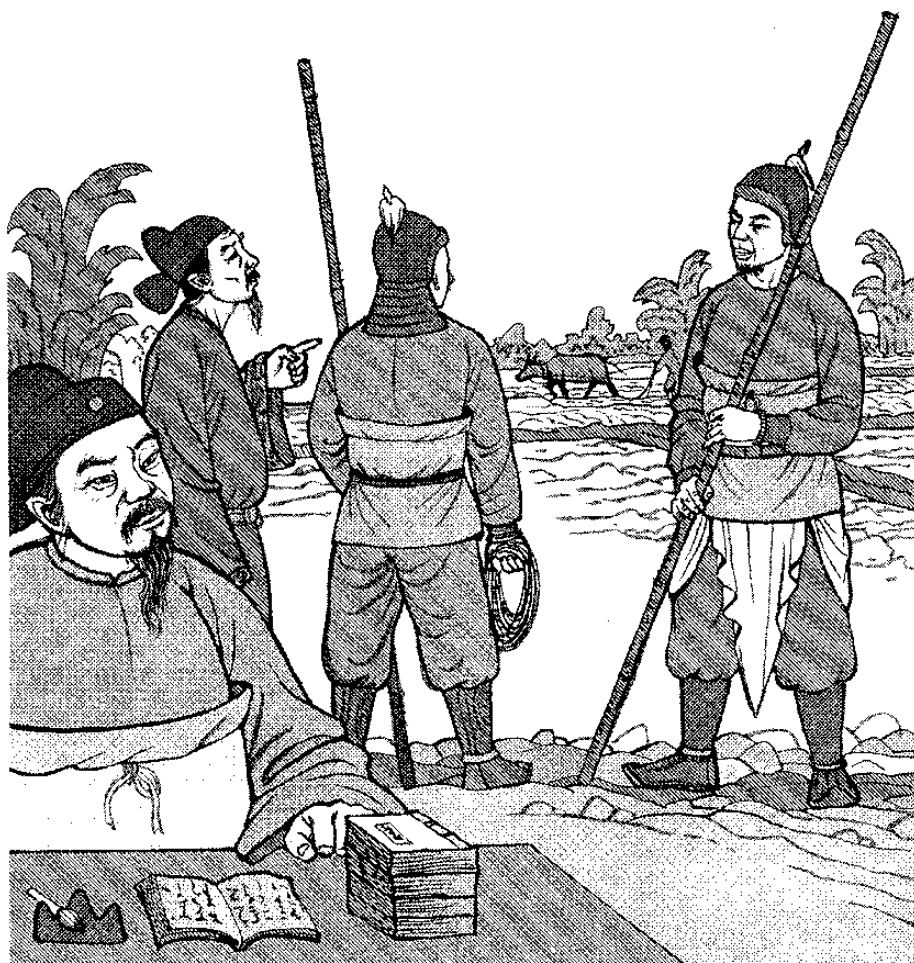


Trên các trục giao thông chính, cứ mười dặm, giặc Minh lại lập một dịch trạm và cho một toán quân trấn giữ. Toán quân này có nhiệm vụ truyền tin và tham gia đàn áp dân địa phương. Giặc Minh xây dựng 374 trạm dịch trên khắp nước ta.

Năm 1408, Trương Phụ tâu với triều đình nhà Minh rằng dân số nước ta trên năm triệu người. Tuy nhiên, đây không phải là con số chính xác.



Ngay từ khi mới đặt nước ta làm quận huyện, giặc Minh đã tiến hành đo đạc đất đai. Đến năm 1417, ngoại trừ phủ Thăng Hoa (Quảng Nam và Quảng Ngãi ngày nay), giặc Minh đã đo được 17.44.200 mẫu đất.



Giặc Minh vẫn giữ nguyên các hình thức thuế của Hồ Quý Ly trước đây nhưng mức thu tăng cao gấp ba lần.



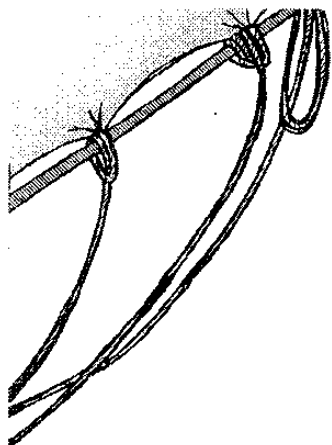


Ngoài thu thuế, giặc Minh còn bắt dân ta nộp cống phẩm. Cống phẩm cũng phải nộp theo định kỳ. Giặc bắt người dân vùng rừng núi nộp sừng tê, ngà voi, trầm hương, quế...

Với người dân vùng đồng bằng, giặc bắt nộp tơ lụa, sơn, quạt giấy cùng nhiều loại sản vật khác. Từ năm 1416 đến năm 1423, giặc Minh đã thu gom 12.471 tấm lụa, 15.100 cân sơn và 75.965 cái quạt giấy về Trung Quốc.



Ở vùng biển, giặc bắt người dân nộp ngọc trai, san hô và nhiều hải sản quý hiếm khác. Ngoài ra, giặc Minh còn kiểm soát gắt gao việc sản xuất, kinh doanh muối.



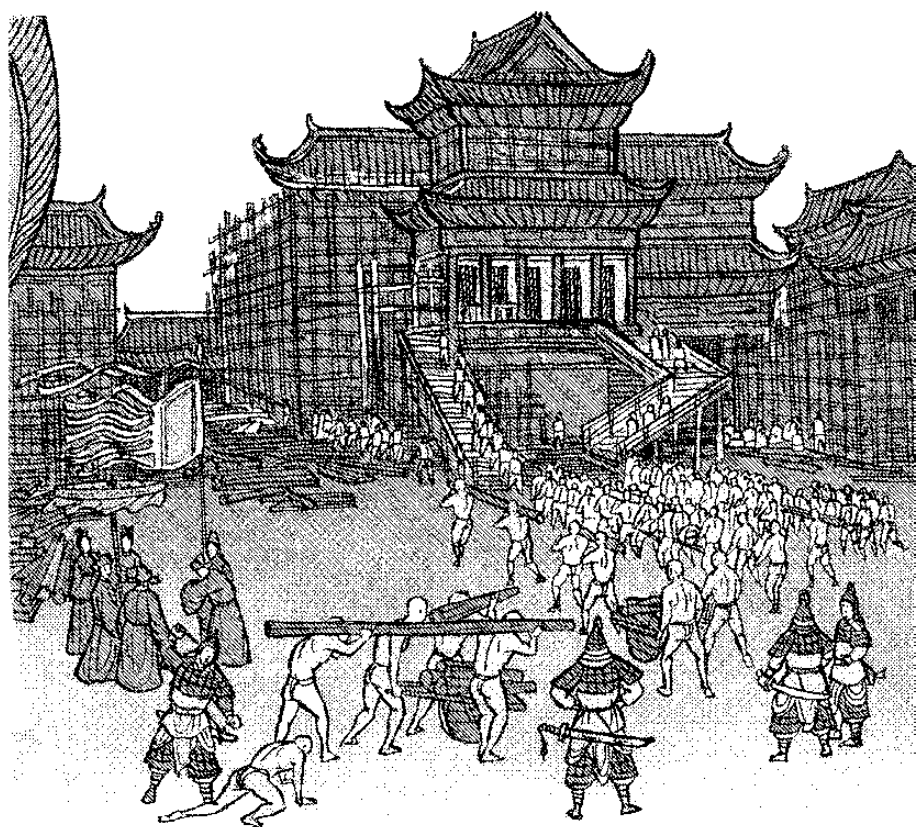
Giặc Minh lập ra Ty Tuần kiểm để thu thuế và kiểm soát hàng hóa. Thực chất, đây là những đồn kiểm soát đặc biệt của giặc. Năm 1417, cả nước ta có 187 Ty Tuần kiểm.



Giặc Minh bắt nhiều người Việt đem về Trung Quốc. Ban đầu, chúng chỉ bắt đàn ông đi lính. Về sau, chúng bắt cả giới Nho sĩ và những thợ thủ công lành nghề.



Năm 1417, nhà Minh dời đô từ Nam Kinh lên Bắc Kinh. Để xây dựng kinh đô mới, giặc Minh bắt tất cả đàn ông Việt từ mười sáu đến sáu mươi tuổi phải sang Trung Quốc làm phu dịch trong một thời gian nhất định.



Giặc Minh còn bắt giữ phụ nữ Việt để mua vui. Chúng chọn những bé trai khôi ngô tuấn tú đem về Trung Quốc nuôi dạy rồi biến tất cả thành hoạn quan phục vụ triều đình.



Giặc Minh còn săn lùng những người ái nam ái nữ để đưa về Trung Quốc làm hoạn quan. Sau đó, chúng đưa họ về Giao Châu làm tay sai.





Nhằm xóa bỏ nền văn hóa nước Việt, giặc Minh đã thiêu hủy nhiều bộ sách quý. Những bộ sách sách như *Đại Việt sử ký*, 30 quyển do Bảng nhãn Lê Văn Hưu biên soạn; *Việt thế chí* do Hồ Tông Thốc biên soạn; *Binh thư yếu lược* do Trần Hưng Đạo biên soạn; *Kiến trung thường lễ*, 10 quyển do vua Trần Thái Tông biên soạn; *Hoàng triều đại điển* do Trương Hán Siêu và Nguyễn Trung Ngạn biên soạn... đều bị đốt bỏ.

Giặc Minh còn phá hủy tất cả những hiện vật có chữ như bia đá, sách bằng kim loại... Không một di sản văn hóa vật chất nào của người Việt còn được nguyên vẹn.



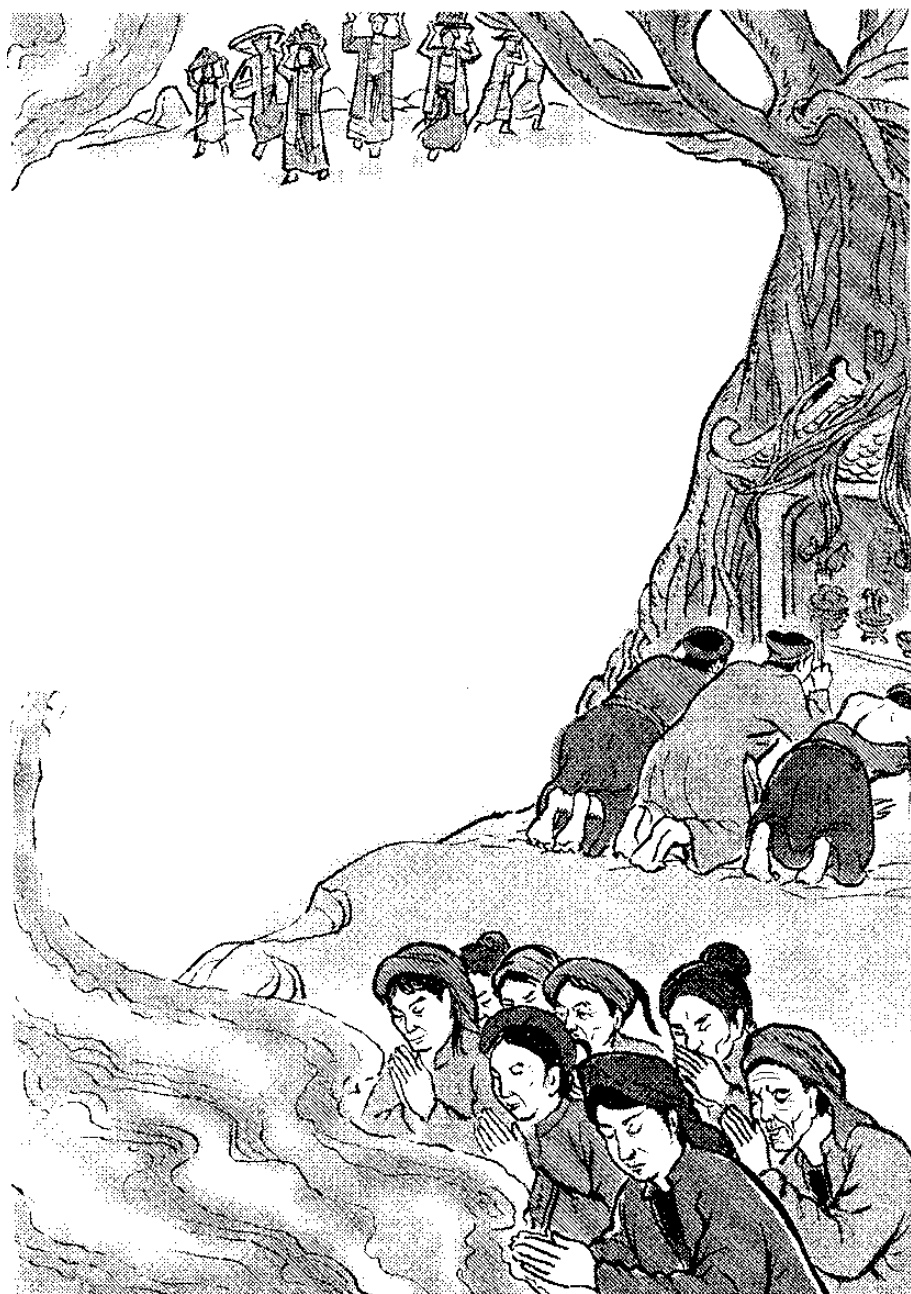
Giặc Minh tịch thu mọi đồ vật bằng đồng như nồi đồng, mâm đồng, thau đồng... của người dân; chuông đồng, khánh đồng, tượng đồng, vạc đồng... từ chùa chiền, đền miếu. Chuông Quy Điền và vạc Phổ Minh bị phá hủy trong thời gian này. Số đồng thu được, chúng nấu chảy rồi đúc vũ khí.



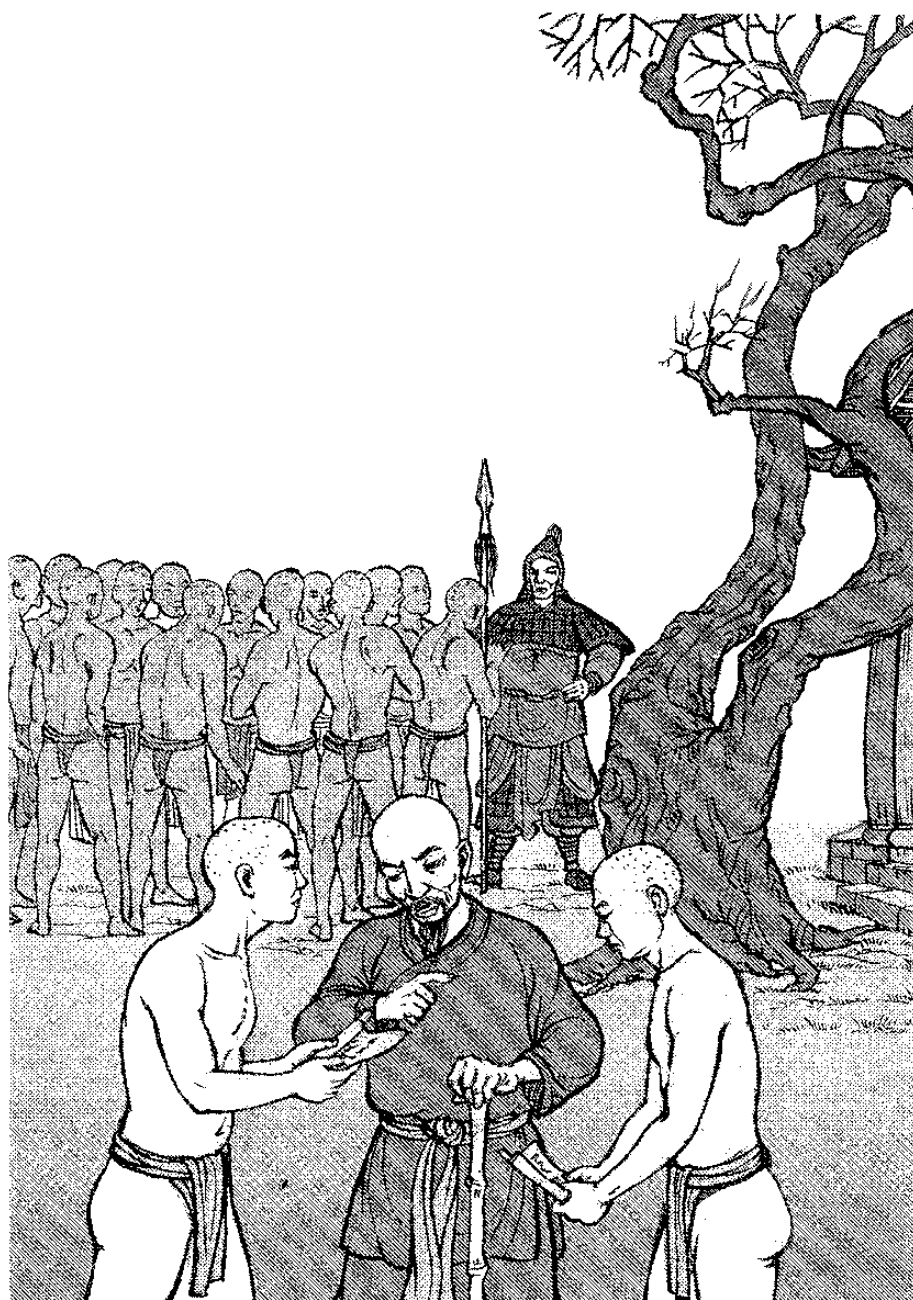


Việc học hành, thi cử của dân ta bị giặc Minh kìm hãm. Thời gian đầu, giặc Minh quy định mỗi năm, một phủ chỉ được cử hai người đi thi. Từ năm 1418 trở đi, mỗi năm, một phủ chỉ được cử một người đi thi.

Giặc Minh khuyến khích hoạt động mê tín dị đoan. Năm 1414, Thượng thư Hoàng Phúc bắt các phủ, châu và huyện phải lập đền thờ thần núi, thần sông... mỗi năm hai lần tế lễ. Cả nước có đến 444 đền thờ, trong đó có 148 đàn tế thần.



Năm 1419, Tổng binh Lý Bân tiến hành kiểm kê hộ tịch toàn cõi Giao Chỉ. Lý Bân bắt mọi nhà phải kê khai nhân khẩu và các quan địa phương phải lập sổ sách để quản lý.



Tiếp đến, chúng xiết chặt quản lý hoạt động sản xuất và kinh doanh muối. Chúng lập ra Giao Chỉ diêm khóa đề cử ty để kiểm soát nghề làm muối.

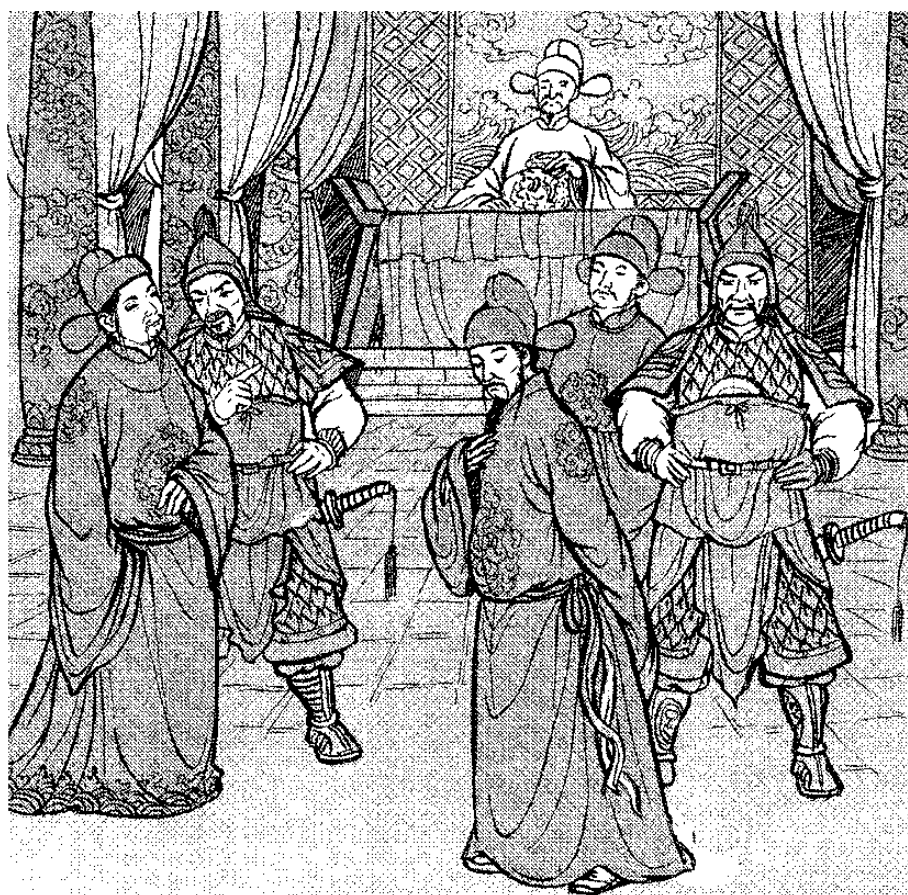


Muối sản xuất ra phải nộp vào Diêm khố (kho trữ muối). Giao Chỉ diêm khóa đề cử ty độc quyền phân phối số muối trong Diêm khố. Những người buôn bán muối đều phải được ty này cấp phép.





Ai buôn muối mà không có giấy phép sẽ bị tội rất nặng. Từ năm 1413, giặc Minh bắt đầu đem muối đi đổi lương thực, thực phẩm. Chúng bán muối cho dân cư vùng rừng núi, trung du với giá rất cao.



Số lượng quân Minh đóng ở Giao Chỉ rất lớn khiến chúng không đủ lương thực nuôi quân. Mỗi năm, giặc Minh cần đến 692.400 thạch lương nhưng chúng chỉ thu được 57.700 thạch*.

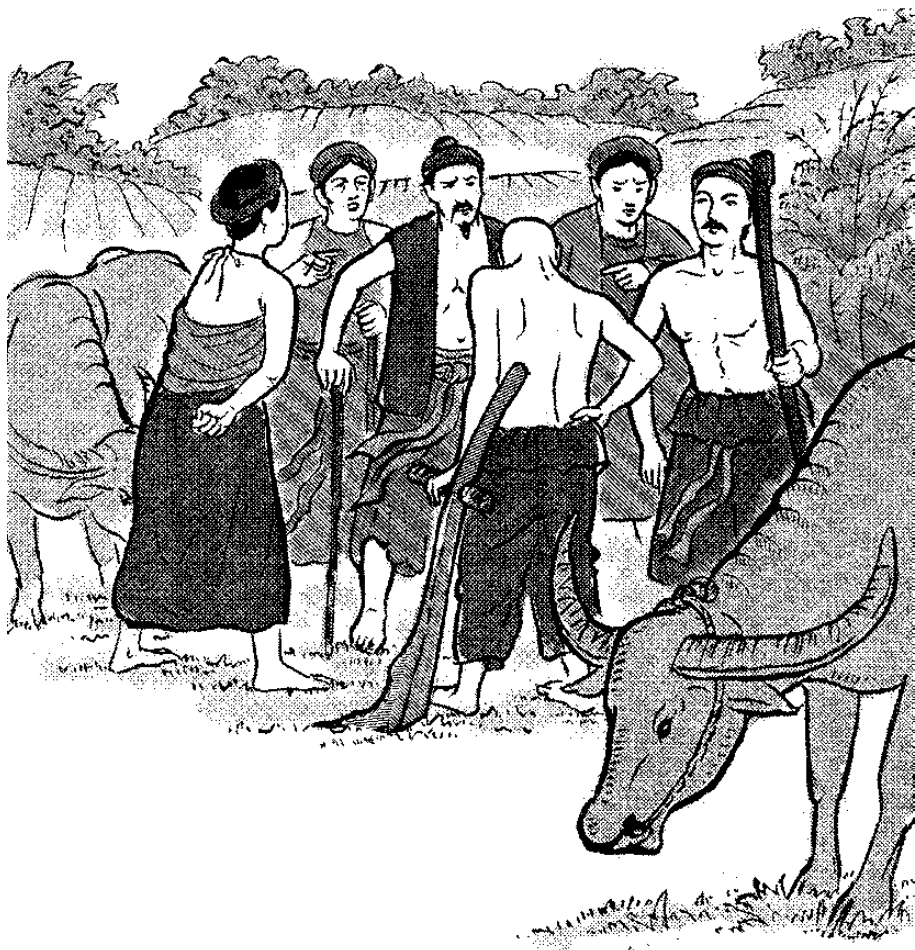
* 1 thạch = 59,2kg.

Năm 1421, Tổng binh Lý Bân lập đồn điền, bắt quân lính làm ruộng. Để có đồn điền, giặc đã cướp nhiều ruộng đất của người dân. Nhiều người vì mất đất mà phải tha hương cầu thực.



Lý Bân ra quy định lính Minh cứ mười người thì cử ba người đi làm ruộng, lính Việt thì cứ mười người lấy bảy người đi làm ruộng. Riêng ở vùng Diễn Châu (Nghệ An ngày nay), quân Minh không đi làm ruộng mà giao hết cho lính người Việt.



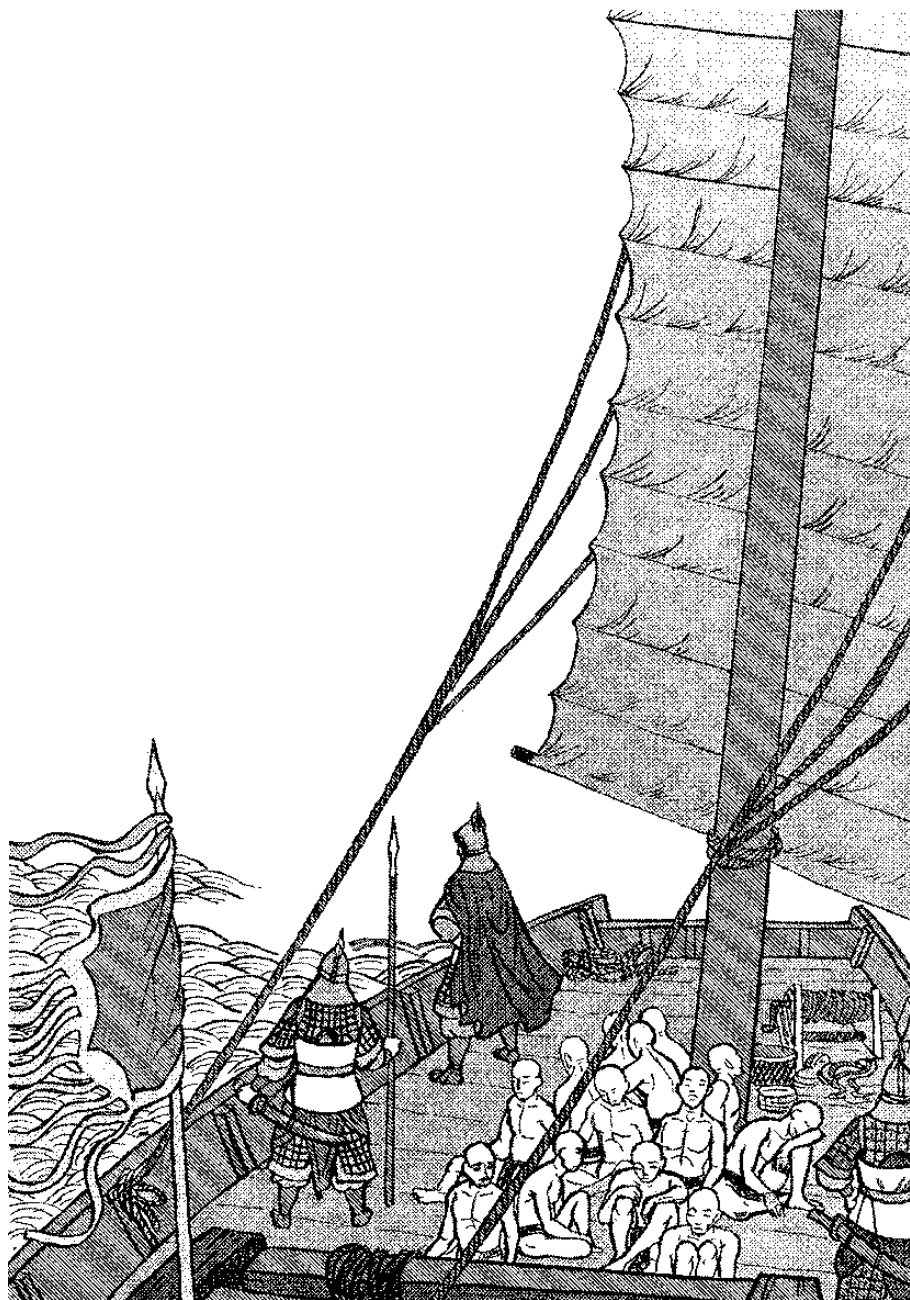


Cai quản đồn điền là tướng nhà Minh nhưng người làm ruộng chủ yếu là lính người Việt. Nhiều người cho rằng lính Việt cướp ruộng người Việt nên rất bất bình.

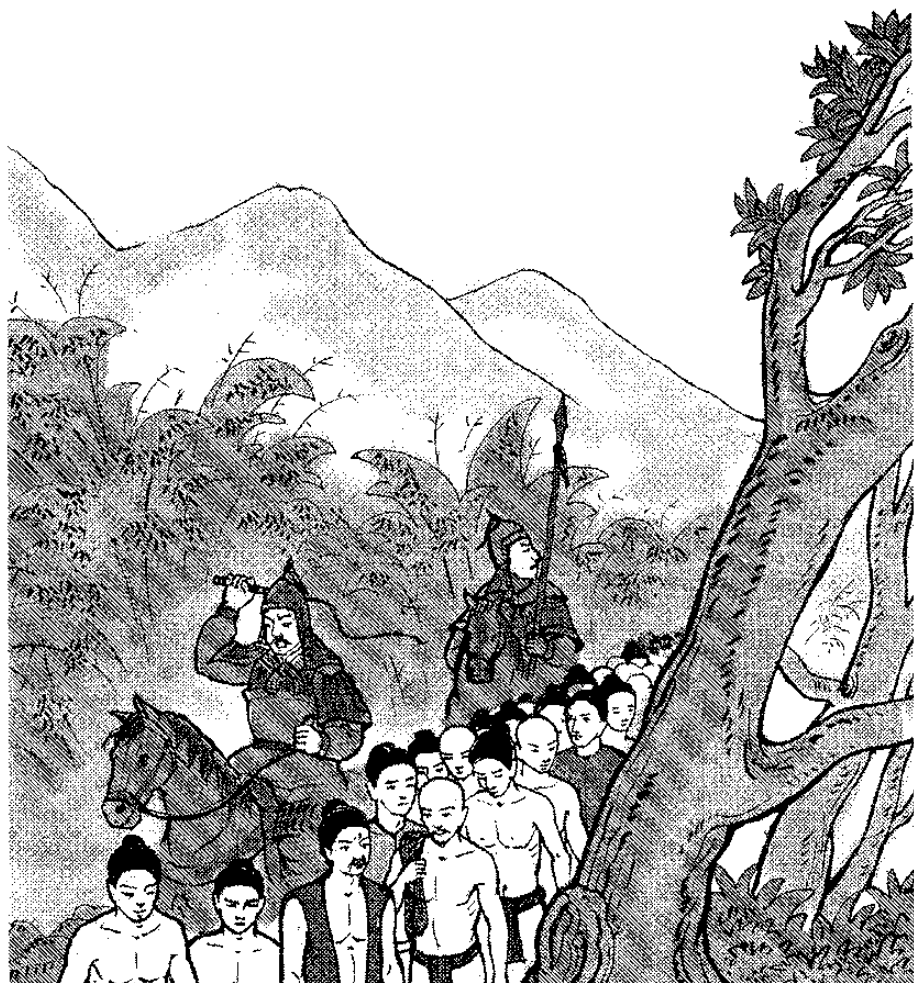
Thấy số cống vật thu gom còn ít, giặc Minh lập ra Kim trường cục và Châu trường cục. Kim trường cục trông coi việc khai mỏ, đặc biệt là mỏ vàng và mỏ bạc. Cả nước có năm Kim trường cục, tập trung hàng nghìn dân phu người Việt.



Châu trường cục trông coi việc khai thác thủy hải sản, đặc biệt là ngọc trai. Làm việc trong các Châu trường cục là hàng nghìn dân phu người Việt. Cai quản các Kim trường cục và Châu trường cục là quan lại nhà Minh.

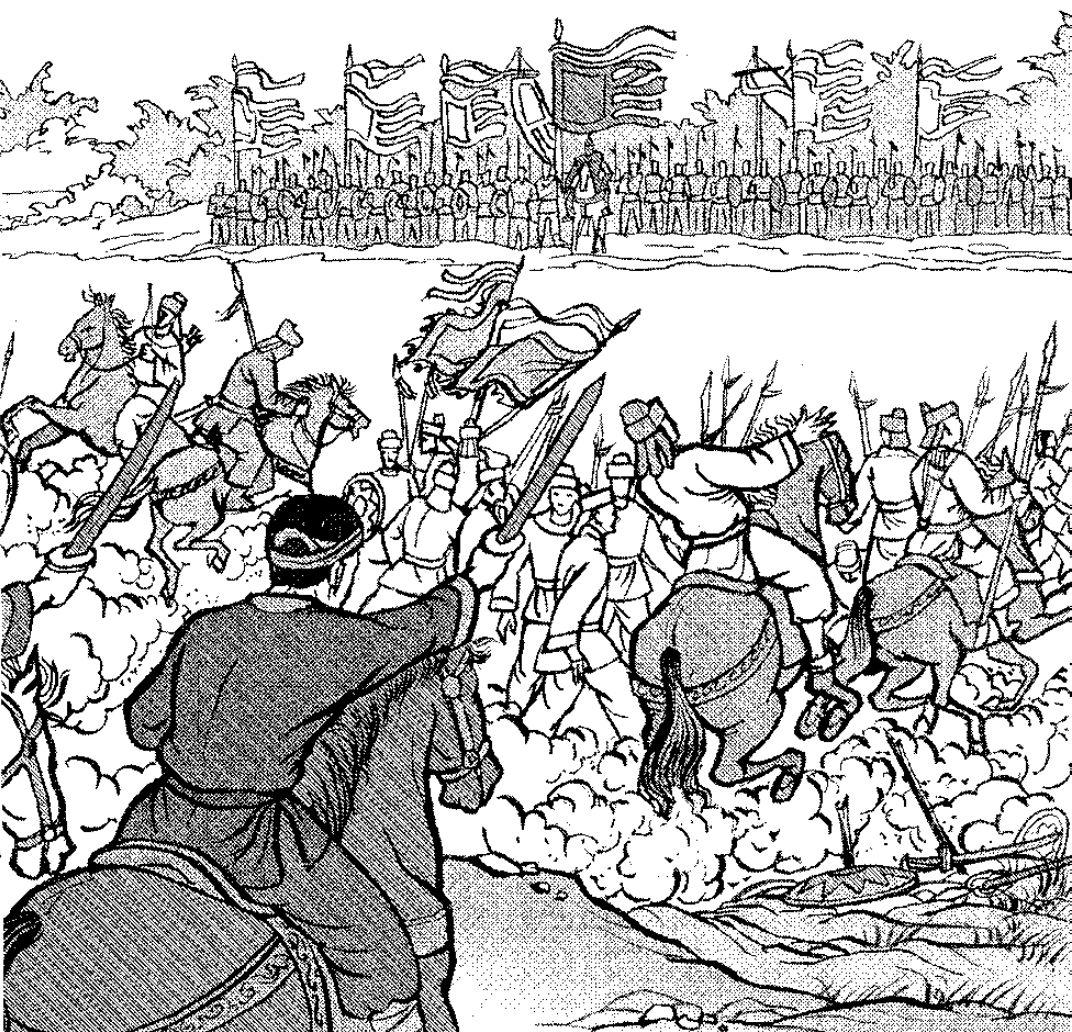


Giặc Minh còn bắt dân ta vào rừng bắt những loài thú quý như hươu trắng, voi trắng, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao... Nhiều người đã bỏ xác nơi rừng sâu núi hiểm.





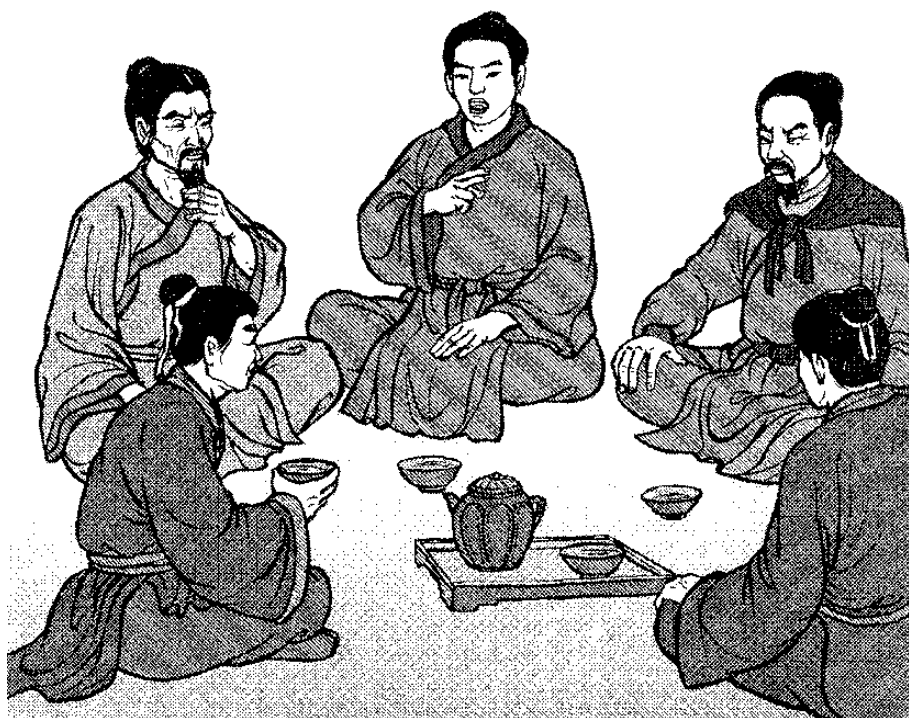
Sự tàn ác của giặc Minh khiến người dân Việt ngày càng căm phẫn. Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra. Trong đó, lớn nhất là cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.



Trần Ngỗi là hoàng tử thứ tám của vua Trần Nghệ Tông. Khi quân Minh xâm lược, Trần Ngỗi lánh nạn ở phủ Trường Yên (Ninh Bình).



Tháng mười năm Đinh Hợi (1407), Trần Ngỗi giương cao lá cờ đánh đuổi giặc Minh, dựng lại nhà Trần ở Trường Yên. Hào kiệt bốn phương kéo về Trường Yên tụ nghĩa. Trong số đó có Thái học sinh Nguyễn Biểu; cha con Đặng Tất, Đặng Dung; cha con Nguyễn Cảnh Chân, Nguyễn Cảnh Dị.

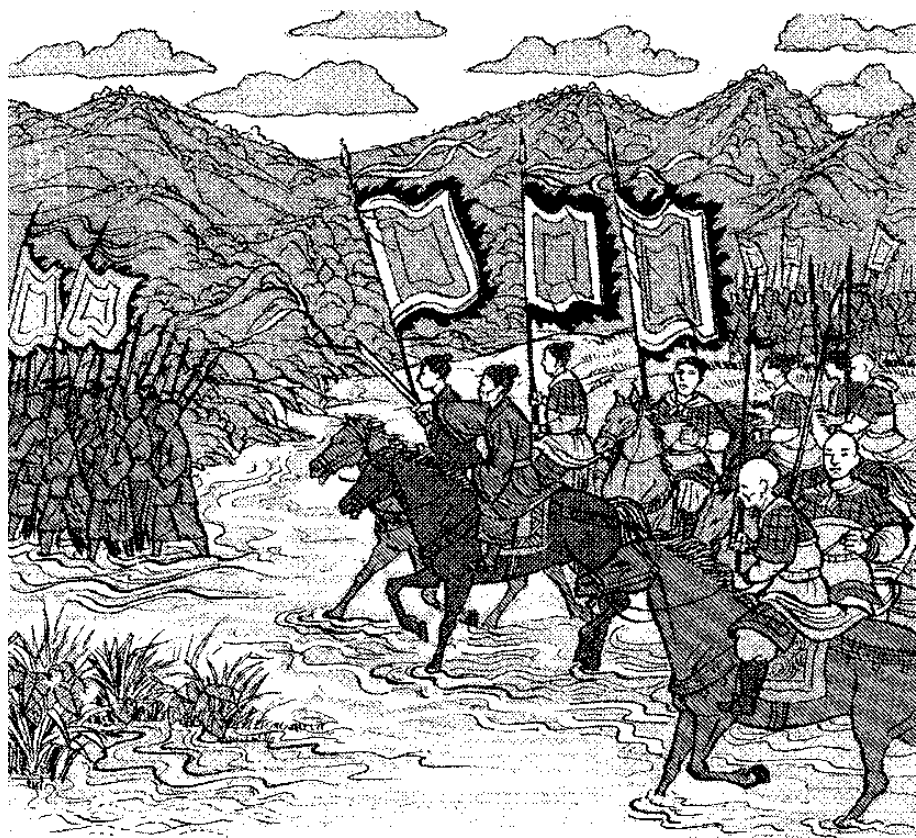


Đặng Tất quê ở làng Phù Lưu, huyện Thiên Lộc (nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh). Thời Hồ, Đặng Tất làm Đại tri châu Thăng Hoa*. Khi giặc Minh đô hộ nước ta, Đặng Tất vẫn được giữ chức cũ.

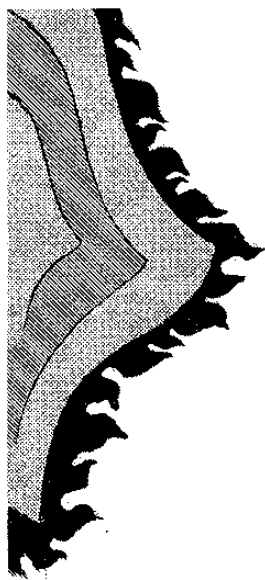
* Châu Thăng Hoa là vùng đất Quảng Nam – Đà Nẵng.



Nghe tin Trần Ngỗi hiệu triệu dân chúng đánh đuổi giặc Minh, Đặng Tất bỏ chức quan, cùng con trai là Đặng Dung tìm đến đầu quân.



Trần Ngỗi thu nhận hai cha con Đặng Tất,
Đặng Dung, giao cho họ những chức vụ quan
trọng trong quân.



Nguyễn Cảnh Chân quê ở làng Ngọc Sơn (huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An ngày nay). Nguyễn Cảnh Chân từng làm quan với nhà Hồ và được Hồ Hán Thương tin dùng.



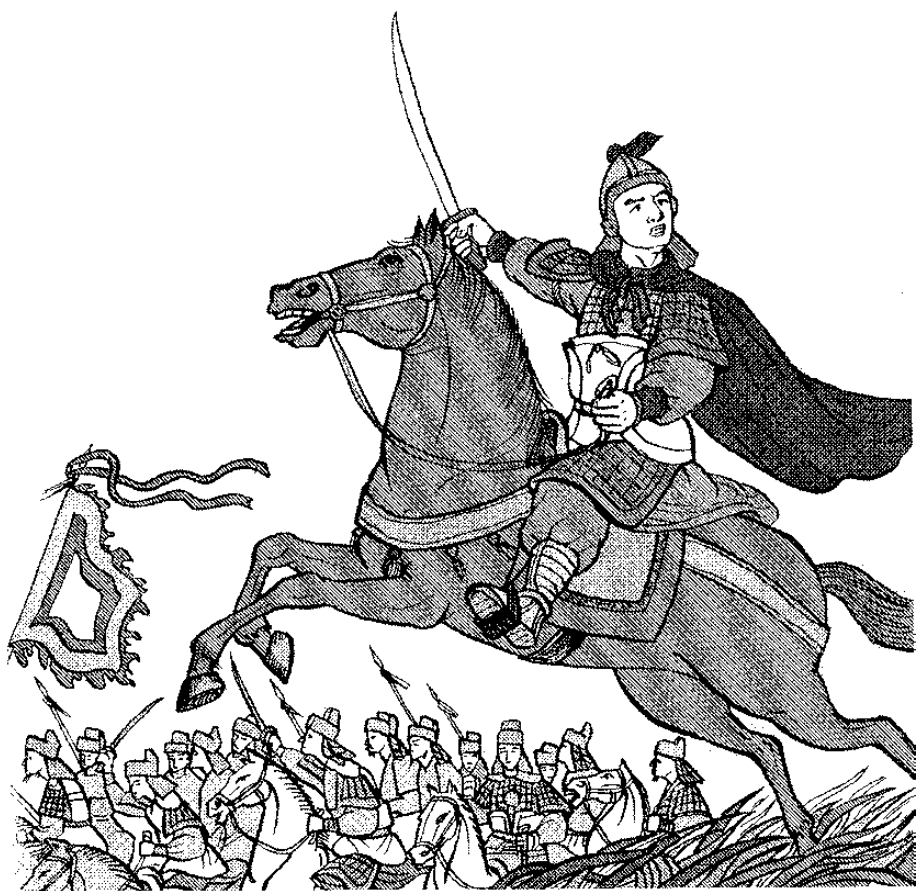
Nghe tin Trần Ngỗi dấy binh, Nguyễn Cảnh Chân và con trai là Nguyễn Cảnh Dị tìm đến đầu quân. Trần Ngỗi tin tưởng, giao cho cha con Nguyễn Cảnh Chân những chức vụ quan trọng.



Nguyễn Biểu quê ở xã Bình Hồ, huyện Chi La (huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh). Cuối thời Trần, Nguyễn Biểu từng giữ chức Điện tiền Ngự sử nhà Trần. Khi quân Minh xâm lược, ông trốn về quê. Khi Trần Ngỗi dấy binh, Nguyễn Biểu dẫn theo một toán nghĩa binh đến đầu quân.



Dưới trướng Trần Ngỗi còn có Nguyễn Sứ. Không rõ Nguyễn Sứ quê ở đâu, sinh năm nào nhưng Nguyễn Sứ là danh tướng nhiều lần khiến giặc Minh thất điên bát đảo.



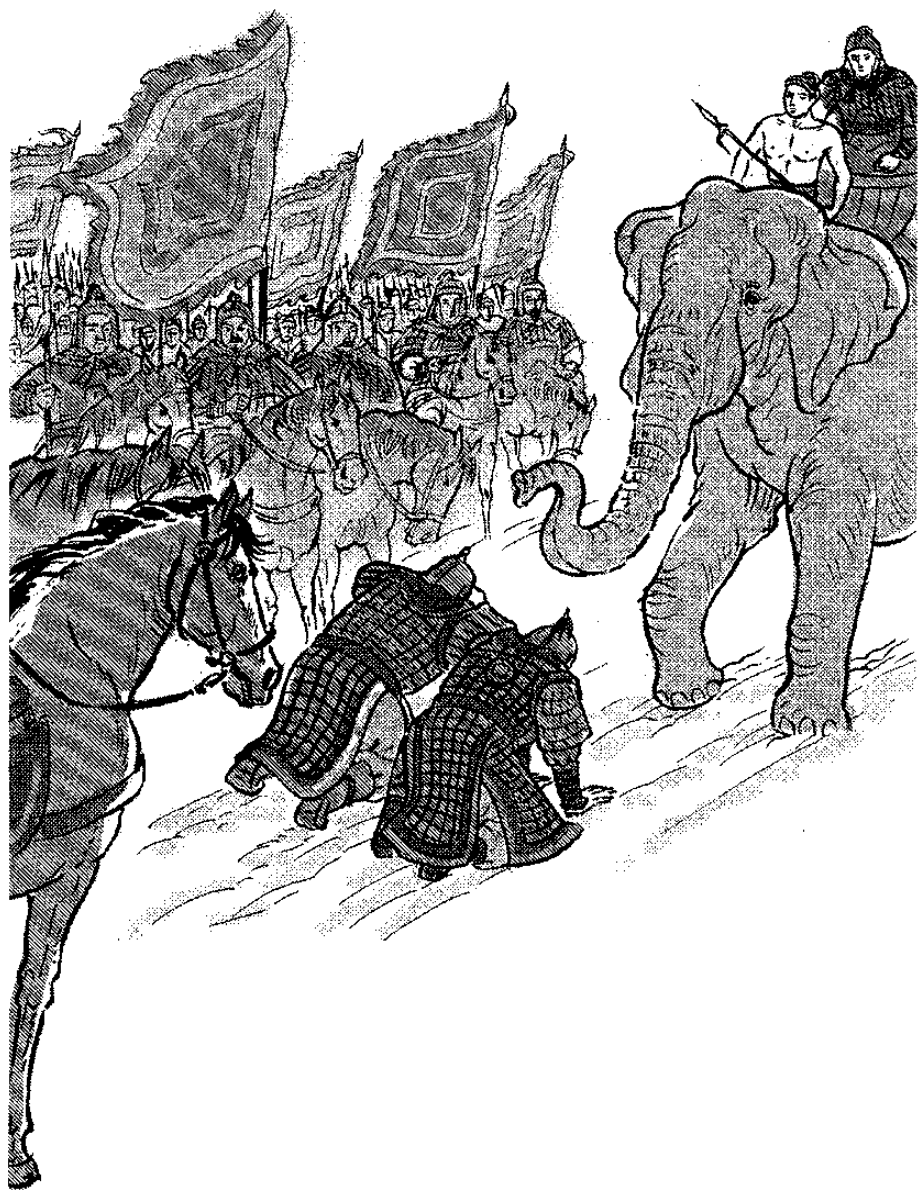


Chỉ trong một thời gian ngắn, nghĩa quân Trần Ngỗi đã giành được vùng đất rộng lớn từ huyện Yên Mô (tỉnh Ninh Bình ngày nay) trở vào phía nam.

Tháng mười hai năm Mậu Tý (1408), Trần Ngỗi đánh thắng trận Bô Cô*. Binh bộ Thượng thư Lưu Tuấn và võ tướng Lữ Nghi bị chém tại trận, Tây Bình hầu Mộc Thạnh bỏ cả áo mao chạy thoát thân.

* Tên một bến đò ở huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày nay.





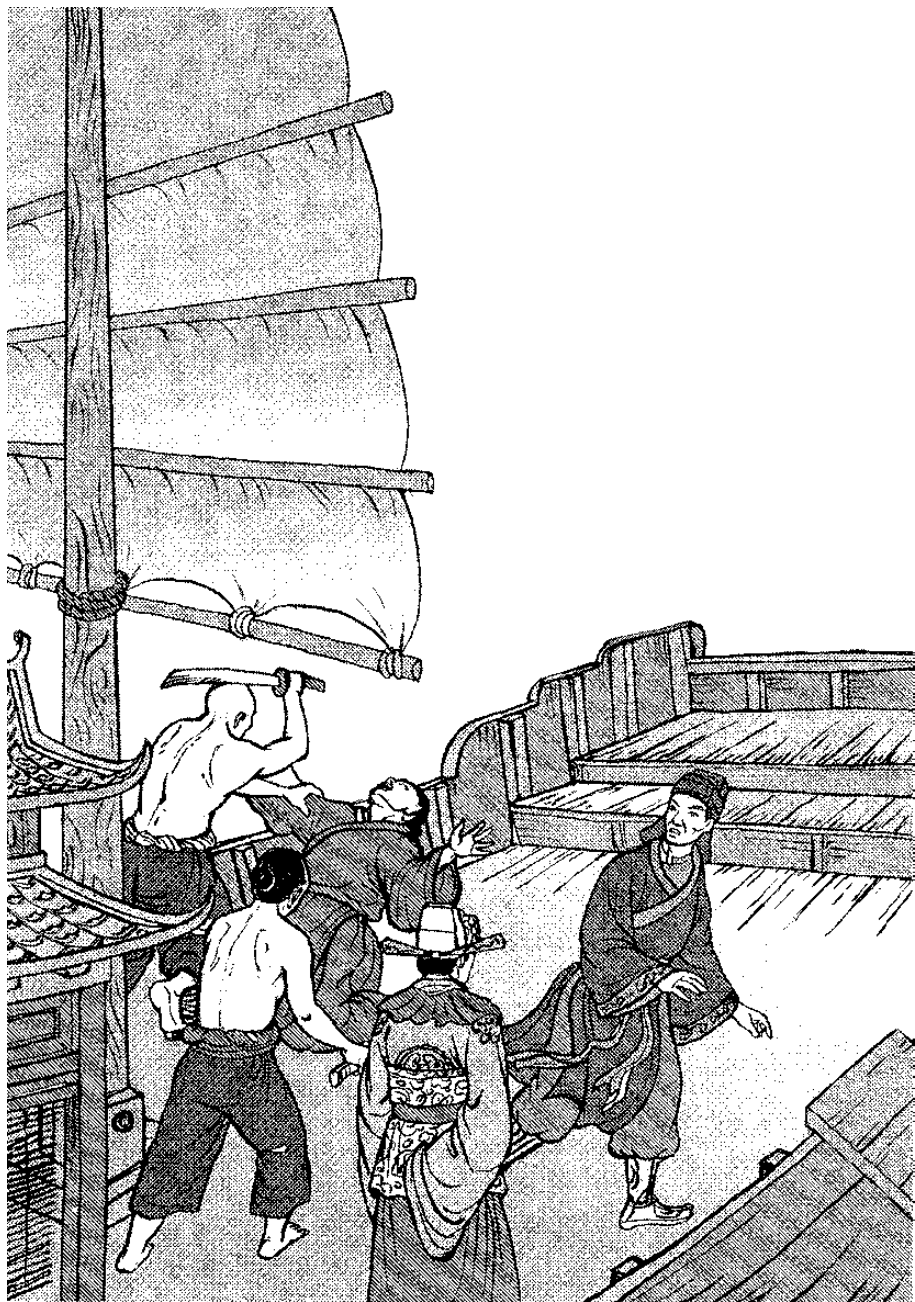
Thắng trận, Trần Ngỗi dự định tiến đánh thành Đông Đô*. Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân can ngăn vì sợ quân chưa đủ mạnh để đánh chiếm trị sở của giặc Minh.

* Thời nhà Hồ, Hồ Quý Ly đổi gọi Thăng Long là Đông Đô để phân biệt với Tây Đô ở Thanh Hóa.



Trần Ngỗi rất giận Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Chân. Nhân cơ hội đó Nguyễn Quý và Nguyễn Mộng Trang xúi dục Trần Ngỗi giết hại Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Chân.

Tháng hai năm Kỷ Sửu (1409), Trần Ngỗi mời Quốc công Đặng Tất và Tham mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân đến bàn việc. Khi Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân đến nơi, Trần Ngỗi sai võ sĩ chém chết.



Sau cái chết của Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Chân, nhiều người không còn tin tưởng Trần Ngỗi. Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị tìm người thay thế Trần Ngỗi đứng đầu cuộc kháng chiến.

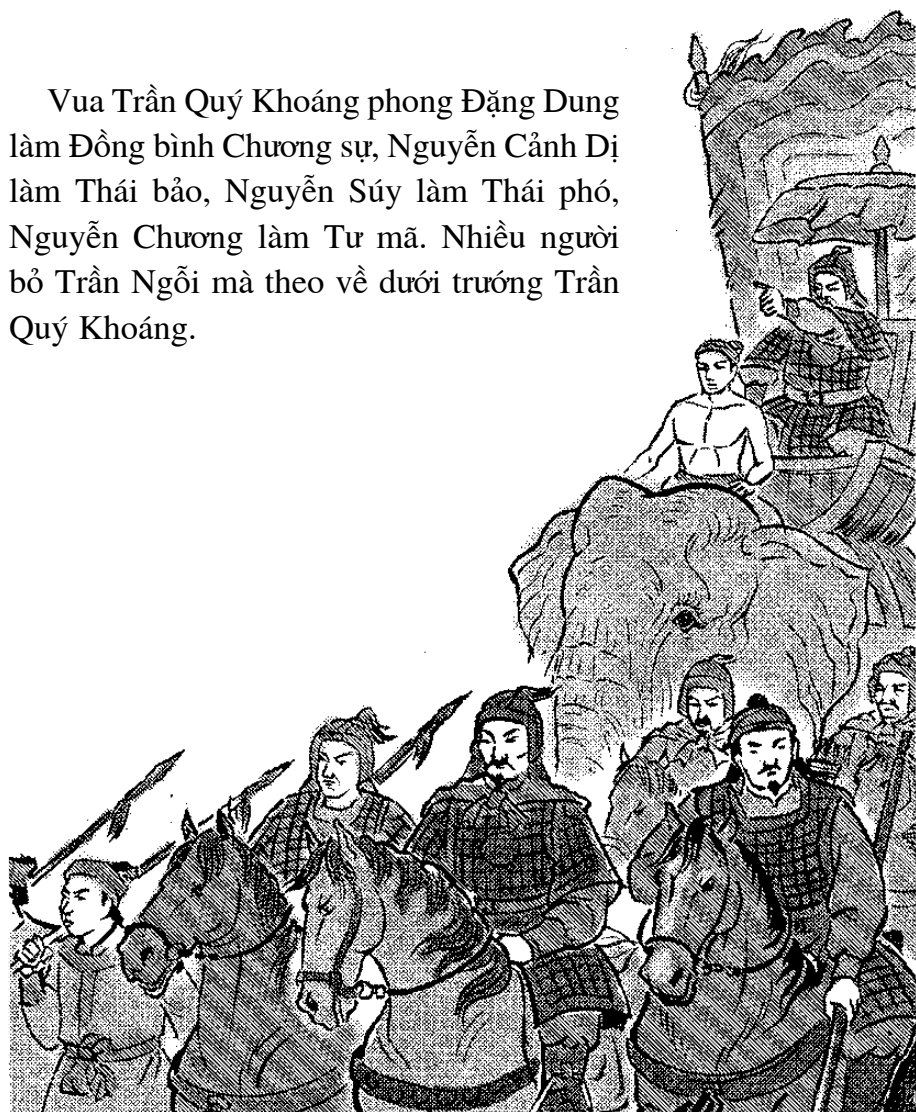


Tháng ba năm Kỷ Sửu (1409), Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị gặp được Trần Quý Khoáng là cháu nội vua Trần Nghệ Tông. Cả hai tôn Trần Quý Khoáng làm vua.





Vua Trần Quý Khoáng phong Đặng Dung làm Đồng bình Chương sự, Nguyễn Cảnh Dị làm Thái bảo, Nguyễn Súy làm Thái phó, Nguyễn Chương làm Tư mã. Nhiều người bỏ Trần Ngỗi mà theo về dưới trướng Trần Quý Khoáng.



Tháng tư năm Kỷ Sửu (1409), Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị bí mật bắt Trần Ngỗi về Chi La (Nghệ An). Tại đây, Trần Ngỗi được tôn làm Thượng hoàng, cùng với Trần Quý Khoáng đánh đuổi giặc Minh.

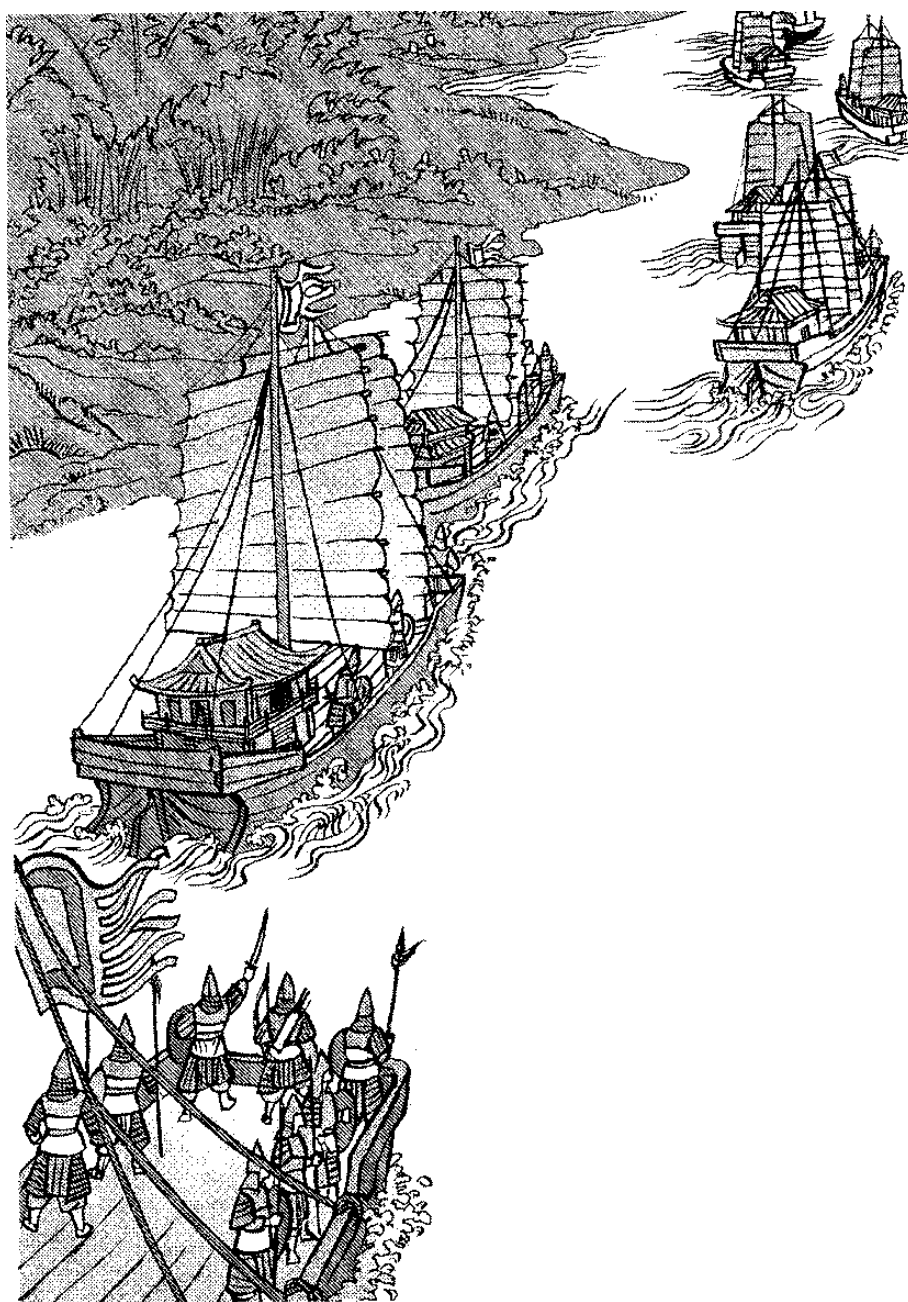


Đến tháng bảy năm Kỷ Sửu (1409), Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng đem quân đánh ra Bắc. Trần Ngỗi đánh vào vùng Hạ Hồng (nay thuộc Hưng Yên), còn Trần Quý Khoáng đánh vào bến Bình Than (nay thuộc Hải Dương). Thế giặc mạnh, Trần Ngỗi thua trận, bị bắt đem về Trung Quốc.





Đánh bại Trần Ngỗi, Trương Phụ đem quân tấn công Trần Quý Khoáng. Trần Quý Khoáng thua trận, phải rút về Chi La. Trương Phụ cho quân đàn áp dã man những gia đình có người tham gia nghĩa quân.



Tháng 5 năm Canh Dần (1410), Trần Quý Khoáng bất ngờ đem quân đánh ra Bắc, bắt sống Đô đốc Giang Hạo, Chỉ huy Tả Dị. Trần Quý Khoáng chiếm Bình Than nhưng không giữ được lâu.



Tháng chín năm ấy, Trần Quý Khoáng sai Hành khiển Hồ Nghiện Thần và Thẩm hình Bùi Nột Ngôn đi sứ cầu phong nhưng không được nhà Minh chấp thuận.

Trong hai năm 1412-1413, giặc Minh nhiều lần tập kích nghĩa quân của Trần Quý Khoáng. Tháng tư năm Quý Ty (1413), Trần Quý Khoáng chạy về Hóa Châu (vùng đất Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên – Huế ngày nay). Tại đây, Trần Quý Khoáng sai Nguyễn Biểu đem lễ vật sang nhà Minh cầu phong.



Nguyễn Biểu đi đến Nghệ An thì bị Trương Phụ bắt giam.
Nguyễn Biểu lớn tiếng vạch tội của Trương Phụ.



Thấy Nguyễn Biểu là người có khí tiết, Trương Phụ sai người cởi trói rồi cùng ông tranh luận. Nguyễn Biểu ứng đối trôi chảy, lý lẽ sắc bén khiến Trương Phụ dù giận nhưng vẫn khâm phục.



Trương Phụ sai người dọn cho Nguyễn Biểu một mâm cỗ đầu người luộc chín. Nguyễn Biểu ung dung ăn cỗ đầu người, vừa ăn vừa đọc bài thơ *Ăn cỗ đầu người*.



Trương Phụ sai người trói Nguyễn Biểu dưới chân một cây cầu bắc qua sông Lam. Khi nước triều dâng cao, Nguyễn Biểu tuần tiết.



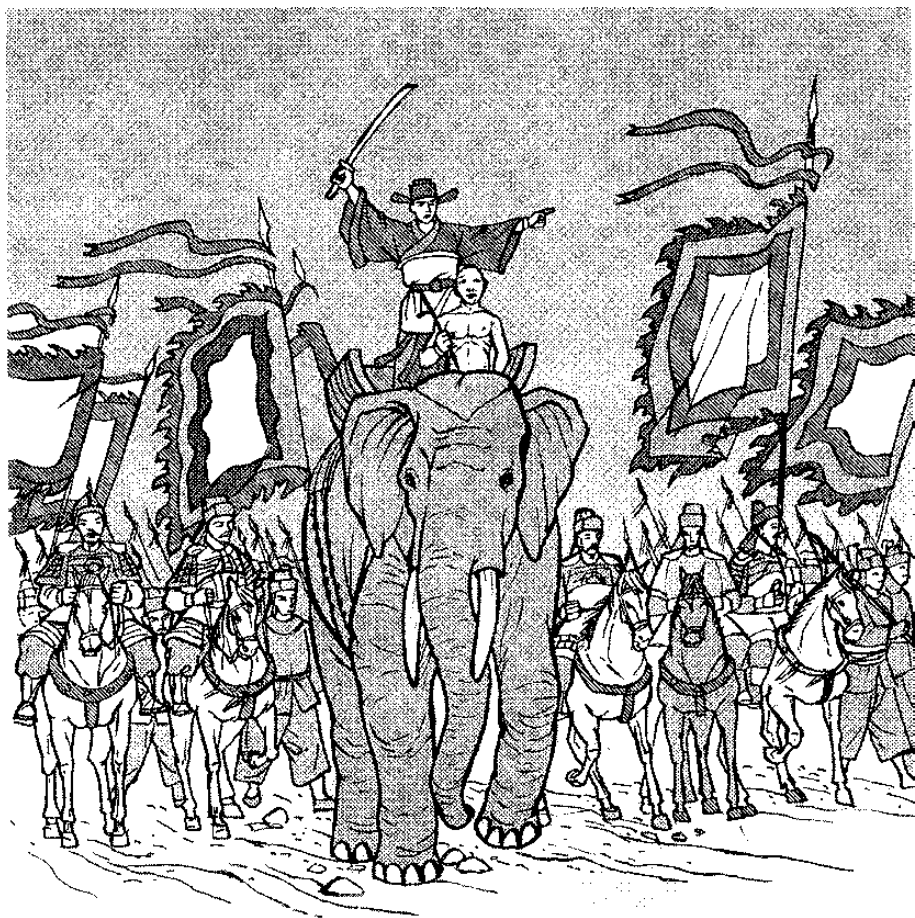


Tháng sáu năm Quý Ty (1413),
Trương Phụ đánh vào Hóa châu.
Tháng mười hai năm ấy, vua Trần
Quý Khoáng và các tướng Đặng
Dung, Nguyễn Cảnh Dị, Nguyễn
Súy thua trận, bị bắt. Nguyễn Cảnh

Dị vì chửi mắng Trương Phụ nên bị giết tại chỗ. Những người còn
bị giải về Trung Quốc. Trên đường đi, Trần Quý Khoáng và các
tướng đã tự vẫn để bảo toàn khí tiết.

Cuối năm 1407, ở vùng trung du miền núi phía Bắc và vùng núi rừng Thanh Nghệ xuất hiện phong trào áo đỏ của những người dân tộc ít người. Phong trào này không có người lãnh đạo, ai muốn tham gia thì mặc áo đỏ và tự giết giặc theo cách của mình. Phong trào này kéo dài đến năm 1427 mới dứt.



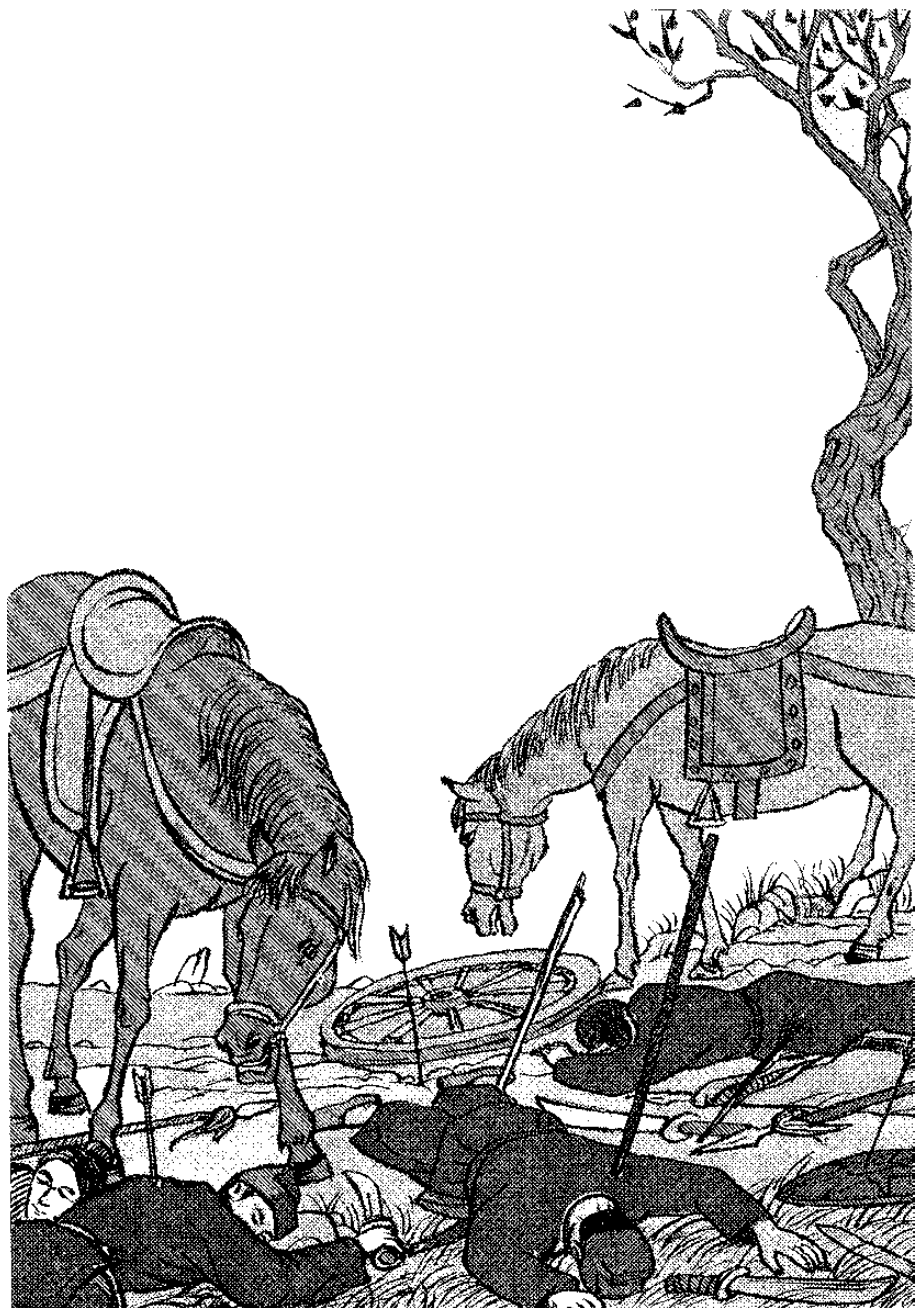


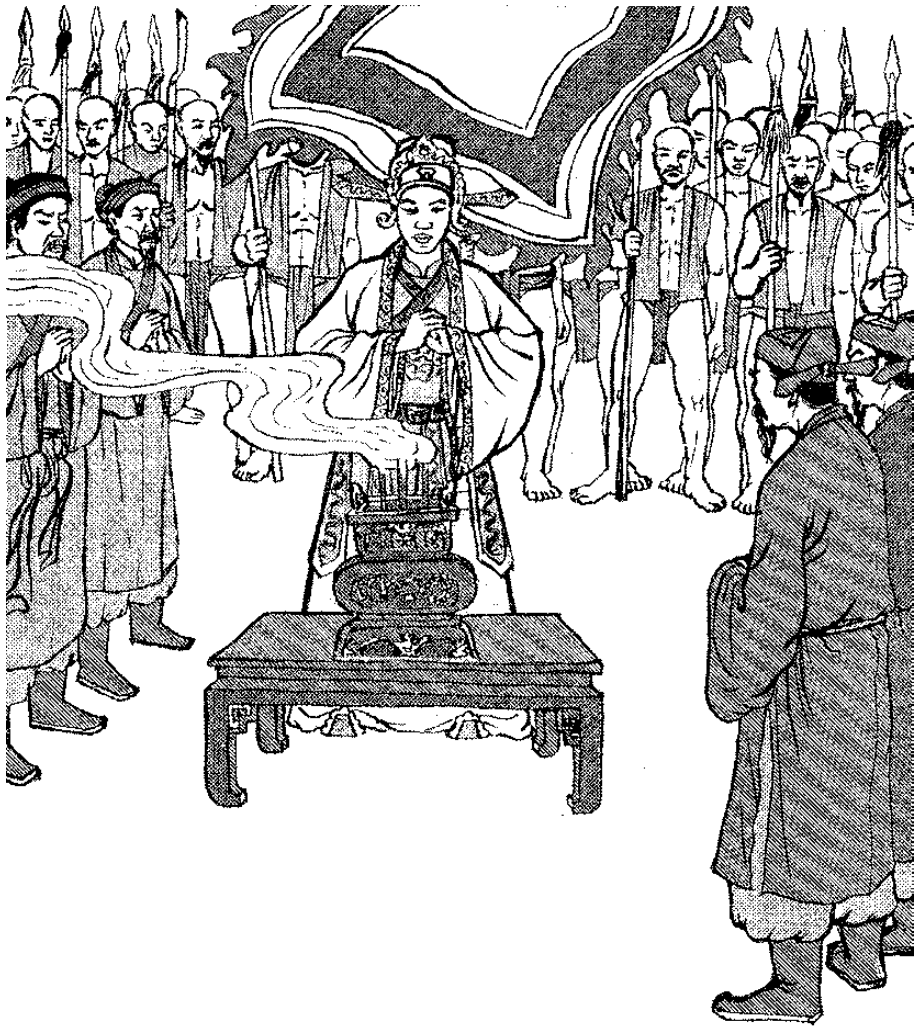
Tháng bảy năm Kỷ Hợi (1419), Tri phủ Nghệ An là Phan Liêu đã cùng nhân dân nổi dậy đánh chiếm thành Nghệ An. Nhưng cuộc khởi nghĩa này sớm bị giặc Minh dập tắt.

Tháng mười một năm Kỷ Hợi (1419), Phạm Ngọc - một nhà sư quê ở An Lão (nay là huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng) - đã cùng nhân dân đánh đuổi giặc Minh khỏi vùng biển Đồ Sơn (nay là quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng).



Sang năm, Tổng binh Lý Bân đem quân về Đồ Sơn. Vì quân ít, lại không quen chiến đấu nên cuộc khởi nghĩa của Phạm Ngọc nhanh chóng bị dập tắt.





Năm Kỷ Hợi (1419), ở Lạng Sơn có cuộc khởi nghĩa của Lê Ngã. Lê Ngã quê ở Hải Phòng, vốn là gia nô của một quý tộc họ Trần. Khi dựng cờ nghĩa, Lê Ngã nhận mình là cháu ba đời của vua Trần Duệ Tông. Chỉ trong một tháng, nghĩa quân đã đông đến hàng vạn người. Lê Ngã bèn xưng là Thiên Thượng đế.

Nghĩa quân Lê Ngã đánh thắng một vài trận ở Xương Giang (Bắc Giang ngày nay) và Bình Than (Hải Dương ngày nay). Trần Thiên Lại - vốn là chủ cũ của Lê Ngã, nay là tay sai của giặc Minh - khi biết thân thế của Thiên Thượng đế đã tập hợp một lực lượng riêng đánh phá Lê Ngã. Nghĩa quân của Lê Ngã đánh thắng Trần Thiên Lại nhưng lại bị Tổng binh Lý Bân đánh bại.



Những cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng, Phan Liêu, Phạm Ngọc, Lê Ngã tuy thất bại nhưng đã để lại nhiều bài học quý giá cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi sau này. Nhờ đó, những nghĩa sĩ Lam Sơn đã đánh đuổi được giặc Minh, giành lại được độc lập cho đất nước.



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 6

THỜI NHÀ HỒ

TRẦN BẠCH ĐĂNG chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: GIA TRUNG

Biên tập tái bản: ĐÀO THỊ TÚ UYÊN

Bìa: ĐỖ BIÊN THỦY

Sửa bản in: GIA TÚ CẦU - ĐÀO THỊ TÚ UYÊN

Kỹ thuật vi tính: BÁCH TÙNG - NGUYỄN VĂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: hophubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

DI TÍCH THÀNH NHÀ HỒ

Cổng Nam



Cổng Bắc



Cổng Đông



Cổng Tây

Nguồn: Trung tâm bảo tồn di sản thành nhà Hồ



www.ybook.vn/ebook

nxbtre.com.vn